

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

CHỢ ĐỒ

Quyển 1



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Ca dao

Quyển 1

**Viện nghiên cứu Văn hóa
và Nhà xuất bản Khoa học xã hội
giữ bản quyền sách này**

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

Chân Đạo

Quyển 1

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2009

Chủ biên

NGUYỄN XUÂN KÍNH

Biên soạn

NGUYỄN XUÂN KÍNH, PHAN LAN HƯƠNG

Với sự cộng tác của:

PHAN THỊ HOA LÝ

NGUYỄN THANH HIỀN

CAO THỊ HẢI

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam là nước có truyền thống văn học. Bộ sách *Tổng tập văn học Việt Nam* do GS. Đinh Gia Khánh làm Chủ tịch Hội đồng biên tập, được Nhà xuất bản Khoa học xã hội tái bản năm 2000 (gồm 42 tập) là minh chứng cho truyền thống đó. Đây là bộ *Tổng tập văn học* viết của cả người Việt và các dân tộc thiểu số Việt Nam từ thế kỷ X cho đến ngày 02 tháng 9 năm 1945.

Về văn học dân gian, từ năm 2002 đến năm 2006, Viện Nghiên cứu Văn hóa và Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã hợp tác biên soạn và xuất bản trọn bộ *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, gồm 20 quyển). Hiện nay, hai đơn vị đang hợp tác biên soạn và theo kế hoạch đến năm 2010 sẽ hoàn thành việc công bố bộ sách *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam* gồm 23 tập. Bộ sách giới thiệu diện mạo văn học dân tộc thiểu số nước ta theo từng thể loại và được xuất bản với hình thức song ngữ (ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ dân tộc thiểu số).

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, 20 quyển) là bộ sách lần đầu tiên được biên soạn tương đối thống nhất về phương pháp, giới thiệu diện mạo văn học dân gian người Việt theo thể loại. Trong *Tổng tập*, mỗi một thể loại được giới thiệu như sau: Bài Khảo luận (trong bài trình bày, giới thiệu thể loại, lịch sử sưu tầm, nghiên cứu, giá trị nội dung và hình thức); phần biên soạn các tác phẩm; thư mục. Các thể loại tục ngữ, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, vè, ca dao được dành hai tập cho một thể loại. Còn các thể loại sau được thể hiện với dung lượng mỗi tập một thể loại: câu đối, truyện ngụ ngôn, giai thoại văn học, truyện nông bình dân, kịch bản chèo sân đình, kịch bản tuồng dân gian. Người Việt cổ có thần thoại và có thể có sử thi, nhưng vì lý do lịch sử, sử thi bị mai một, thần thoại chỉ còn những mảnh vụn, không còn hệ thống.

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* trước hết và chủ yếu được biên soạn dành cho giới nghiên cứu. Để đáp ứng nhu cầu rộng rãi của bạn đọc, được sự cho phép của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, sự đồng ý của các soạn giả, Viện Nghiên cứu Văn hoá và Nhà xuất bản Khoa học xã hội chủ trương trên cơ sở đảm bảo nội dung cơ bản, lược bỏ phần dị bản của các tác phẩm, in thành những quyển sách có khuôn khổ và độ dày phù hợp nhằm phục vụ độc giả cả nước. Những quyển này nằm trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*. Khi từng quyển sách này đến tay bạn đọc, sau khi thưởng thức trí tuệ mẫn tiệp trong các câu tục ngữ, sự hóm hỉnh trong câu đố, sự sáng khoái trong các truyện cười, tính chất ý nhị trong các giai thoại văn học, những rung động thiết tha qua lời ca dao trữ tình..., xin bạn đọc hiểu rằng đó là tài sản văn hoá tinh thần quý báu của cha ông, việc sưu tầm, gìn giữ nó không chỉ do các soạn giả được ghi tên ở trong sách, mà còn do nhiều thế hệ, nhiều nhà sưu tầm thực hiện, tên tuổi và các công trình của họ đã được ghi nhận đầy đủ trong bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt*.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc từng quyển trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*.

Hà Nội, tháng 8 năm 2008

Giám đốc

Tổng biên tập

NHÀ XUẤT BẢN

KHOA HỌC XÃ HỘI

TS. Vi Quang Thọ

Viện trưởng

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ

Chủ tịch Hội đồng biên tập

Tổng tập văn học dân gian người Việt

GS. TS. Nguyễn Xuân Kính

ĐẤT NƯỚC VÀ LỊCH SỬ

**NHỮNG NƠI CÓ DANH LAM THẮNG CẢNH,
TRAI THANH GÁI LỊCH, PHONG TỤC
THUẦN HẬU, NẾP SỐNG ĐẸP**

1. Ai đi Bình Thới, Trà Ôn⁽¹⁾
Ruộng đồng lai láng, gái khôn trai hiền.
(1) *Bình Thới, Trà Ôn*: tên ấp, nay thuộc xã Bình Đức
huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
2. Ai đi Châu Đốc, Nam Vang
Ghé qua Đồng Tháp bạt ngàn bông sen.
3. Ai đi qua đò Do⁽¹⁾ mới biết
Dòng nước trong, xanh biết là bao
Gái thời da đỏ hồng hào
Mắt đen lay láy người nào chẳng yêu.
(1) *Đò Do*: thuộc xã Hoàng Phương, huyện Hoàng Hóa, tỉnh
Thanh Hóa.
4. Ai đi qua phố Khoa Trường⁽¹⁾
Dừng chân ngắm cảnh núi rừng xanh xanh
Dòng sông uốn khúc chảy quanh
Trên đường cái lớn bộ hành ngược xuôi.
(1) *Phố Khoa Trường*: ở xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia,
tỉnh Thanh Hóa.
5. Ai đi trải hội chùa Hương⁽¹⁾
Làm ơn gặp khách thập phương hỏi giùm

Mớ rau sắng⁽²⁾, quả mơ non

Mơ chua, sắng ngọt, biết còn thương chăng?

(1) *Chùa Hương*: thắng cảnh nổi tiếng cả nước, ở Hà Tây; hội chùa Hương kéo dài gần hết mùa xuân.

(2) *Rau sắng*: một loại rau ngọt, còn được gọi là rau bồng ngọt.

6. Ai đua sông Trước⁽¹⁾ thì đua

Sông Sau⁽²⁾ có miếu thờ vua thì dừng.

(1), (2) *Sông Trước, sông Sau*: các sông Tiền Giang và Hậu Giang.

7. Ai lên Đồng Tỉnh, Huê Cầu⁽¹⁾

Đồng Tỉnh bán thuốc, Huê Cầu nhuộm thâm.

(1) *Đồng Tỉnh, Huê Cầu*: cả hai nơi này trước thuộc tỉnh Bắc Ninh sau thuộc tỉnh Hưng Yên.

8. Ai lên nhẩn nhủ hàng bông

Có muốn lấy chồng thì xuống Nguyệt Viên⁽¹⁾

Nguyệt Viên lắm lúa nhiều tiền

Lại có sông liền tắm mát nghỉ ngơi

Chiều chiều ba dãy cá tươi

Chẳng ăn thời thiệt, chẳng chơi thời hèn.

(1) *Nguyệt Viên*: thuộc xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

9. Ai lên Phú Thọ thì lên

Lên non Cổ Tích, lên đền Hùng Vương

Đền này thờ tổ Nam Phương

Quy mô trước đã sửa sang rõ ràng

Ai ơi nhận lại cho tường

Lối lên đền Thượng sẵn đường xi măng
Lên cao chẳng khác đất bằng
Đua nhau lũ lượt lên lăng vua Hùng.

10. Ai ơi! Chớ phụ Cồn Hàu⁽¹⁾

Làm cho hai huyện cả giàu cả sang.

(1) *Cồn Hàu*: ở làng Văn La, Lệ Ninh, nay thuộc thị xã
Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

11. Ai ơi đứng lại mà trông

Kìa núi Thành Lạng, kìa sông Tam Cờ⁽¹⁾.

(1) *Thành Lạng, sông Tam Cờ* (Tam Kỳ): ở tỉnh Lạng Sơn.

12. Ai ơi đứng lại mà trông

Kìa vạc nấu dó, kìa sông đăi bìa

Kìa giếng Yên Thái⁽¹⁾ như kia

Giếng sâu chín trượng nước thì trong xanh

Đâu chợ Bưởi có điểm cầm canh

Người đi kẻ lại như tranh họa đồ

Cổng chợ có miếu thờ vua

Đường cái chính xứ lên chùa Thiên Niên⁽²⁾

Chùa Thiên Niên có cây vọng cách

Chùa Bà Sách⁽³⁾ có cây đa lông

Cổng làng Đông⁽⁴⁾ có cây khế ngọt

Con gái Kẻ Cốt⁽⁵⁾ thì đi buôn xê

Con trai làng Nghè⁽⁶⁾ dệt củi kéo hoa

An Phú⁽⁷⁾ nấu kẹo mạch nha

Làng Vòng⁽⁸⁾ làm cốm để mà tiến vua

Họ Lại⁽⁹⁾ làm giấy sắc vua

Làng Láng⁽¹⁰⁾ mở hội kéo cờ hùng ghê.

- (1) *Yên Thái*: thuộc vùng Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội. Yên Thái có giếng xưa kia nổi tiếng là giếng nước trong, ở đầu làng.
- (2) *Chùa Thiên Niên*: ngôi chùa nổi tiếng ở về phía tây Hồ Tây, chợ Bưởi đi lên.
- (3) *Chùa Bà Sách*: cũng gọi là chùa Tào Sách, một ngôi chùa nổi tiếng ở về phía Hồ Tây, chợ Bưởi đi lên.
- (4) *Làng Đông*: tức Đông Xã, xưa kia là một trong ba thôn của xã Yên Thái, nay thuộc nội thành Hà Nội.
- (5) *Kẻ Cót*: tên nôm làng Hạ Yên Quyết, làng này có nhiều người đi buôn, xưa thường đi buôn "xê" tức là những mảnh dầu mặt của tấm vỏ dó (loại nguyên liệu thứ phẩm) để bán cho làng Giấy tức làng An Hoà để làm loại giấy xấu gọi là giấy "xê" kém hơn giấy moi. Có người cho rằng "Kẻ Cót" là tên chung cho cả Thượng Yên Quyết (có tên chính là làng Cót) và Hạ Yên Quyết (tên cũ của làng An Hòa tức làng Giấy) và "Kẻ Cót đi buôn xê" trong câu này ý bao gồm cả làng Cót và làng Giấy không phân biệt.
- (6) *Làng Nghè*: tức là làng Trung Nha, xưa có nghề dệt lĩnh và nghề làm giấy, nay thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- (7) *An Phú*: tên một làng xưa, nay thuộc phường Nghĩa Đô, Hà Nội.
- (8) *Làng Vòng*: đây là làng Dịch Vọng Hậu, huyện Từ Liêm chuyên nghề làm cốm nổi tiếng gọi là cốm Vòng. Đứng ra tên Vòng chỉ toàn tổng Dịch Vọng tức là tổng Vòng xưa kia.
- (9) *Họ Lại*: một họ ở làng Trung Nha, phường Nghĩa Đô, xưa chuyên làm giấy lệnh cho triều đình phong kiến viết sắc chỉ.
- (10) *Làng Láng*: tên nôm làng Yên Lãng thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội. Làng Láng thờ Từ Đạo Hạnh, vào những năm mở hội làng có rước thần và diễn lại tích Đạo Hạnh đánh nhau với sư Đại Diên, khi đám rước đi qua nơi thờ sư Đại Diên ở Dịch Vọng thì kéo cờ và đốt ống lệnh. Nay là phường Láng, quận Đống Đa, Hà Nội.

13. Ai ơi về Đại Phố Châu⁽¹⁾

Thăm núi Châu Thới qua cầu Đồng Nai.

(1) *Đại Phố Châu*: là tên cổ của Cù lao Phố, tỉnh Đồng Nai.

14. Ai ơi về miệt Tháp Mười

Cá tôm sẵn bắt, lúa trời⁽¹⁾ sẵn ăn.

(1) *Lúa trời*: một giống lúa mọc hoang, nhiều nơi gọi là "lúa ma".

15. Ai về đến huyện Đông Anh⁽¹⁾

Ghé thăm phong cảnh Loa Thành Thục Vương⁽²⁾

Cổ Loa hình ốc khác thường

Trải bao năm tháng nẻo đường còn đây.

(1) *Đông Anh*: nay là một huyện ngoại thành Hà Nội.

(2) *Loa Thành Thục Vương*: Cổ Loa là kinh đô nước ta dưới thời Thục An Dương Vương khoảng nửa sau thế kỷ thứ ba trước Công nguyên, nay còn dấu vết ở xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội và là một di tích lịch sử nổi tiếng.

16. Ai về Đồng Tháp xa xôi

Dừng chân tôi gợi đôi lời nhớ nhung

Ai về Ngã Sáu, ấp Trung

Cho tôi gợi nhớ về trong Tháp Mười⁽¹⁾.

(1) Các địa điểm trong lời này thuộc tỉnh Đồng Tháp.

17. Ai về Gia Định thì về

Nước trong gạo trắng dễ bề làm ăn.

18. Ai về Hà Nội, ngược nước Hồng Hà

Buồm giông ba ngọn, vui đà nên vui!

19. Ai về Hoàng Hóa⁽¹⁾ mà coi
 Chợ Quăng⁽²⁾ một tháng ba mươi phiên chiều
 Trai mi miều bút nghiên đèn sách
 Gái thanh tân chợ búa củi canh
 Trai thì nhất bảng đề danh
 Gái thời dệt cửu vừa lanh vừa tài.

(1) *Hoàng Hóa*: một huyện thuộc tỉnh Thanh Hóa.

(2) *Chợ Quăng*: thuộc xã Hoàng Quang, Hoàng Hóa, Thanh Hóa.

20. Ai về thăm huyện Đông Ngàn⁽¹⁾
 Ghé thăm thành Ốc Rùa Vàng⁽²⁾ tiên xây.
 (1) *Đông Ngàn*: tên huyện cũ, xưa thuộc phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc. Một phần huyện này bị cắt ra vào năm 1876 để sáp nhập với một phần huyện Kim Anh, thành lập một huyện mới là huyện Đông Anh, Hà Nội.
 (2) *Thành Ốc Rùa Vàng*: tương truyền, thành Cổ Loa xây theo hình ốc. Thần Kim Quy (Rùa Vàng) giúp An Dương Vương diệt lũ yêu quái, nhờ đó mà xây được thành.

21. Ai về thăm huyện Đông Ngàn
 Ghé thăm thành Ốc Rùa Vàng tiên xây
 Cầm hồn giếng Ngọc tràn đầy
 Máu pha thành lũy ngàn cây bóng tà.

22. Ai về Tuy Phước ăn nem
 Ghé qua Hưng Thạnh mà xem tháp Chàm⁽¹⁾.
 (1) Ở tỉnh Bình Định. *Tuy Phước* là một huyện. *Hưng Thạnh* là vùng đất địa đầu thành phố Quy Nhơn, ở đây có tháp Hưng Thạnh, thường gọi là Tháp Đôi. Tháp "có hai ngọn đứng song song trên khoảnh đất liền, một ngọn cao, một ngọn thấp, xê xích nhau bên chín bên mười." (Quách Tấn).

23. An Giang cảnh trí mĩ miều
Ta thương ta nhớ, ta liễu ta đi.
24. Anh lên đường ngược làm chi
Những non cùng núi, những khe cùng đồi
Anh về Do Ngãi cùng tôi
Cửa cao nhà rộng, tiện nơi học hành.
25. Anh nguyện cùng em chợ Dã cho chí Cầu Đôi
Nguyên lên Cây Cốc xuống vạn Gò Bồi giao lân
Anh nguyện cùng em Thành Cựu cho chí
Thành Tân
Cầu Chàm, Đập Đá ái ân kết duyên
Anh nguyện cùng em chợ Làng Cỏ bán mua
Cầm dao cắt tóc thể chùa Minh Hương⁽¹⁾
Anh thể cùng em Trung Định cho chí Hưng Lương
Trung Nghĩa, Trung Lí cùng nguyện cao xa.
- (1) *Chùa Minh Hương*: chùa của những người Hoa kiều.
26. Anh về Ba Vát, Chợ Thơm⁽¹⁾
Ruộng mùa lúa tốt, cây vườn xanh tươi.
- (1) *Ba Vát, Chợ Thơm*: thuộc huyện Mỏ Cày tỉnh Bến Tre.
27. Anh về dưới Dã⁽¹⁾ bao lâu
Ngó lên cây cốc⁽²⁾ thấy lâu ông Tây
Chợ Đình, An Thái gần đây⁽³⁾
Chị em buôn bán đông tây nhộn nhàng.
- (1) *Dã*: tên gọi cửa biển Quy Nhơn ngày xưa.
(2) *Cây cốc*: ở Phú Phong nơi ngày xưa thực dân Pháp đã
mở xương dẹt (Công ti Đê-li-nhông).

(3) *Chợ Đình và chợ An Thái*: thuộc huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định.

28. Ba Xuyên⁽¹⁾ đi dễ khó về
Trai đi có vợ, gái về có con.

(1) *Ba Xuyên*: tên cũ của Bạc Liêu.

29. Bắc Cạn có suối dải vàng
Có hồ Ba Bể⁽¹⁾ có nàng áo xanh.

(1) *Ba Bể*: cách Hà Nội 241 km, là thắng cảnh đẹp.

30. Bắp non mà nướng lửa lò
Đố ai ve được con đò Thủ Thiêm.⁽¹⁾

(1) *Bến đò Thủ Thiêm*: nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

(2) *Vàm Nao*: nay thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

31. Bến Tre dừa ngọt, sông dài
Ở quận Mỏ Cày có kẹ nổi danh
Kẹ Mỏ Cày vừa thanh vừa béo
Gái Mỏ Cày vừa khéo vừa ngoan
Anh đây muốn hỏi cùng nàng
Làm trai Thạnh Phú cưới nàng được chăng?

32. Bến Tre đẹp lắm ai ơi
Bậu về bên đó cho tôi về cùng.

33. Bến Tre gái đẹp thiệt thà
Nói năng nhỏ nhẹ mặn mà có duyên.

34. Bến Tre phong cảnh hữu tình
Nước trong, gạo trắng, gái xinh, trai tài.

35. Bến Tre ruộng đất phì nhiêu
Ở đây nhiều lúa lại nhiều dừa khô.

36. Bình Định có núi Vọng Phu⁽¹⁾
Có đầm Thị Nại⁽²⁾, có cù lao Xanh⁽³⁾
Có Càn, có Cỏ⁽⁴⁾, có Gành⁽⁵⁾
Có non, có nước, có mình, có ta.

(1) *Núi Vọng Phu*: hòn đá nằm trên núi Kê Thủ (thuộc Núi Bà) ở huyện Phù Cát. Là một hòn đá ở xa trông như hình một người đàn bà bỗng con ngó ra bể xa ngóng đợi chồng.

(2) *Thị Nại*: Có nơi gọi là Thị Nại cũng đúng. Khi thành Đồ Bàn (cách cửa biển Thị Nại khoảng 15 km) còn là kinh đô Chiêm Thành (tức Chăm Pa), Thị Nại là một hải cảng quan trọng. Có ý kiến cho rằng Thị Nại có tên là Cri Vini (Thạch Phương, Ngô Quang Hiến). Theo Trần Quốc Vượng, nơi đây vốn được gọi là *Sri Bônei* (Sri: thiêng, Bônei: bến). Các sách chữ Hán của người Việt phiên là *Thị Li Bì Nại*, người sau nói tắt là *Thị Nại*, sau lại có người phát âm chệch thành *Thị Nại*.

(3) *Cù lao Xanh*: tên hòn đảo trước mặt cửa biển Quy Nhơn.

(4) *Càn, Cỏ*: hòn Càn, hòn Cỏ; hai hòn đảo nhỏ ở vùng biển thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

(5) *Gành*: tức Gành Ráng, thuộc Quy Nhơn.

37. Cát Chính⁽¹⁾ có cây đa xanh
Có đường cái lớn chạy quanh trong làng
Cát Chính có giếng rìa làng

Vừa trong vừa ngọt cả làng chắt chiu.

(1) *Cát Chính*: ở xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa.

38. Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó thời không muốn về.

39. Cần Thơ gạo trắng nước trong
Đậm tình non nước gọi lòng khách du.

40. Cầu nào cao bằng cầu Cái Cối⁽¹⁾
Gái nào giỏi bằng gái Bến Tre.

(1) *Cầu Cái Cối*: cầu bắc ngang sông từ thị xã Bến Tre qua xã Mĩ Thạnh An.

41. Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Chẳng lịch cũng thể là người Thượng Kinh.⁽¹⁾

(1) *Thượng Kinh*: có sách viết, đất kinh đô ở trên hết mọi nơi khác trong nước, đây chỉ kinh đô Thăng Long.

(2) *Tràng An (Trường An)*: kinh đô nhà Tây Hán (Trung Hoa). Về sau, Tràng An chỉ kinh đô nói chung. Ở đây, Tràng An chỉ kinh đô Thăng Long ngày trước.

42. Chẳng thơm cũng thể hương đàn
Chẳng ngọt cũng thể nước sông Hàn chảy ra
Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Chẳng lịch cũng thể con người Thượng Kinh.

43. Chẳng vui cũng thể hội Thầy
Chẳng trong cũng thể Hồ Tây xứ Đoài
Rửa chân đi hán, đi hài
Rửa chân đi đất chóe hoài rửa chân.

44. Chim quỳên hút mật bông quỳ
Nam Kì lục tỉnh thiếu gì gái khôn.

45. Chuồn chuồn bay thấp bay cao
Bay ra ngoài Huế, bay vào Phú Yên.

46. Có ai qua chợ Lê Bình⁽¹⁾
Xin cho tôi gửi chút tình nước non.

(1) *Chợ Lê Bình*: tức chợ Cái Răng ở huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ.

47. Cổ Đô⁽¹⁾ thực chốn giang hồ
Ai đi đến đất Cổ Đô cũng nhìn
Trên bờ gió thổi rung rinh
Dưới sông sóng đánh rập rình thêm vui
Thuyền bè lên ngược xuống xuôi
Tiện đường buôn bán, tiện nơi đi về.

(1) *Cổ Đô*: tức xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

48. Cổ Loa⁽¹⁾ là đất Đế Kinh⁽²⁾
Trông ra lại thấy tòa thành Tiên xây.

(1) *Cổ Loa*: xưa thuộc huyện Đông Ngàn tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội. Ở đây có thành Cổ Loa do An Dương Vương xây vào thế kỉ III trước Công nguyên.

(2) *Đế Kinh*: kinh đô nhà vua.

49. Dịu dàng nếp đất An Dương⁽¹⁾
Xưa nay là chốn văn chương nổi tài.

- (1) *An Dương*: thuộc xã Tân Tiến, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, xưa kia thôn này có nhiều người học giỏi, lắm thầy đồ.

50. Do Xuyên⁽¹⁾ đẹp lắm ai ơi!

Có về chỗ đó cho tôi cùng về.

- (1) *Do Xuyên*: một làng ở xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

51. Dù ai ăn đâu, làm đâu

Có dòng có dãi cù lao Trâu⁽¹⁾ nhớ về.

- (1) *Cù lao Trâu*: thuộc Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tương truyền, xưa có bầy trâu của thủy thần đến ăn cỏ ở đầu cù lao. Thấy có người đến, bầy trâu nhảy xuống sông Tiền rồi mất dạng. Từ đó, cù lao có tên là cù lao Trâu.

Lại có thuyết khác, kể rằng cù lao có tên ấy vì có giếng trâu thần.

Thuyết thứ ba kể cù lao có tên ấy vì vùng đất nổi lên đầu tiên ở đây giống hình con trâu.

Nhân dân cù lao Trâu rất tự hào về vùng địa linh nhân kiệt của mình. Phương ngôn có câu: "*Đâu đâu có mất, cù lao Trâu vẫn còn*".

52. Dù ai xấu xí như ma

Tắm nước Đồng Lãm⁽¹⁾ cũng ra con người.

- (1) *Đồng Lãm*: tên một làng thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

53. Dù ai xấu xí như ma

Tắm nước sông Đá⁽¹⁾ cũng là người tiên.

- (1) *Sông Đá*: một con sông chảy qua thôn Dương Đá, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

54. Đại Hoàng phong cảnh hữu tình

Của nhiều đất rộng gái xinh trai tài.

55. Đầm Đại Từ⁽¹⁾ hoa sen thơm ngát
Giếng Đại Từ nước mát trong xanh
Dòng Tô⁽²⁾ uốn khúc lượn quanh
Đất nuôi trẻ nhỏ lưng danh trong ngoài.

- (1) *Đại Từ*: là tên thôn thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Cạnh làng này có dải đầm rộng, có tên là đầm Láng, là một phần của đầm Linh Đường, trồng nhiều sen, ở phía Tây lại có dòng sông Tô Lịch chảy qua. Đại Từ xưa có tiếng nuôi trẻ nhỏ mát tay, nhiều nơi đưa trẻ về nhờ nuôi và cho làm con nuôi.
(2) *Dòng Tô* (tức Tô Lịch): cũng gọi là sông Tô, là con sông gần liền với kinh thành và vùng ngoại thành Thăng Long xưa, nay sông này bị san lấp, lấn chiếm nên cạn, hẹp, không được thơ mộng, trong mát như xưa.

56. Đất Ngọc Hà⁽¹⁾ tốt tươi phong cảnh
Gái Ngọc Hà vừa đảm vừa xinh
Ơi người gánh nước giếng đình
Còn chẳng hay đã trao tình cho ai?

- (1) *Ngọc Hà*: xưa là một trại thuộc tổng Nội, huyện Vĩnh Thuận, kinh thành Thăng Long cũ, nay thuộc quận Ba Đình, Hà Nội, ngày xưa nổi tiếng về nghề trồng hoa.

57. Đất Thừa Thiên⁽¹⁾ trai hiền gái lịch
Non xanh nước biếc, điện ngọc, đền rồng
Tháp bảy tầng, Thánh Miếu, chùa Ông⁽²⁾
Chuông khua Diệu Đế⁽³⁾, trống rung Tam tòa⁽⁴⁾
Cầu Trường Tiền⁽⁵⁾ mười hai nhịp bắc qua
Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ⁽⁶⁾ đợi khách âu ca
thái bình.

- (1) **Thừa Thiên:** (vâng mệnh Trời) là tên do vua Minh Mạng đặt ra từ năm 1822. Dưới thời Gia Long, vùng đất này có tên là dinh Quảng Đức trong ngũ Quảng của miền Trung là: Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam và Quảng Ngãi. Trước nữa, dưới thời các chúa Nguyễn, có tên là Thuận Hóa, do tên của hai châu Thuận và Hóa ghép lại. (theo Ứng Luận).
- (2) **Thánh Miếu:** hay Văn Thánh thờ Khổng Tử. **Chùa Ông** thờ Quan Công.
- (3) **Chùa Diệu Đế** với tiếng chuông khua.
- (4) **Tam tòa:** nơi pháp đình tối cao, gồm có đại diện của ba cơ quan tư pháp là Bộ Hình, Viện Đô sát và Đại lý tự viên cũng gọi là Tam pháp ti. Ở đây có treo một cái trống lớn để khi người dân nào bị quan xử bức thì có thể đến đánh lên để kêu oan (theo Ứng Luận).
- (5) **Cầu Trường Tiền:** bắc qua sông Hương, thành phố Huế dài 400m.
- (6) **Thanh Long, Bạch Hổ:** trước tiên là tên do các thầy phong thủy gọi hai hòn đảo nhỏ trên sông Hương mà các thầy xem như là con rồng xanh (thanh long) và con cọp trắng (bạch hổ) án ngữ hai phía đông tây để bảo vệ cho kinh thành. Hòn Thanh Long nay gọi nôm na là Cồn Hến (đa số dân trên đảo làm nghề chài hến). Hòn Bạch Hổ dưới đời Thiệu Trị gọi là Dã Viên (vườn quê). (theo Ứng Luận).

58.

Đèo Ngang san thủy hữu tình
 Con chim kia lót ổ, con cá nọ mang kinh,
 xinh đà nên xinh.

59.

Đề Gi⁽¹⁾ có núi Lan Sơn⁽²⁾
 Có đầm Đạm Thủy⁽³⁾ nước rờn xanh xanh
 Có cây, có đá, có tình
 Trời mây bốn mặt, có mình ở trong.

- (1) *Đề Gi*: tên của biển thuộc huyện Phù Cát. Nguyên là Đề Gi (nghĩa là bờ bằng). Người Pháp phiên âm là Dêgi, nên ta cũng thường quen viết là Đề Gi.
(2) *Núi Lan Sơn*: còn gọi là núi Cửa, thuộc huyện Phù Cát.
(3) *Đầm Đạm Thủy*: quen gọi là đầm Nước Ngọt (chính nghĩa là nước lạt) thuộc huyện Phù Cát.

60. Đò từ Đông Ba⁽¹⁾, đò qua Đập Đá⁽²⁾
 Đò về Vĩ Dạ⁽³⁾, thẳng ngã ba Sinh⁽⁴⁾
 Lờ đờ bóng ngả trăng chênh
 Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.

- (1) *Đông Ba*; (2) *Đập Đá*; (3) *Vĩ Dạ*; (4) *Sinh*: các địa điểm thuộc Thừa Thiên - Huế.

61. Đố ai con rít mấy chân
 Cầu Ô mấy nhịp, chợ Dinh mấy người⁽¹⁾.

- (1) *Chợ Dinh*: ven Quy Nhơn.

62. Đồn rằng: núi Trạn⁽¹⁾ lắm công
 Ao Quan⁽²⁾ lắm cá, đình Trung⁽³⁾ lắm rồng.

- (1) *Núi Trạn*, (2) *Ao Quan*, (3) *Đình Trung*: đều thuộc xã Hải Nhân, Tĩnh Gia, Thanh Hóa. Đình Trung chạm trổ công phu nhiều hình đầu rồng ngậm hạt ngọc.

63. Đồn rằng Văn Điển⁽¹⁾ vui thay
 Ngoài phố chợ họp năm ngày một phiên
 Tàu qua phố dưới phố trên
 Đình thì ở giữa hai bên rặng bàng.

- (1) *Văn Điển*: thuộc Thanh Trì, xưa thuộc Hà Đông, nay về Hà Nội.

- 64.** Đông Ba⁽¹⁾, Gia Hội⁽²⁾, hai cầu
Cố chùa Diệu Đế⁽³⁾ bốn lầu hai chuông.

- (1) *Đông Ba*: ở thành phố Huế.
(2) *Gia Hội*: cầu trên sông Hộ Thành (sông Gia Hội) ở góc Đông Nam thành phố Huế, trước năm 1837 gọi là cầu An Hội.
(3) *Diệu Đế*: chùa ở ấp Xuân Lộc, trong thành Phú Xuân (Huế cũ), xây năm 1844 đời Thiệu Trị.

- 65.** Đông Thành⁽¹⁾ là mẹ là cha
Đói cơm rách áo thì ra Đông Thành.
(1) *Đông Thành*: huyện thuộc phủ Diễn Châu, trấn Nghệ An, sau là tỉnh Nghệ An, năm 1837 được tách ra làm hai: Đông Thành và Yên Thành.

- 66.** (a) Đồng Đăng⁽¹⁾ có phố Kì Lừa⁽²⁾
Cố nàng Tô Thị⁽³⁾ có chùa Tam Thanh⁽⁴⁾
Em lên xứ Lạng cùng anh
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu nắm nem
Mảng vui quên hết lời anh dặn dò.

- (b) Đồng Đăng có phố Kì Lừa
Cố nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh
Ai lên xứ Lạng cùng anh
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu nắm nem
Mãi vui quên hết lời em dặn dò
Gánh vàng đi đổ sông Ngô
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Tương.

(c) Đồng Đăng có phố Kì Lừa
 Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh
 Ai lên xứ Lạng cùng anh
 Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em
 Tay cầm bầu rượu nắm nem
 Khi vui quên hết lời em dặn dò
 Gánh vàng đi đổ sông Ngô
 Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương⁽⁵⁾
 Vào chùa thắp một tuần hương
 Miệng khấn tay vái bốn phương chùa này.

(d) Đồng Đăng có phố Kì Lừa
 Có núi Tô Thị có chùa Tam Thanh
 Ai lên xứ Lạng cùng anh
 Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em
 Tay cầm bầu rượu nắm nem
 Mảng vui quên hết lời em dặn dò
 Gánh vàng đi đổ sông Ngô
 Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương
 Vào chùa thắp một nắm hương
 Miệng khấn tay vái bốn phương chùa này
 Em đi tìm bạn em đây
 Bạn thấy em khó bạn nay chẳng chào.

(đ) Thứ nhất thời bầu Chi Lăng
 Thứ hai cây khế Đồng Đăng Kì Lừa
 Đồng Đăng có phố Kì Lừa
 Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh
 Em lên xứ Lạng cùng anh
 Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em
 Tay cầm bầu rượu nắm nem

Con vui quên mất lời em dặn dò
 Gánh vàng đi đổ sông Ngô
 Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương
 Lên chùa thắp một tuần hương
 Khấn cùng Trời Bụt, bốn phương chùa này
 Tôi đi tìm bạn tôi đây
 Bạn rầy thấy khổ bạn nay không chào
 Chắp tay vái lạy con sào
 Nông sâu đã biết, thấp cao đã từng.

- (e) Đồng Đăng có phố Kì Lừa
 Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh
 Em lên xứ Lạng cùng anh
 Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em
 Tay cầm bầu rượu nắm nem
 Mảng vui quên hết lời em dặn dò
 Gánh vàng đi trả nước Ngô
 Đêm nằm tơ tưởng đi dò sông Thương
 Vào chùa thắp một nén hương
 Miệng khấn tay vái bốn phương chùa này
 Tôi đi tìm bạn tôi đây
 Bạn rầy thấy khó bạn nay chẳng chào
 Chắp tay vái lạy con sào
 Nông sâu đã biết thấp cao đã từng
 Chân đi ba bước lại dừng
 Thương em còn bé chưa từng đi buôn
 Đi buôn có đáng đi buôn
 Đi buôn cau héo cũng buồn cùng chăng.

- (g) Thứ nhất thì bầu Chi Lăng,
 Thứ nhì cây khế Đồng Đăng Kì Lừa

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh
Chân đi ba bước lại dừng
Thương em còn bé chưa từng đi buôn
Đi buôn có đáng đi buôn
Đi buôn cau héo có buồn cùng chăng?

(h) Cái cò bay bổng bay cao
Bay qua cửa phủ bay vào Đồng Đăng
Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh
Ai lên xứ Lạng cùng anh
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu nắm nem
Mảng vui quên hết lời em dặn dò
Gánh vàng đi đổ sông Ngô
Nằm đêm tơ tưởng đi mò sông Thương.

- (1) **Đồng Đăng**: thị trấn, huyện lỵ Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; có sông Đồng Đăng, cách Hà Nội 158 km, cách Nam Quan 4 km.
- (2) **Kỳ Lừa**: phố, chợ do Thân Nhân Trung lập thời Lê, thuộc huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.
- (3) **Tô Thị**: đá trông chồng (hoặc là Vọng Phu). Nàng Tô Thị lấy nhầm em mình làm chồng. Khi người em biết được điều này, bỏ nhà ra đi, người vợ không biết nguyên nhân của việc chồng bỏ đi, bỗng con lên núi ngóng trông chồng lâu ngày hóa đá.
- (4) **Chùa Tam Thanh**: chùa xây trong động Tam Thanh, phía Tây Kỳ Lừa, cách 2 km. Tương truyền chùa có ba gian, mỗi gian có tiếng dội nghe khác nhau.
- (5) **Sông Thương**: phát nguyên từ Lạng Sơn qua Bắc Giang

cùng sông Lục Nam đổ vào sông Lục Đầu. Sông Thương có hai nguồn từ hai vùng đất khác nhau nên nước một bên trong, một bên đục.

67. Đồng Nai gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó thời không muốn về.

68. Đồng Nai nước ngọt, gió hiền
Biên Hùng⁽¹⁾ muôn thuở đây miễn an vui.
(1) *Biên Hùng*: chỉ Biên Hòa.

69. Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh
Nước Tháp Mười lầy lội cá tôm.

70. Động Bích Đào⁽¹⁾ vừa cao vừa lạ
Hang Bạch Á⁽²⁾ như má nàng Tiên
Mặn nồng một vẻ thiên nhiên
Đất ta cảnh đẹp càng nhìn càng say.
(1) *Động Bích Đào*: còn gọi là động Từ Thức, thuộc xã Nga Thiệu, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
(2) *Hang Bạch Á*: gần động Bích Đào, thuộc xã Nga Thiệu, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

71. Dừng đi đường ấy mà xa
Có về Don Thượng⁽¹⁾ với ta thì về?
Don Thượng có sập nằm kề
Có sông tắm mát lại kề gò dâu
Cùng về Don Thượng với nhau
Vui nghề canh cửi, hái dâu chân tằm.
(1) *Don Thượng*: tức làng Yên Tôn Thượng, xã Vinh Yên, Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ở đây có bãi phù sa mầu mỡ, tươi tốt.

72. Đừng về đường ấy cho xa
Đi về Cổ Diển⁽¹⁾ với ta cho gần
 Cổ Diển sẵn cầu rửa chân
Cố ao tắm mát lại gần giếng khơi
 Muốn ăn cơm trắng cá trôi
Thì về Cổ Diển buôn nôi cùng anh
 Muốn ăn cơm trắng canh cần
Thì về Cổ Diển sắm cân buôn nôi.
(1) *Cổ Diển*: tên làng ở huyện Thanh Trì, Hà Nội.

73. Đứng bên Vĩnh An⁽¹⁾ ngó sang Thủy Bạt⁽²⁾
 Sông dài cát trắng, về thẳng cửa Tùng⁽³⁾
 Chàng ơi thương lấy thiệp cùng
Gái thuyền duyên lỡ lứa, trai anh hùng lỡ đời.
(1) *Vĩnh An*; (2) *Thủy Bạt*; (3) *Cửa Tùng*: các địa điểm
thuộc tỉnh Quảng Trị.

74. Đường lên xứ Lạng bao xa
Cách một cái núi với ba quãng đồng
 Ai ơi đứng lại mà trông:
Kìa núi Thành Lạng, kìa sông Tam Cờ⁽¹⁾
 Anh chớ thấy em lắm bạn mà ngờ
Bụng em vẫn trắng như tờ giấy phong.
(1) *Thành Lạng, sông Tam Cờ (Tam Kỳ)*: ở tỉnh Lạng Sơn.

75. Đường mô vui bằng đường Thượng Tứ⁽¹⁾
 Cảnh mô đẹp bằng cảnh núi Ngự⁽²⁾, sông Hương?⁽³⁾
 Ví dầu lòng thầy mẹ không thương
Tấm thân anh đây như cây khô chết đứng
 giữa chặng đường đợi em.
(1) *Đường Thượng Tứ*: thuộc thành phố Huế.

- (2) *Núi Ngự Bình*: còn gọi là núi Ngự, một cảnh đẹp của Huế. Núi án ngữ phía nam Kinh thành như một bức bình phong của vương triều. Núi cao chừng 100 m, cách Huế khoảng 3 km, trông giống như một hình thang cân đối. Núi có nhiều thông xanh mát. Núi Ngự đi đôi với sông Hương làm cho cảnh Huế càng thêm thơ mộng.
- (3) *Sông Hương còn gọi là Hương Giang*: sông bắt nguồn từ Trường Sơn. Hai nguồn Tả Trạch và Hữu Trạch hợp nhau lại ở ngã ba Tuần tạo nên sông Hương. Sông tiếp tục chảy ôm lấy thành phố Huế, chảy vào phá Tam Giang rồi đổ ra biển ở cửa Thuận An. Sông chia tỉnh Thừa Thiên - Huế thành hai miền: miền Bắc và miền Nam. Sông Hương nổi tiếng về vẻ đẹp dịu hiền, thơ mộng, nước trong xanh và luôn trôi nhẹ nhàng.

76. Đường Sài Gòn cây cao bóng mát
Đường Chợ Lớn hột cát nhỏ dễ đi.

77. Đường về Đông Việt⁽¹⁾ loanh quanh
Đồng xanh làng đẹp như tranh họa đồ
Chiều về chim hót líu lo
Từng đoàn trẻ nhỏ hát nô trong làng.

(1) *Đông Việt*: ở xã Quảng Đông, Quảng Xương, Thanh Hóa.

78. Đường về Kiếp Bạc⁽¹⁾ bao xa?
Đường về Kiếp Bạc có cây đa bồ đề
Có yêu anh cắp nón ra về
Giàu ăn, khó chịu, chớ hề hở hang.

(1) *Kiếp Bạc*: một địa danh thuộc tỉnh Hải Dương. Kiếp Bạc ở cách Phả Lại 5 km phía ngược sông Thương. Ở đó có đồn Vạn Kiếp, làng Bạc hay còn gọi Kiếp Bạc. Đây xưa kia là đồn trại lớn của nhà Trần, khi đánh quân Nguyên. Hưng Đạo Vương - Trần Quốc Tuấn, lúc già, về trông thuốc rồi mất ở đây, năm 1300. Đền Kiếp Bạc ở bên

sông, dựng năm 1300. Hội đến ngày 20 tháng tám âm lịch cũng là ngày giỗ của Hưng Đạo Vương.

79. Đường về xứ Bắc còn xa
Có về Kẻ Sỏi với ta thì về
Kẻ Sỏi là đất thú quê
Chung quanh thì lũy, tứ vi thì đồng.

80. Đường về xứ Lạng mù xa
Ai về Hà Nội với ta cho gần
Ví dù mệt mỏi đau chân
Thì ta mua dép chín lần cho đi.

81. Đường về xứ Lạng mù xa
Có về Hà Nội với ta thì về
Đường thủy thì tiện thuyền bè
Đường bộ cứ bến Bồ Đề⁽¹⁾ mà sang.
(1) *Bồ Đề*: tên nôm làng Phú Viên nay thuộc xã Bồ Đề
huyện Gia Lâm, Hà Nội.

82. Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Đường ra Hà Nội như tranh vẽ rỗng
Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ
Ai vô xứ Nghệ thì vô.

83. (a) Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ
Ai vô xứ Nghệ thì vô...

(b) Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

(c) Đường vô xứ Huế quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

84. Gà nào hay bằng gà Cao Lãnh
Gái nào bảnh bằng gái Cần Thơ
Làm chi nay đợi mai chờ
Linh đình Phong Mĩ, dật dờ Hòa An⁽¹⁾.

(1) *Phong Mĩ và Hòa An*: là hai xã thuộc huyện Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.

85. Gà nào hay bằng gà Cao Lãnh
Gái nào bảnh bằng gái Nha Môn.⁽¹⁾

(1) *Nha Môn*: thuộc tỉnh Đồng Tháp.

86. Gạo Cần Đức, nước Đồng Nai⁽¹⁾
Ai về xin nhớ cho ai theo cùng.

(1) *Huyện Cần Đức (Long An)*: có gạo nàng thơm và nàng hương rất nổi tiếng. Hạt gạo tròn mẩy, trong ngần, nấu rất dẻo và thơm. Nước sông Đồng Nai, vào thời Minh Mạng, tương truyền có một dòng trong vắt, dùng làm nước ăn rất tốt.

87. Gần xa nao nức từng bừng
Vào chùa Quan Thượng⁽¹⁾ vui bằng động tiên
Lầu chuông gác tía đôi bên
Trông ra chợ Mới, Tràng Tiền kinh đô
Khen ai khéo họa địa đồ
Sau lưng Đồn Thủy trước hồ Hoàn Gươm

Cho nên lịch sự trăm đường
 Trong xây chín giếng ngoài tường lục lạng
 Tổ mười cửa động tầng tầng
 Điện vàng tòa ngọc chất tầng như nệm
 Đức tri phơi tổ màu sen
 Thập phương chư Phật ngồi trên đủ mười
 Đạo xem cảnh trí khắp rồi
 Hành lang đường hậu các nơi rõ ràng
 Kể thanh lịch, khách quan sang
 Vào chùa lễ Phật mọi đàn vui xem
 Xem rồi mến cảnh vui chiêm
 Lòng trần rũ sạch nhơn nhơn ra về
 Bước ra hòn đá xanh ghê
 Nhìn xem phong cảnh chẳng muốn về làm chi.

- (1) *Chùa Quan Thượng*: chùa Liên Trì do Nguyễn Đăng Giai (thường gọi là Thượng Giai) tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội, Ninh Bình) làm năm 1846. Sau Pháp phá chùa để xây nhà bưu điện và phủ thống sứ. Hiện còn lại cái tháp ở giữa cửa chùa sát Hồ Gươm gọi là tháp Liên Trì. Chùa này còn gọi là chùa Cửu Tỉnh (trong chùa có chín cái giếng) hay là chùa Quan Thượng (chỉ tổng đốc Giai).
- (2) *Nhị Thủy* (tức là sông Nhị): còn gọi là Nhị Hà hay Nhị Hà, khúc sông Hồng chảy gần Hà Nội.

88.

Gia Lâm có đất Cổ Bi⁽¹⁾
 Muôn đời cảnh đẹp còn ghi rành rành
 Chín mươi chín núi chung quanh
 Ở giữa hồ tả, bên thành hồ sen
 Cửa tả, cửa hữu, cửa tiền
 Ngũ hồ tam đảo ở trên Trâu Quỳ
 Cầu Lòn đường cái quan đi
 Hậu miếu, hậu phủ còn ghi rõ truyền

Này điện Cần Chánh Kính Thiên
 Voi đá, sấu đá hai bên sân rồng
 Lại thêm hồ đá ngự phòng
 Đủ nền dinh thự khắp trong nội thành
 Tương truyền đây đất đế kinh
 Bao nhiêu cảnh đẹp lòng danh trong ngoài.

- (1) *Cổ Bi*: tên xã thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. Cổ Bi từ trước vẫn nổi tiếng là có kiểu đất đế vương, vì có nhiều gò đồng rải rác ở khu vực này (những gò đồng này có một số gần đây được phát hiện là mộ cổ thời Bắc thuộc).

89. Giao Tự⁽¹⁾ lắm bãi nhiều doi
 Lắm con gái đẹp nhiều nơi phải lòng
 Giao Tự gần giếng gần sông
 Nước trong tắm mát, má hồng thêm xinh.

- (1) *Giao Tự*: thuộc xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội, nằm bên bờ sông Đuống.

90. Giếng Yên Thái⁽¹⁾ vừa trong vừa mát
 Đường Yên Thái gạch lát dễ đi
 Em về bên ấy làm chi
 Nước giếng thì đục đường đi thì lầy.

- (1) *Yên Thái*: thuộc vùng Bưởi, quận Ba Đình, Hà Nội. Yên Thái có giếng xưa kia nổi tiếng là giếng nước trong, ở đầu làng.

91. Gió cầu Tấn trưa chiều thổi mát⁽¹⁾
 Đường Quy Nhơn mịn cát dễ đi
 Phương Mai, Gành Ráng tương tri
 Ngâm câu thủy tú, sơn kì thanh thời.

- (1) *Cầu Tấn*: thuộc thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

92. Gió đưa cành trúc là đà

Tiếng chuông Thiên Mụ⁽¹⁾ canh gà Thọ Xương⁽²⁾.

- (1) *Thiên Mụ*: chùa Thiên Mụ trên bờ sông Hương ở Huế. Chùa được cất trên một quả đồi xây năm 1601, trong chùa có 32 pho tượng bằng vàng đã bị lấy mất, có tháp bảy tầng cao 21m 20, mỗi tầng có một tượng Phật, có bia năm 1715 và năm 1804. Chuông đúc năm 1710 nặng 2052 kg treo trong lầu sáu góc.
- (2) *Thọ Xương*: một trong hai huyện thuộc phủ Phụng Thiên của kinh thành Thăng Long xưa. Huyện Thọ Xương gồm khu vực phố phường buôn bán thịnh vượng nhất của kinh thành cũ thuộc quận Hoàn Kiếm và quận Hai Bà Trưng hiện nay.
- (3) *Trần Võ*: (còn gọi là Trần Vũ) tức đền Quán Thánh ở cuối đường Thanh Niên ven Hồ Tây. Đền có quả chuông đúc năm 1677 cùng một lúc với tượng đồng Trần Võ nổi tiếng.

93. Gió đưa lá chuối te tàu

Lấy chồng Văn Phú⁽¹⁾, không giàu cũng vui.

- (1) *Văn Phú*: một địa điểm thuộc tỉnh Quảng Bình.

94. Gừng nào cay bằng gừng Cao Lãnh

Gái nào bảnh bằng gái Ba Tri.

95. Hà Nội ba mươi sáu phố phường

Tìm em chẳng thấy Hàng Đường, Hàng Ngang

Tìm em chẳng thấy Hàng Ngang

Đi sang Hàng Bạc, rẽ sang Hàng Đào

Tìm em chẳng thấy Hàng Đào

Anh ra phố Thọ Tiệp, rẽ vào Hàng Gai

Tìm em chẳng thấy Hàng Gai

Hay là em ở Hàng Bài, Hàng Sơn

Tìm em chẳng thấy Hàng Sơn
 Hay là em ở Hàng Đồn, Hàng Khay
 Tìm em chẳng thấy Hàng Khay
 Sang chùa Quan Thượng rẽ ngay Hàng Bè
 Tìm em chẳng thấy Hàng Bè
 Kia lên Bến Bạc, Hàng Tre, Cội Đồng
 Lại lên Bến Mắm mà trông
 Kia Ô Quan Chưởng, Cầu Đông, Hàng Đường
 Đồng giọt, sau chùa Thái Cam
 Hàng Thốt lao mần
 Hàng Ngỗng, Hàng Ngan, Hàng Gà
 Trở về Hàng Nón, Hàng Da, Hàng Giày
 Hàng Buồm, Hàng Mã, Hàng Mây
 Hôm qua là chín, hôm nay là mười
 Lòng anh đỏ khóc đỏ cười
 Đêm đêm tơ tưởng một người tình nhân
 Tìm xa rồi lại tìm gần
 Tìm hết Nhà Hỏa, bãi Nghênh Xuân, Hàng Lò
 Tìm em chẳng thấy Hàng Lò
 Đi ra Hậu Giám chợ vợ ngoài thành
 Đồn rằng em ở Cầu Canh
 Anh ra Cầu Giấy thanh danh vui cười
 Đi đâu có một đôi người
 Đi thì lặn suối qua đồi trèo đê
 Một thôi cho đến bến Phụng
 Hỏi thăm cậu mợ dùng dùng chạy ngay.

96.

Hà Nội năm cửa chàng ơi
 Sông Lục Đầu⁽¹⁾ sáu ngọn chảy xuôi thuận dòng
 Sông Thương bên đục bên trong

Núi Tản⁽²⁾ thất cổ bông có đức thánh sinh
Đền Sòng thiêng nhất tỉnh Thanh
Đền Hùng Phú Thọ nước biếc non xanh hữu tình
Hội Dóng⁽³⁾ xứ Bắc linh đình
Chùa Đọi Phủ Lí rành rành còn bia.

- (1) *Sông Lục Đầu*: thuộc tỉnh Hải Dương, chỗ gặp nhau của sáu con sông ở khu Phả Lại (sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam, sông Đuống, sông Thái Bình, và sông Kinh Thầy).
- (2) *Núi Tản*: còn gọi là Tản Viên Sơn hoặc núi Ba Vì ở tỉnh Hà Tây, có ba ngọn, ngọn ở giữa phía dưới thất cổ bông, trên xòe ra như cái tán. Núi cao 1281 m có đền thờ Sơn Tinh.
- (3) *Hội Dóng*: hội làng Dóng. Làng Dóng thuộc Gia Lâm, Hà Nội.

97. (a) Hà Nội như động tiên sa
Sáu giờ mới hết đèn xa, đèn gần
Vui nhất là chợ Đồng Xuân
Thứ gì cũng có xa gần bán mua
Giữa chợ có anh hàng dứa
Hàng cam, hàng quýt, hàng dưa, hàng hồng
Chả tìn đứng lại mà trông
Hàng vóc, hàng nhiều thông dong rượp rà
Cổng chợ có chị hàng hoa
Có người đổi bạc chạy ra chạy vào
Lại thêm súc sắc bán rao
Lại thêm kẹo đạn, miến xào, bún bung
Lại thêm bánh rán, kẹo vừng
Đàng trước bán chả, sau lưng bán giò
Ăn vào chuyện nhỏ, chuyện to

Lại thêm chú khách bánh bò đi rao
 Xăm xăm khi mới bước vào
 Hàng tôm, hàng tép, xôn xao rề rề
 Thanh nhất là chị hàng lê
 Loạc quạc hàng vịt, tò te hàng gà
 Nứt nở như chị hàng na
 Chua chát hàng khế, ngọt nga hàng đường
 Thơm ngát là chị hàng hương
 Tanh ngắt hàng cá, phô trương hàng vàng
 Lôi thôi là chị hàng dang
 Vừa đan, vừa bán cả sàng lẫn nia
 Trề môi như chị hàng thìa
 Vừa bát, vừa đĩa, nhiều bề thông dong
 Đỏ đơn như chị hàng hồng
 Hàng cam, hàng quít, bưởi, hồng, thiếu chi
 Trống quân hát chả ra gì
 Mỗi người mỗi vẻ ai thì kém ai
 Lại thêm cạo mặt ngoáy tai
 Lại thêm ngoài chợ có người họa tranh
 Rau thơm, rau húng, rau hành
 Mùi, thơm, hẹ, bí, xanh xanh đầy nhà
 Thịt bò, thịt lợn bày ra
 Cà chua, mướp đắng lá đa ngọt thường
 Có người bán lược, bán gương
 Có người bán áo phô trương giải bày
 Có người bán dép, bán giày
 Có người bán cả dây bày đồ chơi.

- (b) Hà Nội như động tiên sa
 Sáu giờ mới hết đèn xa đèn gần

Vui nhất là chợ Đồng Xuân
Thức gì cũng có xa gần bán mua
Giữa chợ có anh hàng dừa
Hàng cam, hàng quýt, hàng dưa, hàng hồng
Ai ơi đứng lại mà trông
Hàng vóc, hàng nhiều thông dong nướp nà
Cổng chợ có chị hàng hoa
Có người đổi bạc chạy ra chạy vào
Lại thêm "xực tắc"⁽¹⁾ bán rao
Kẹo cau, kẹo đạn, miến xào, bún bung
Lại thêm bánh rán, kẹo vừng
Trước mắt bún chả, sau lưng bánh giò
Ồn ào chuyện nhỏ chuyện to
Lú lo chú khách bánh bò bán rao
Xăm xăm khi mới bước vào
Hàng tôm, hàng tép xôn xao mọi bề
Lịch sự là chị hàng lê
Quàng quạc hàng vịt, tò te hàng gà
Nứt nở như chị hàng na
Chua vào hàng sấu, ngọt ra hàng đường
Thơm ngát là chị hàng hương
Tanh ngát hàng cá, phô trương hàng vàng
Lôi thôi là chị hàng dang
Bán rổ, bán sảo, bán sàng, bán nia
Thười môi là chị hàng thìa
San sát hàng bát nhiều bề long đong
Đỏ đơn như chị hàng hồng
Hàng cam, hàng quýt, bưởi hồng thiếu chi
Trống quân cò lả sót gì
Mỗi người một vẻ ai thì kém ai

Lại thêm cạo mặt, ngoáy tai
 Lại thêm ngoài chợ có người họa tranh
 Ngoài ra cải, diếp, răm, hành
 Thì là, cải cúc xanh xanh rõ ràng
 Có người bán lược bán gương
 Có người bán cả hòm rương, tủ quây
 Có người bán dép, bán giày
 Có người bán cả ghế mây để ngồi
 Suốt ngày chợ họp ai ơi
 Thượng vàng hạ cám bao người bán mua
 Hay cấp như chị hàng cua
 Nhảy nhót hàng ếch ai mua được rày
 Có người xem tướng xem tay
 Châu văn đồng bóng ộp ngay tức thời
 Thôi thì đủ thức đủ người
 Ôn ào nhộn nhịp nói cười chen vai
 Có anh bán thuốc cũng hay
 Mồm rao liến láu, bệnh khỏi ngay tức thời
 Lại còn kẻ cấp như rươi
 Hở có chốc lát, tiền ôi mất rồi
 Giậm chân xuống đất kêu trời
 Phú lít⁽²⁾ có đến cũng thôi đi đời
 Tối đến đuổi chợ mình ơi!
 Quá năm giờ rưỡi hết người bán mua.

(1) "Xực tắc": gánh hàng mì vằn thắn, món ăn bằng bột mì viên có thịt hay tôm giã ở trong, thả vào nồi nước dùng sôi. Người bán hàng thường dùng hai mảnh gỗ gõ vào nhau thành tiếng kêu nghe na ná như "xực tắc", để thay lời rao.

(2) *Phú lít*: phiên từ tiếng Pháp police (đọc là pôlítxơ) nghĩa là cảnh sát.

98. Hải Phòng là chốn hữu tình
Thuyền buôn, thuyền bán rập rình bờ sông.
99. Hải Vân bát ngát nghìn trùng
Hòn Hồng ở đấy là trong vịnh Hàn
Xưa nay qua đấy còn truyền
Lối đi Lô Giản thẳng miến ra khơi.
100. Hoa lí lịch là hoa lí linh
Con gái Đình Bảng⁽¹⁾ vừa xinh vừa giòn.
(1) *Đình Bảng*: làng thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
101. Hòn Ông đứng trước Hòn Bà
Chồng cao vợ thấp đôi đà xứng đôi⁽¹⁾.
(1) *Hòn Ông, Hòn Bà*: thuộc huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.
102. Hồ Gươm in bóng Tháp Rùa
Ánh đèn soi tỏ mái chùa Ngọc Sơn.
103. Hồ Tĩnh Tâm⁽¹⁾ giàu sen bách diệp
Đất Hương Cẩn⁽²⁾ ngọt quýt, thơm cam
Ai về cầu ngói Thanh Toàn⁽³⁾
Đợi đây về với một đoàn cho vui.
(1) *Tĩnh Tâm*: hồ ở Huế.
(2) *Hương Cẩn*: thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.
(3) *Thanh Toàn*: cầu ngói Thanh Toàn ở Thừa Thiên Huế, làm năm 1776, có mái như mái nhà.
104. Hỡi cô mà thất lưng xanh
Có về Nam Định với anh thì về

Nam Định có cây bồ đề
Cố sông tắm mát có về thì đi.

- 105.** Kê Thau có quán Đình Thanh
Kê Hạc⁽¹⁾ thì có ba đình ba voi
Mười tám kéo thuyền xuống bơi
Mười chín đâm bánh, hai mươi rước thần

(1) *Kê Thau, Kê Hạc*: nay thuộc thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Quán Đình Thanh là nơi xưa kia dân đến hóng mát. "Ba đình" là ba ngôi đình: Tế Chủ, Tiến Nhạc, Thần Huống. "Ba voi" là ba con voi đàn bằng mây rất khéo, trông giống voi thật.

- 106.** Kê sao hết đẹp quê tôi
Mắm ngon thượng hạng Gò Bồi nổi danh
Từ Quy Nhơn ra tận Lao Xanh
Ngày ngày thấp thoáng thuyền mảnh ra khơi
Phương mai có hang yến, hang dơi
Ì ầm sóng vỗ, rợp trời chim bay...
Vạn Ninh, Vạn Thái⁽¹⁾ có tài
Nấu một lon gạo nổi hai ⁽²⁾ cũng đầy.

(1) *Vạn Ninh, Vạn Thái*: tên hai thôn nghèo thuộc xã Mĩ Tài, huyện Phù Mỹ.

(2) *Nồi hai*: nồi nấu cơm độ bốn người ăn.

- 107.** Khánh Hòa đẹp lắm ai ơi
Ghé thăm một chuyến cho đời thêm tươi.

- 108.** Khánh Hòa là xứ trầm hương
Non cao biển rộng người thương đi về
Yến sào ngon ngọt tình quê
Sông sâu đá tảng lời thể nước non

109. Khen ai khéo bắc Cầu Kè⁽¹⁾

Cái Thia đi xuống, Cái Bè đi lên.

(1) *Cầu Kè*: thuộc tỉnh Cửu Long.

110. Khen ai khéo họa dư đồ

Giữa nơi thành thị có hồ xanh trong

Ngựa xe vắng khách bụi hồng

Một tòa cổ miếu đôi dòng thanh lưu

Trăng soi nước, nước in cầu

Tiếng chuông kim cổ, nhịp cầu tang thương

Cỏ hoa ánh bóng tà dương

Nghìn xưa "hưng bá đồ vương"⁽¹⁾ chốn này.

(1) *Hưng bá đồ vương*: chuyển từ *mưu bá đồ vương* nghĩa là có mưu đồ làm vương tướng, mong đoạt quyền binh.

111. Khen ai khéo họa địa đồ

Trước sông Nhị Thủy⁽¹⁾, sau hồ Hoàn Gươm⁽²⁾.

(1) *Nhị Thủy*: (tức là sông Nhị): còn gọi là Nhị Hà hay Nhi Hà, khúc sông Hồng chảy gần Hà Nội.

(2) *Hoàn Gươm*: hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội.

112. Khen ai khéo mở chợ Đình

Dưới sông trên chợ rập rình vui thay.

113. Không ai mà mượn ba tiên

Bắc cầu chợ Mĩ nổi liền Long Xuyên.

114. Kim Liên⁽¹⁾ phong cảnh hữu tình

Dương cơ cũng lịch, địa hình cũng vui.

(1) *Kim Liên*: thuộc xã Nam Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

115. Lác trông phong cảnh đẹp thay
Bồng lai có phải chốn này hay không?

116. Làng Bố⁽¹⁾ có chợ nhà Vua
Mật Sơn⁽²⁾ có chùa, Tạnh Xá⁽³⁾ có làng.

(1) *Làng Bố*: tức làng Bố Vệ thuộc xã Đông Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ở đây có đền thờ vua Lê và bên cạnh có chợ thường gọi là chợ Cầu Bố.

(2) *Mật Sơn*: tức núi Mật, thuộc xã Đông Vệ, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa.

(3) *Tạnh Xá*: làng Tạnh thuộc huyện Đông Sơn. Ở đây có lăng vua Lê.

117. Làng Chợ⁽¹⁾ đẹp lắm ai ơi
Sông sâu tám mát trên đôi nường ngô.

(1) *Làng Chợ*: thuộc huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

118. Long Thành⁽¹⁾ bao quản nắng mưa
Cửa ô Quan Chưởng⁽²⁾ bây giờ là đây.

(1) *Long Thành*: tức là thành Thăng Long, tên cũ của Hà Nội, trước năm 1831.

(2) *Cửa ô Quan Chưởng*: ở gần phố Hàng Chiếu và phố Ô Quan Chưởng, hiện nay là một cửa ô duy nhất còn sót lại trong 15 cửa ô của thành Thăng Long cũ.

Sở dĩ có tên Ô Quan Chưởng là do khi xưa có viên quan Chưởng trấn về hưu, có dinh tại khu vực này và lập ra một phố gọi là phố Mới. Tên Phố Mới hiện nay vẫn còn thông dụng trong nhân dân để chỉ phố Hàng Chiếu trên bản đồ.

Theo một truyền thuyết khác thì cửa ô này trước kia có một viên Chưởng đảm nhận việc kiểm soát các thuyền bè qua lại nên thành tên Ô Quan Chưởng.

Theo một truyền thuyết nữa thì ở tại các cửa ô này, hồi thực dân Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ hai có một viên chưởng vệ đã hy sinh anh dũng.

Câu ca dao trên có ý hoài niệm kinh thành Thăng Long cũ bị giặc Pháp tàn phá hồi đầu thời Pháp thuộc.

119. Lụa Phú Phong nên duyên nên nợ
 Nón Gò Găng khắp chợ mền thương
 Áo hồng, quần tía vấn vương
Nghiêng nghiêng chiếc nón, gió sương quản gì.

120. Mênh mông biển lúa xanh rờn
 Tháp cao sừng sững trắng vờn bóng cau
 Một vùng phong cảnh trước sau
 Bức tranh thiên cổ đượm màu giang san.⁽¹⁾
(1) Tương truyền đây là cảnh chùa Báo Ân tức chùa Liên Trì bị thực dân Pháp phá huỷ vào cuối thế kỉ XIX, hiện còn lại một ngọn tháp bên Hồ Gươm.

121. Mình về đường ấy thì xa
 Đẻ anh bắc cầu sông Cái về qua Ninh Bình
 Đất Ninh Bình có chùa Non Nước
 Núi Phi Diên⁽¹⁾, Hối Hạc chung quanh
 Em về em chớ quên anh.
(1) *Núi Phi Diên*: núi cánh diều ở Ninh Bình.

122. Mình về đường ấy thời xa
 Có về tổng Mễ với ta cho gần
 Tổng Mễ có ao rửa chân
 Có sông tắm mát, có đình nghỉ ngơi
 Tháng tám thì đi xem bơi
 Tháng hai xem rước, mình ơi hồi mình!

123. Này anh em ơi! Hò lên cho nhịp
 Để chèo thuyền lướt sóng ra khơi

Nay mừng thời vận lên rồi
 Bắc Nam hòa thuận, ta thời vui ca
 Cảnh Dương, Cửa Cẩm lạch nhà
 Ghe thuyền buôn bán xinh đà quá xinh.

124. Ngó lên trên chợ Thủ Thiêm
 Thấy em đươn đậm giắt ghim trên đầu
 Ngó qua bên núi Tô Châu
 Thấy cô gánh nước trên đầu cài trâm.

125. Nhác trông lên chốn kinh đô
 Kia đền Quan Thánh, nọ hồ Hoàn Gươm.

126. Nhác trông phong cảnh vui thay
 Báo Bồng⁽¹⁾ có phải chốn này hay không?

(1) *Báo Bồng*: địa danh thuộc huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa. Xưa kia bọn chúa Trịnh cấm trai dò khi đi qua vùng này không được hò hát, sợ động long mạch vì đây là quê hương họ Trịnh, mồ mả đều chôn gần đó. Xét về vị trí thì khúc sông Mã ở quãng này cũng có nhiều chỗ nguy hiểm.

127. Nhất cao là núi Đan Nê
 Nhất đông chợ Bản, nhất vui chợ Chùa
 Vải chợ Chùa năm quan một tấm
 Em mua về dải phẩm cho tươi
 Một năm được mấy tháng vui
 Tháng sáu là một, tháng mười là hai.

128. Nhất cao là núi Tản Viên
 Anh còn vượt được lộ duyên cô mình

Nhất cao là núi ba tầng
Anh còn vượt được lọ rừng cỏ may.

129. Nhất cao núi Cẩm xa xanh
Suối tuôn róc rách chảy quanh núi Dài⁽¹⁾.

(1) *Núi Cẩm, Núi Dài*: thuộc vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang.

130. Nhất đẹp là gái làng Cầu⁽¹⁾
Khéo ăn khéo mặc, khéo hầu mẹ cha.

(1) *Làng Cầu*: tức làng Lam Cầu, thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

131. Non Hồng⁽¹⁾ ai đắp mà cao
Duyên em ai bồi ai đào mà sâu.

(1) *Non Hồng, Núi Hồng, Ngàn Hồng*: tức Hồng Lĩnh, non Hồng, Hồng Sơn. Theo các sách địa lí cũ thì Hồng Lĩnh có 99 ngọn. Tương truyền rằng thuở xưa, 100 chim phượng hoàng bay đến đây, 99 con đậu trên 99 ngọn núi. Còn con đầu đàn sau khi cả đàn đậu xong, thấy không có nơi đậu bèn bay ra khơi và sau đó cả đàn bay theo, vì vậy đất này chưa phát. Đây là dãy núi tiêu biểu của đất Nghệ Tĩnh.

132. Nước giếng Bông vừa trong vừa mát
Đường Trịnh Thôn⁽¹⁾ lấm cát dễ đi.

(1) *Trịnh Thôn*: tức làng Trịnh, xã Hoàng Phú, Hoàng Hóa, Thanh Hóa.

133. Nước Hồ Tây⁽¹⁾ vừa trong vừa mát
Đường chợ Bưởi⁽²⁾ lấm cát dễ đi
Cô kia bóng bảy làm chi

Để cho anh ấy đi đi về về.

(1) *Hồ Tây*: một hồ lớn rộng trên 500 héc ta ở phía tây bắc nội thành Hà Nội. Tại khu vực này xưa kia tập trung

khá nhiều nghề thủ công và có nhiều cung điện, đền miếu nổi tiếng.

- (2) *Chợ Bưởi*: ngày trước chợ Bưởi (thuộc làng Yên Thái, quận Ba Đình) họp mỗi tháng sáu phiên vào những ngày mồng bốn và ngày mồng chín âm lịch. Câu này dùng chữ "Bưởi" và chữ "bòng" lấy lại với nhau: "Bòng" cũng là tên một thứ quả cùng loại quả bưởi nhưng to hơn nhiều và cùi dày hơn.

134. Nước sông Gianh⁽¹⁾ vừa xanh vừa mát

Trông Quảng Bình nhỏ cát dễ đi

Dang tay ngút đọt từ bi

Cho lòng bên nớ bên nì kết duyên.

- (1) *Sông Gianh*: còn gọi là Linh Giang thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình rộng 800 m, gặp đường quốc lộ 1A ở cây số thứ 164 kể từ Vinh.

135. Nước sông Tô⁽¹⁾ vừa trong vừa mát

Em ghé thuyền đỗ sát thuyền anh

Dùng chèo muốn tỏ tâm tình

Sông bao nhiêu nước thương mình bấy nhiêu.

- (1) *Sông Tô Lịch*: cũng gọi là sông Tô, là con sông gắn liền với kinh thành Thăng Long cũ. Sông này xuất phát từ sông Hồng (chỗ phố chợ Gạo hiện nay) chạy theo khoảng phố Nguyễn Văn Siêu, Ngõ Gạch, Hàng Lược, men theo hào cũ thành Hà Nội tức phố Phan Đình Phùng rồi chảy qua Thụy Khuê tới Yên Thái. Tới đây sông chảy theo hướng Bắc Nam qua Cầu Giấy, Ngã Tư Sở rồi nhập vào sông Nhuệ.

136. Nước trăm khe chảy xuống ngã nguồn Dinh

Phu Văn Lâu⁽¹⁾ làm bạn với núi Ngự Bình⁽²⁾

xứng không?

- (1) *Văn Lâu*: còn gọi là Phu Văn Lâu, một ngôi lầu nhỏ hai tầng nằm phía ngoài kinh thành, xây từ cuối đời Gia

Long (1819), quay mặt xuống sông Hương. Lầu được dùng để niêm yết các chiếu chỉ của vua và để treo bằng các thí sinh trúng tuyển các khoa thi lớn. Trước Phu Văn Lâu có một ngôi nhà mái gọi là Lương tạ, phía trước có Nghinh Lương đình (nhà đón người đến tắm hay câu cá). Tương truyền vào khoảng đầu tháng 5 năm 1916, Trần Cao Vân giả đến ngôi cầu ở đây để chờ gặp vua Duy Tân, còn chiếc thuyền thắp thoảng bên sông là chờ sẵn để đón vua lúc trốn ra khỏi kinh thành. Không ngờ vua ra khỏi kinh thành chưa được bao lâu thì bị bắt và bị Pháp đày sang châu Phi, những người như Trần Cao Vân, Thái Phiên... thì bị chém đầu tại Huế.

(2) *Núi Ngự Bình*: xem I₁ D22.

137. Ở đây có đất đế vương

Ai về Bồng Báo cầm cương ngựa hồng.

138. Phong Dinh⁽¹⁾ đẹp lắm ai ơi

Bậu về bên đó cho tôi cùng về.

(1) *Phong Dinh*: tên cũ của Cần Thơ.

139. Phù Quang⁽¹⁾ có đất thờ vua

Dưới sông nước chảy đò đưa rập rình.

(1) *Phù Quang*: thuộc xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa bên bờ sông Mã.

140. Phú Yên đi dễ khó về

Trai đi có vợ, gái về có con.

141. Quê em Đồng Tháp mênh mông

Xanh tươi bát ngát ruộng đồng bao la

Quê em óng ánh tơ vàng

Ruộng nương thẳng tắp, ngút ngàn dâu xanh.

142. Quê em hai dải cù lao
 Có dừa ăn trái, có cau ăn trâu
 Quê anh có cửa biển sâu
 Có ruộng lấy muối, có dâu nuôi tằm.

143. Quê ta có dải sông Hàn⁽¹⁾
 Có chùa Non Nước, có hang Sơn Trà.
 (1) *Sông Hàn*: con sông chảy qua Đà Nẵng.

144. Quyển Sơn⁽¹⁾ vui thú nhất đời
 Dốc lòng trên giặm dưới bơi ta về
 Đồi bên núi tựa sông kề
 Ngược xuôi tiện nẻo, lăm nghề làm ăn.
 (1) *Quyển Sơn*: thôn Quyển Sơn nằm trên bờ sông Đáy và tựa lưng vào một dãy núi lớn, thuộc xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam là nơi có nhiều cảnh đẹp. Ở đây có tục hát giặm từ lâu đời.

145. Rủ nhau chơi khắp Long thành
 Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai
 Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Gai
 Hàng Buồm, Hàng Thiếc, Hàng Hài, Hàng Khay
 Mã Vĩ, Hàng Điều, Hàng Giày
 Hàng Lữ, Hàng Cốt, Hàng Mây, Hàng Đàn
 Phố Mới, Phúc Kiến, Hàng Than
 Hàng Mã, Hàng Mắm, Hàng Ngang, Hàng Đồng
 Hàng Muối, Hàng Nón, Cầu Đông
 Hàng Hòm, Hàng Đậu, Hàng Bông, Hàng Bè
 Hàng Thùng, Hàng Bát, Hàng Tre
 Hàng Vôi, Hàng Giấy, Hàng The, Hàng Gà
 Quanh đi đến phố Hàng Da

Trải xem phường phố, thật là cũng xinh
Phồn hoa thứ nhất Long thành
Phố giảng mắc củi, đường quanh bàn cờ
Người về nhớ cảnh ngẩn ngơ
Bút hoa xin chép nên thơ lưu truyền.

146. Ruộng đồng mặc sức chim bay
Biển hồ lai láng mặc bầy cá đua.

147. Sáng mai dời gót huyện Nga
Hậu, Hoàng, rồi đến Quảng ta xế chiều.

148. Sông Ba Lai⁽¹⁾ bên bồi, bên hằm
Đất Ba Lai đỏ thắm phù sa
Nàng về kết bạn cùng ta
Ăn cá thay bánh, uống nước trà thay cơm.
(1) *Sông Ba Lai*: thuộc tỉnh Bến Tre.

149. Sông Đĩnh⁽¹⁾ dòng nước trong ngần
Rừng xanh An Lão⁽¹⁾ mấy tầng dây tiêu
Hạt tiêu nho nhỏ đáng yêu
Cay cay khách khách thấy đều mến ưa
Thân em duyên dáng từ xưa
Càng cay, càng thắm, càng vừa ý anh.
(1) *Sông Đĩnh, An Lão*: ở tỉnh Bình Định.

150. Sông Thao nước đục người đen
Ai lên phố Ẻn⁽¹⁾ cũng quên đường về.
(1) *Phố Ẻn*: tức Vũ Yển ở huyện Thanh Ba, Vĩnh Phú, nơi
tụ hội của thuyền bè, dân cư sống về buôn bán.

151. Sông Tô⁽¹⁾ một dải lượn vòng
 Ấy nơi liệt nữ anh hùng giáng sinh
 Sông Hồng uốn khúc chảy quanh
 Giai nhân tài tử lừng danh trong ngoài.

(1) *Sông Tô*: xem I₁ N13.

152. Sông Tô nước chảy quanh co
 Cầu Đông⁽¹⁾ sương sớm, Quán Giò trăng khuya
 Buồn tình vừa lúc phân chia
 Tiếng ai như đã bên kia hẹn hò.

(1) *Cầu Đông*: chỉ chiếc cầu bắc qua dòng sông Tô ở khu vực ngã tư phố Ngõ Gạch và phố Hàng Đường hiện nay, ở phía đông thành Thăng Long cũ (hiện nay còn chùa Cầu Đông ở số nhà 38 phố Hàng Đường). Cầu Đông là một nơi trù phú vào bậc nhất Hà Nội thời ấy, có chợ Cầu Đông còn nổi tiếng trong truyện "Bích câu kì ngộ". Tú Uyên đã mua bức tranh tố nữ tại đây.

153. Sông Tô nước chảy trong ngần
 Con thuyền buồm trắng chạy gần chạy xa
 Thon thon hai mũi chèo hoa
 Lướt đi lướt lại như là bướm bay.

154. Sông Trà⁽¹⁾ nước chảy làm hai
 Ai về Bình Thuận, Đồng Nai thì về.
 (1) *Sông Trà*: sông Trà Khúc ở tỉnh Quảng Ngãi.

155. Sông Tuấn⁽¹⁾ một dải nông sờ
 Hàm Rồng⁽²⁾ một dãy lở mờ núi cao
 Vui thay núi thăm sông sâu
 Thuyền đi hai dãy như sao hôm rằm.

(1) *Sông Tuấn*: còn gọi là sông Tuấn Ngụ. Ở đây có ngã ba Ngang (còn gọi là Ba Đầu) chỗ gặp nhau của sông Mã và sông Chu, địa đầu của ba huyện Đông Sơn, Hoàng Hóa, Thiệu Hóa (Thanh Hóa).

(2) *Hàm Rồng*: dãy núi thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

156.

Suối Bèo phiên phụ còn đông
Đừng mong phiên chính gánh gồng chen vô
An Hành năm bữa một phiên
Gặp cô bán bún nên duyên vợ chồng⁽¹⁾.

(1) *An Hành*: thuộc huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

157.

Tam Kỳ chuyển xuống Ngã Ba⁽¹⁾
Gần nơi cửa Xẻ, ấy là Hà Quang
Mồ Côi, Ngọc Giáp rõ ràng
Kìa kìa Tam Ấp ba làng gần nhau
Tây Giang, Bến Đá cũng mau
Tiên Đảo, chợ Được đông rày lao xao
Hiển Lương với lại Cát Cao
Trà Nhiêu, làng Yến lẫn vào Hội An⁽²⁾.

(1) *Ngã Ba*: danh từ chung đã trở thành danh từ riêng chỉ địa điểm ngã ba đường nơi gặp gỡ ba con đường đi Tam Kỳ, An Tân và Hội An.

(2) Các địa danh thuộc tỉnh Quảng Nam.

158.

Tam Quan⁽¹⁾ tốt đất trồng dừa
Nam thanh nữ tú cho vừa ý anh.

(1) *Tam Quan*: một địa danh thuộc tỉnh Bình Định trên đường quốc lộ 1A, cách Đà Nẵng về phía Nam 207 km.

- 159.** Tam Sơn ba núi, năm làng
Chùa trên, chợ dưới, bán hàng vui thay
Mời người xơi tạm chén này
Rồi mai ta sẽ lấy ngày làm đêm.

- 160.** Tân Huê, Tân Quới, Tân Long⁽¹⁾
Ba thôn hiệp lại như rồng lên mây.
(1) *Tân Huê, Tân Quới, Tân Long*: thuộc huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- 161.** Tây Ninh có núi Điện Bà
Có sông Vàm Cỏ, có tòa Cao Sơn⁽¹⁾.
(1) *Chùa Cao Sơn*: thuộc huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- 162.** Thanh Trì⁽¹⁾ có bánh cuốn ngon
Có gò Ngũ Nhạc⁽²⁾ có con sông Hồng
Thanh Trì cảnh đẹp người đông
Có cây sáo trúc bên đồng lúa xanh.
(1) *Thanh Trì*: tên một huyện ngoại thành ở phía nam Hà Nội. Xưa có tên là Long Đàm. Đời Lê đổi thành Thanh Đàm. Đến thế kỉ XVI vì kiêng tên của vua Lê Thế Tông là Duy Đàm nên đổi thành Thanh Trì.
(2) *Ngũ Nhạc*: ở Thanh Trì, Hà Nội có một số gò đồng nhỏ gọi là Ngũ Nhạc.

- 163.** Thành Cựu⁽¹⁾ có tháp Cánh Tiên⁽²⁾
Có chùa Thập Tháp⁽³⁾ có phiên Cầu Chàm⁽⁴⁾
(1) *Thành Cựu*: tức Đồ Bàn, kinh đô của Chiêm Thành. Gọi là thành cũ phân biệt với thành mới (xây dưới triều Nguyễn).
(2) *Tháp Cánh Tiên*: tên một tháp chàm nằm trong thành Đồ Bàn.
(3) *Chùa Thập Tháp*: tên một ngôi chùa cổ ở huyện An Nhơn.

- (4) *Phiên Cầu Chàm*: tên một chợ phiên lớn nhất trong tỉnh, ở huyện An Nhơn (cũng có người có nơi gọi là phiên Gò Chàm). Ở chợ phiên này, người buôn bán rất tấp nập, thu hút cả những người ở tỉnh khác đến và tập trung đủ mọi thứ hàng hóa.

164. Tháp Bánh Ít đứng sát cầu Bà Di
 Sông xanh núi cũng xanh rì
Vô Nam ra Bắc ai cũng đi đường này
 Nghìn thu gương cũ còn đây
Ai ơi phải lo nung son sắt kéo nữa dây bể dâu.
165. Thăng Long Hà Nội đô thành
Nước non ai vẽ nên tranh họa đồ
 Cố đô rồi lại tân đô
Nghìn năm văn vật bây giờ là đây.
166. Thấy anh hay chữ, em đây hỏi thử đôi lời
 Đường từ Châu Đốc⁽¹⁾, Hà Tiên
Kinh nào chạy thẳng nối liền hai nơi?
 Đất nào lắm dốc nhiều đồi
Đèn nào cao nhất tiếng đời đều nghe?
 Sông nào tấp nập thuyền bè
Hồ nào với biển cập kề bên nhau?
 Trai nào nổi tiếng anh hào
Anh mà đáp dặng, má đào em trao.
 - Nghe em nói tức anh đây nói phút cho rồi
 Đường từ Châu Đốc, Hà Tiên
Cố kênh Vĩnh Tế⁽²⁾ nối liền hai nơi
 Đất Nam Vang lắm dốc nhiều đồi

Đền cao Châu Đốc mọi người đều nghe
 Sông Cửu Long tấp nập thuyền bè
 Biển Hồ⁽³⁾ hai chữ cặp kè bên nhau
 Trai Việt Nam nổi tiếng anh hào
 Anh đà đáp đặng, vậy má đào em trao đây.

(1) *Châu Đốc*: thuộc tỉnh An Giang.

(2) *Kênh Vĩnh Tế*: ở Châu Đốc, sát biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia, do Thoại Ngọc Hầu chỉ huy đào từ năm 1819 đến năm 1824.

(3) *Biển Hồ*: thuộc Cam-pu-chia.

- 167.** Thấy em hay chữ
 Anh mới hỏi thử một đôi lời
 Hỏi tạo thiên lập địa, cái Điện Bà⁽¹⁾ ai xây?
 (1) *Điện Bà*: Điện Bà ở Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- 168.** Thổ Sơn⁽¹⁾ có giếng nước trong
 Có rừng đồn củi, có sông đi chài
 Có gái sắc, có trai tài
 Người ngoài đã đến một hai không về.
 (1) *Thổ Sơn*: thuộc xã Nguyên Bình, Tỉnh Gia, Thanh Hóa.
 Tục truyền làng này có mười tám quận công.

- 169.** Thuyền tình đậu bến Chùa Gia⁽¹⁾
 Một trăm con gái liếc qua thuyền tình.
 (1) *Chùa Gia*: một bến sông tấp nập, trên bến có chợ, cạnh chợ có chùa thuộc thôn Phương Mao, xã Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- 170.** Trai Thổ Sơn ăn khoai ăn củ
 Mà lên rừng bắt hổ về chơi
 Xuống biển tìm giết cá voi
 Đi học biết chữ gấp đôi ông thầy.

- 171.** Trời mưa nước chảy qua cầu
Lấy chồng Hoàng Hóa⁽¹⁾ không giàu cũng vui.
(1) *Hoàng Hóa*: người huyện Hoàng Hóa trước kia tự hào vùng mình đất giàu, người đông, sản sinh ra nhiều trai thanh, gái lịch.
- 172.** Tuy Hòa lắm lúa nhiều bông
Em về đây kết nghĩa cho thông dong con người.
- 173.** Vinh Quang⁽¹⁾ lắm ruộng ít người
Làm ăn sung túc thanh thoi suốt ngày.
(1) *Vinh Quang*: thuộc xã Tĩnh Hải, Tĩnh Gia, Thanh Hóa.
- 174.** Vọng Phu⁽¹⁾ cảnh đẹp núi Nhồi⁽²⁾
Có người chinh phụ phương trời dăm dăm.
(1), (2) *Vọng Phu, núi Nhồi*: ở Đông Sơn, Thanh Hóa, trên đỉnh có đá hình người đàn bà và hai con nhỏ đứng ngóng về phương Nam, người ta gọi là hòn Vọng Phu.
- 175.** Vũng Đông, Vũng Lắm, Vũng Chào
Vũng La, Vũng Sứ, chỗ nào cũng thương.
- 176.** Vũng vàng tháp cổ ai xây
Bên kia Thủ Thiện bên này Dương Long⁽¹⁾
Nước sông trong dò lòng dẫu bể
Tiếng anh hùng tạc để nghìn thu.
(1) *Thủ Thiện, Dương Long*: tên hai ngọn tháp ở huyện Bình Khê (còn gọi là tháp xanh).
- 177.** Xứ Nam nhất chợ Bằng Vôi
Xứ Bắc Vân Khám, xứ Đoài Hương Canh.

178. Xứ nào vui bằng xứ Sài Gòn
Người đi như đô hội, anh còn nhớ em.

179. Yên Thái có giếng trong xanh
Có đôi cá sấu ngồi canh đầu làng
Ai qua nhẩn nhủ cô nàng
Yêu nhau xin chớ phũ phàng đổi thay.

180. Yên Thái có hồ Nguyệt Nga⁽¹⁾
Có sông Tô Lịch,⁽²⁾ đôi ta chèo thuyền.

(1) *Hồ Nguyệt Nga*: ở phía đông sông Tô Lịch, giáp đường Hoàng Hoa Thám, Hà Nội.

(2) *Sông Tô Lịch*: cũng gọi là sông Tô, là con sông gắn liền với kinh thành Thăng Long cũ. Sông này xuất phát từ sông Hồng, chạy theo khoảng phố Nguyễn Văn Siêu, Ngõ Gạch, Hàng Lược, men theo hào cũ thành Hà Nội tức phố Phan Đình Phùng rồi chảy qua Thụy Khê tới Yên Thái. Tới đây sông chảy theo hướng Bắc Nam qua Cầu Giấy, Ngã Tư Sở rồi nhập vào sông Nhuệ.

ĐẶC SẢN

1. Ai mua bánh ít bán cho
Nhưn⁽¹⁾ tôm, nhưn thịt, nhưn dừa ngọt ngon.

(1) *Nhưn*: nhân.

2. Ai qua phố Nhớn⁽¹⁾ phố Lai⁽²⁾
Dừng chân ăn miếng chả dài thơm ngon
Ngọt thay cái quả cam tròn
Vừa thơm vừa mát hãy còn ở Canh.⁽³⁾

- (1) *Phố Nhổn*: cũng gọi là ngã tư Nhổn, chỗ gặp nhau giữa đường Cầu Giấy đi thị xã Sơn Tây và đường thị xã Hà Đông ngược lên khu vực Thượng Cát, Đại Cát ở bờ đê sông Hồng.
- (2) *Phố Lai*: thuộc làng Lai Xá cách Nhổn hơn 1 km trên đường đi thị xã Sơn Tây.
- (3) *Canh*: chỉ những làng Phương Canh và Vân Canh cũ nay thuộc xã Xuân Phương huyện Từ Liêm (Hà Nội) và xã Thọ Nam nay thuộc huyện Hoài Đức (Hà Tây).

3. Ai về Hà Tĩnh thì về
Mặc lụa chợ Hạ, uống nước chè Hương Sơn.

4. Ai về nhớ vãi Định Hòa⁽¹⁾
Nhớ cau Hồ Bái⁽²⁾, nhớ cà Đan Nê⁽³⁾
Nhớ dừa Quảng Hán,⁽⁴⁾ Lựu Khê⁽⁵⁾
Nhớ cơm chợ Bản,⁽⁶⁾ thịt dê Quán Lào⁽⁷⁾.
(1)...(7): tất cả thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

5. Ai về Nhượng Bạt⁽¹⁾ thì về
Gạo nhiều, cá lắm, dễ bề làm ăn.
(1) *Nhượng Bạt*: tên làng ở huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, nay là xã Cẩm Nhượng, ở đây có Cửa Nhượng là cửa sông Lác đổ ra biển Đông.

6. Ai về Tân Phước, Rạch Già⁽¹⁾
Gỏi con cá lóc hái cà nấu canh.
(1) *Tân Phước, Rạch Già*: thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

7. Ai vô Quảng Nam cho tôi gửi mua đôi ba lượng quế
Ai ra ngoài Nghệ cho tôi gửi mua tám chín
lượng sâm

Dem về nuôi dưỡng phụ thân
Hai ta đền đáp công ơn sinh thành.

8. Anh đi đóng đày Bảy Ngang⁽¹⁾
Ghé qua Láng Lộc⁽²⁾ để nài lượm tôm.
(1), (2) *Bảy Ngang, Láng Lộc*: thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang.
9. Anh về Bình Định ban trưa
Dùng chân uống bát nước dừa Tam Quan.
10. Anh về Bồ Định, Giếng Vuông
Chiếu treo bốn vách còn buồn nỗi chi⁽¹⁾.
(1) Những nơi sản xuất nhiều chiếu ở huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
11. Anh về dưới vạt ăn dưa
Về chi Bến Chệt ăn dừa mỗi rừng.
12. Anh về Hòa Đại hái chè
Bỏ cây cam mật sau hè ai trông
Anh về Bình Định thăm nhà
Tháng hai trở lại, tháng ba cưới nàng
Cưới nàng đôi nón Gò Găng
Xấp lảnh An Thái, một khăn trầu nguồn.
13. Anh về qua cửa Đê Gi
Nghe mùi chả cá chân đi không đành.
14. Ấm em đi dạo vườn cà
Trái non ăn mắm, trái già giấm dưa

Ngâm dưa ba bữa dưa chua
Gởi về cho mẹ đừng mua uống tiền.

15. Ăn buổi thì hãy đến đây
Đến mùa buổi chín vàng cây trĩu cành
 Ngọt hơn quýt mật, cam sành
Biên Hòa có buổi trứ danh tiếng đồn.

16. Ăn chả tôm bạc⁽¹⁾ thịt nạc đổ bằng
Cá Hanh nấu ám⁽²⁾, cá Rằn nướng kho
Tôm Cơ lột, tôm Rằn báy
Trông thấy đã ngon
Kho tiêu cá Thệ thì còn nói chi
Ăn vào một miếng mê li
Người già thích hợp, sánh chi cho bằng.
(1) *Tôm bạc*: loại tôm to, thịt rất ngon.
(2) *Nấu ám*: (tiếng địa phương) nấu như nấu cách thủy.

17. Ba phen quạ nói với diều
Cù lao Ông Chưởng⁽¹⁾ có nhiều cá tôm.
(1) *Ông Chưởng*: tức Chưởng cơ Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Cù lao Ông Chưởng gồm các xã Kiến An, Kiến Thành, Mĩ Hội Đông, Nhơn Mĩ, Long Kiến, thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

18. Bánh canh cọng vắn cọng dài
Bánh tầm xe cọng dài, cọng vắn
Xứ Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai về xứ bạc thông dong cuộc đời.

19. Bánh đúc làng Go⁽¹⁾
Chè xanh làng Núi⁽²⁾

Tầm tơ làng Hồng⁽³⁾

Làng Vạc⁽⁴⁾ trồng bông buồn bông

Làng Khoai⁽⁵⁾ cấy lúa, Chè Đông⁽⁶⁾ đúc nồi.

(1) *Làng Go*: làng Yên Lâm, tỉnh Thanh Hóa.

(2) *Làng Núi*: làng Thọ Sơn, tỉnh Thanh Hóa .

(3) *Làng Hồng*: làng Hồng Đô, tỉnh Thanh Hóa.

(4) *Làng Vạc*: làng Cổ Đô, tỉnh Thanh Hóa.

(5) *Làng Khoai*: làng Lạc Đô, tỉnh Thanh Hóa.

(6) *Chè Đông*: làng Trà Đô, tỉnh Thanh Hóa.

20.

Bánh trắng Mĩ Long

Bánh phồng Sơn Đốc

Măng cụt Hàm Luông⁽¹⁾

Vỏ ngoài nâu, trong trắng như bông gòn

Anh đây nói thiệt sao em còn so đo?

(1) Các địa danh trong bài này thuộc tỉnh Bến Tre.

21.

Bao giờ làng Khả⁽¹⁾ hết lang

Ông phủ hết bạc, nhà quan hết tiền.

(1) *Làng Khả*: làng Khả La, xã Hải Bình, Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, trồng nhiều khoai lang.

22.

Bến Tre giàu mía Mỏ Cày

Giàu nghèo Thạnh Phú, giàu xoài Cái Mơn

Bến Tre biển cá, sông tôm

Ba Tri muối mặn, Giồng Trôm lúa vàng⁽¹⁾.

(1) Các địa danh trong bài này là tên huyện của tỉnh Bến Tre, riêng Cái Mơn thuộc huyện Chợ Lách, Bến Tre.

23.

Bến Tre nước ngọt lắm dừa

Ruộng vườn màu mỡ, biển thừa cá tôm

Sầu riêng, măng cụt Cái Mơn

Nghêu sò Côn Lợi, thuốc ngon Mỏ Cày
 Xoài chua, cam ngọt Ba Lai
Bắp thì Chợ Giữa, giống khoai Mĩ Hòa
 Mắm bần ven bãi phù sa
Bà Hiền, Tân Thủy hằng hà cá tôm
 Quýt đường, vú sữa ngổn ngang
Dừa xanh Sóc Sãi, tơ vàng Ba Tri
 Xèo Sâu cam tốt ai bì
Lúa vàng Thạnh Phú, khoai mì Thạnh Phong
 Muối khô ở Gành mận nồng
Giồng Trôm, Phong Năm dưa đồng giăng giăng⁽¹⁾.
(1) Các địa danh trong bài này thuộc tỉnh Bến Tre.

24. Biên Hòa buổi chẳng đắng the
 Ăn vào ngọt lịm như chè đậu xanh.

25. Biên Hòa có buổi Thanh Trà⁽¹⁾
 Thủ Đức nem nướng, Điện Bà Tây Ninh⁽²⁾.
(1) *Thanh Trà*: thuộc xã Tân Triều, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
(2) *Núi Điện Bà*: tức núi Bà Đen tỉnh Tây Ninh. Núi này còn có tên là núi Bà Đình và Linh Sơn. Núi cao 986 mét, là một thắng cảnh của Tây Ninh.

26. Bình Định có núi Vọng Phu⁽¹⁾
 Có đầm Thị Nại⁽²⁾ có cù lao Xanh⁽³⁾
 Em về Bình Định cùng anh
 Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa.
(1) *Núi Vọng Phu*: ở huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.
(2) *Thị Nại*: cũng gọi là Thị Nại, ở huyện Tuy Phước.
(3) *Cù lao Xanh*: hòn đảo gần cửa biển Quy Nhơn.

27. Bún ngon bún mát Tứ Kỳ⁽¹⁾

Pháp Vân⁽²⁾ của ốc đồn thì chẳng ngoa.

- (1) *Tứ Kỳ*: tên thôn, thuộc xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội có tên cổ là Đình Gạnh. Tứ Kỳ có nghề làm bún nổi tiếng, thường gói vào lá sen.
- (2) *Pháp Vân*: tên thôn, cùng thuộc xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Quanh làng có cánh đồng trũng nên dân thường bắt cua ốc, rồi mua bún của làng Kỳ bên cạnh làm bún riêu, bún ốc đi bán.

28. Cá ngon là cá Cù Mông

Gạo ngon là gạo ở đồng Phú Dương.

29. Cách sông cách nước thì thương

Cách quê cách quán, nhớ tương Cự Đà⁽¹⁾.

- (1) *Cự Đà*: thuộc xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, Hà Tây. Tương Cự Đà nổi tiếng trong tỉnh.

30. Canh chua điên điên⁽¹⁾ cá linh

Ăn chỉ một mình thì chẳng biết ngon.

- (1) *Điên điên*: loại cây có hoa màu vàng, thường trồng vào mùa nước nổi.

31. Cần chi cá lóc, cá trê

Thịt chuột, thịt rắn nhậu mê hơn nhiều.

32. Chẳng đi nhớ cháo làng Ghề⁽¹⁾

Nhớ cơm phố Mía⁽²⁾ nhớ chè Đông Viên⁽³⁾.

- (1) *Làng Ghề*: làng Yên Kỳ thuộc huyện Bất Bạt, tỉnh Hà Tây.
- (2) *Phố Mía*: thuộc xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

(3) *Đông Viên*: thuộc tổng Châu Chàng, huyện Tiên Phong, phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây, nay là xã Đông Quang, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

33. Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Chẳng lịch cũng thể con người Thượng Kinh
Chẳng chua cũng thể là chanh
Chẳng ngọt cũng thể cam sành chín cây.

34. Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ nồi cơm nguội, nhớ niêu nước chè
Ngồi buồn nhớ cá trích ve
Nhớ bát nước dứa, nhớ chén đường non
Nhớ hồi cá trích y con
Thịt heo cất khúc, lòng còn ước mơ.

35. Chợ Ba Tri⁽¹⁾ thiếu gì cá biển
Anh thương nàng anh nguyện về đây.
(1) *Chợ Ba Tri*: thuộc huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

36. Chợ Gồm đồ gốm
Phú Hội đồ đan
Tiện đường ghé lại Cánh An
Mua thêm chiếc võng cho nàng ru con⁽¹⁾.
(1) Các chợ Gồm, Phú Hội, Cánh An: thuộc huyện Phù Cát.

37. Chợ Nhàng⁽¹⁾ lắm bún, nhiều phi
Trăm công nghìn việc cũng đi chợ Nhàng.
(1) *Chợ Nhàng*: thuộc xã Quảng Đình, Quảng Xương, Thanh Hóa, trước đây thường bán bún với canh phi (phi

là loài nhuyễn thể cùng họ với trai hến, dùng nấu canh, nấu cháo rất ngon).

- 38.** Chưng nào Chợ Quán⁽¹⁾ hết vôi
Thủ Thiêm⁽²⁾ hết gạo em thôi đưa đồ.
(1), (2) *Chợ Quán, Thủ Thiêm*: thuộc thành phố Hồ Chí Minh.
- 39.** Đầm Châu Trúc⁽¹⁾ nước xanh biêng biếc
Gạch cua tôm chỉ xiết mặn nồng
Chình mun⁽²⁾ nằm sát đáy sông
Sài Gòn, Hà Nội, Hồng Kông cũng thêm.
(1) *Châu Trúc*: tên đầm ở giữa hai làng Châu Giang, Trúc Vồng của Hà Ra thuộc huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
(2) *Chình mun*: giống như con lươn nhưng to hơn, màu đen nhánh, ăn rất bổ, ít có nên rất quý.
- 40.** Đi đâu cũng nhớ Khánh Hòa
Nhớ biển Nha Trang gió mát, nhớ Ninh Hòa nhiều nem.
- 41.** Đi đâu mà chẳng biết ta
Ta ở Thủ Đức⁽¹⁾ vốn nhà làm nem.
(1) *Thủ Đức*: thuộc thành phố Hồ Chí Minh.
- 42.** Đi lên Đá Trắng ăn xoài
Muốn ăn tương ngọt Thiên Thai thiếu gì.
- 43.** Đi thi mỗi gới trời lê
Không đi thi nhớ cháo chè Đình Hương⁽¹⁾.
(1) *Đình Hương*: thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- 44.** Đò tôi ở bến sông Dâu
Buôn chè mạn hảo tháng sau mới về

Lênh đênh ba bốn chiếc thuyền kẻ
 Chiếc về Hà Nội, chiếc về Vạn Vân⁽¹⁾
 Vạn Vân có bến Thổ Hà⁽²⁾
 Vạn Vân nấu rượu, Thổ Hà nung vôi
 Nghĩ rằng đá nát thì thôi
 Ai ngờ đá nát nung vôi lại nồng
 Chăn đơn gối chiếc lạnh lùng
 Nửa thì mình đắp, nửa phòng tình nhân.

- (1) *Vạn Vân*: tên làng Đại Lâm, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, nổi tiếng là nơi buôn bán sầm uất trên bờ sông Cầu (còn có Vạn Vân là tên một hãng nước mắm ở Cát Hải, Quảng Ninh).
- (2) *Thổ Hà*: thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, có nghề nung vôi và làm đồ gốm được nhiều người biết. Thổ Hà cũng ở bên sông Cầu, đối diện với Vạn Vân.

45. Đồn rằng Án Đổ⁽¹⁾ lắm chè

Tổng Sơn⁽²⁾ lắm mía, chợ Nghè⁽³⁾ lắm khoai.

- (1) *Án Đổ*: thuộc về huyện Thạch Thành, Thanh Hóa, có chè tươi nổi tiếng.
- (2) *Tổng Sơn*: tên cũ của huyện Hà Trung, có loại mía tiến vua gọi là mía Đường Trèo.
- (3) *Chợ Nghè*: thuộc huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa, có cái làng rất lớn (Trống chợ Quảng, làng chợ Nghè).

46. Đồn rằng chùa Sỏi⁽¹⁾ lắm Tiên

Bạch Cầu⁽²⁾ lắm cá, Thạch Tuyên⁽³⁾ lắm quan.

- (1) *Chùa Sỏi*: ở động Vân Hoàng, tỉnh Thanh Hóa. Tương truyền chùa Sỏi lắm tiên, vì gần động Từ Thức, của Thần Phù.
- (2) *Bạch Cầu*: tên làng ở huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- (3) *Thạch Tuyên*: còn gọi là Thạch Giản, tên làng ở huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- 47.** Đồn rằng kẻ Trọng⁽¹⁾ lắm cau
 Kẻ Cát⁽²⁾ lắm lúa, kẻ Mau⁽³⁾ lắm tiền.
 (1) *Kẻ Trọng*: làng Phúc Tiên thuộc xã Hoàng Quý, Hoàng Hóa, Thanh Hóa.
 (2) *Kẻ Cát*: làng Cát Xuyên ở xã Hoàng Cát, Hoàng Hóa, Thanh Hóa.
 (3) *Kẻ Mau*: làng Cát Mao ở xã Hoàng Cát, Hoàng Hóa, Thanh Hóa.
- 48.** Đồng Cống đan rọ, đan sàng
 Đang Lại dệt vải, chợ Hàm nhuộm thâm
 Trung Lãng thì tráng bánh đa
 Ngân Cầu bánh bồng, Hưng La bánh bèo.
- 49.** Đồng Lầm⁽¹⁾ có vả nâu non
 Có hồ cá rộng, có con sông bồi.
 (1) *Đồng Lầm*: là tên nôm làng Kim Liên thuộc quận Đống Đa, trước đây có nghề nhuộm vải nâu nổi tiếng (áo vải Đồng Lầm), có nhiều hồ cá lớn và có một vại lạch đổ vào sông Tô Lịch (nay đã cạn).
- 50.** Đức Thọ⁽¹⁾ gạo trắng nước trong
 Ai về Đức Thọ thông dong con người.
 (1) *Đức Thọ*: một huyện thuộc tỉnh Hà Tĩnh.
- 51.** Em đi chợ Tết Nha Trang
 Nhớ mua một bó mai vàng cho anh.
- 52.** Em về dưới chợ Kì Sơn⁽¹⁾
 Mua tôm, mua cá đến ơn mẹ già.
 (1) *Kì Sơn*: thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

53. Gạo chợ Nguyễn ai đong cho xiết
Gái làng Đoài ai biết cho thông.

54. Gắng công kén hộ cốm Vòng⁽¹⁾
Kén hồng Bạch Hạc⁽²⁾ cho lòng ai vui.

(1) *Vòng*: là làng Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, Hà Nội, chuyên làm nghề cốm nổi tiếng gọi là cốm Vòng. Đúng ra tên Vòng chỉ toàn tổng Dịch Vọng tức là tổng Vòng xưa kia.

(2) *Bạch Hạc*: tên một huyện ở tỉnh Phú Thọ cũ có giống hồng ăn quả nổi tiếng được gọi là hồng Bạch Hạc hay hồng Hạc.

55. Gặp cơm Ba Thắc⁽¹⁾ thơm ngon
Chan nước mắm Hòn⁽²⁾ ăn chẳng muốn thôi.

(1) *Ba Thắc*: ở đây thuộc khu vực sông Cổ Cò và cửa biển Mĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang.

(2) Nước mắm Phú Quốc, nổi tiếng là ngon.

56. Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng
Về bưng ăn cá, về đồng ăn cua
Bắt cua làm mắm cho chua
Gởi về quê nội khỏi mua tốn tiền.

57. Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng
Về sông ăn cá, về đồng ăn cua.

58. Gò Bồi có nước mắm thơm
Ai đi cũng nhớ cá tôm Gò Bồi.

59. Hết gạo thì có Đồng Nai
Hết củi thì có Tân Sài⁽¹⁾ chở vô.

- (1) *Tân Sài*: Bến Gỗ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (theo CDNB). Có ý kiến khác: Tân Sài ở Quảng Trị, hay tải củ bằng thuyền về bán ở Huế (theo *Ca dao xứ Huế bình giải* của Ứng Luận, 1999, tr.44).

60. Hôm nay ăn mía Triệu Tường
Đội mấm Nam Ổ, đội đường Phú Yên.

61. Hỡi cô thắt lưng bao xanh
Có về An Phú⁽¹⁾ với anh thì về
An Phú có ruộng tứ bề
Có ao tắm mát có nghề kẹo nha.

- (1) *An Phú*: tên một làng xưa, nay thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

62. Huyện Thanh Trì⁽¹⁾ kia làng Thịnh Liệt⁽²⁾
Đồn cá rô đầm Sét⁽³⁾ là ngon
Bấy lâu cạn nước trơ bùn
Biết rằng phong vị có còn như xưa.

- (1) *Thanh Trì*: tên một huyện ngoại thành ở phía nam Hà Nội. Xưa có tên là Long Đàm. Đời Lê đổi thành Thanh Đàm. Đến thế kỷ XVI vì kiêng tên của vua Lê Thế Tông là Duy Đàm nên đổi thành Thanh Trì.

- (2) *Thịnh Liệt*: tên nôm làng Sét gồm những thôn Giáp Nhất, Giáp Nhị, Giáp Lục, Giáp Thất, Giáp Bát.

- (3) *Đầm Sét*: ở xã Thịnh Liệt, là một đoạn sông Kim Ngưu cũ trước kia nối liền với Hồ Tây và chảy về phương nam, về sau dòng sông này bị cạn, đoạn sông ở khu vực Thịnh Liệt thành một dải đầm khá lớn. (Nhiều người cho rằng đầm Sét xưa kia chính là đầm Linh Đường hiện nay vì ăn thông Thịnh Liệt nên gọi là đầm Sét, còn ở Thịnh Liệt xưa chỉ có sông chảy qua, không có đầm).

63. Kèo nèo⁽¹⁾ mà lại làm chua
Ăn với cá rân, chẳng thua món nào.
(1) *Kèo nèo*: loại rau cọng xốp giống lục bình (bèo tây).
64. Khi nào Bến Thủy⁽¹⁾ hết dầu
Đô Lương⁽²⁾ hết gạo ta hết câu duyên em.
(1) *Bến Thủy*: nay thuộc thành phố Vinh.
(2) *Đô Lương*: một huyện của tỉnh Nghệ An.
65. Khi nào hết lúa Hội Lâm
Anh lui về Phuống, Rộ⁽¹⁾ để kết tri âm với nường.
(1) *Phuống, Rộ*: những địa điểm này thuộc huyện Thanh Chương, Nghệ An.
66. Khoai lang ăn với nước don⁽¹⁾
Những người làng Trá béo tròn như cu.
(1) *Don*: một loài hến, nấu canh ăn rất ngọt, sản vật đặc biệt của làng Trá tức là làng Khả La, thuộc xã Hải Bình, Tĩnh Gia, Thanh Hóa.
67. Không ngoa cũng thuốc Lỗ Quy⁽¹⁾
Nhơn cùng tắc biển phải đi lượm tàn.
(1) *Lỗ Quy*: nay thuộc xã Sơn Định, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.
68. (a) Làng Đam⁽¹⁾ bán mắm tôm canh
Làng Họa⁽²⁾ đan dó, làng Chanh⁽³⁾ quay guồng
Đông Phù cấp thúng đi buôn
Đông Trạch bán thịt, làng Om vắn thùng⁽⁴⁾
Tương Trúc⁽⁵⁾ thì giỏi buôn sừng
Tự Khoát⁽⁶⁾ đan thúng, Vệt⁽⁷⁾ từng làm quang.

- (b) Làng Đam thì bán mắm tôm
 Làng Họa đan dó, làng Om quán thừng
 Tương Trúc làm nghề lược sừng
 Tự Khoát đan thúng, Vĩnh Trung làm giành.

- (1) *Làng Đam*: tức Văn Uyên, nay thuộc xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Mắm tôm canh là loại mắm tôm lỏng.
 (2) *Làng Họa*: tức Mĩ Á thuộc xã Đông Mĩ, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
 (3) *Làng Chanh*: tức Tranh Khúc, xã Duyên Hà, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
 (4) *Làng Om*: tức Nội Om và Thọ Om, nay thuộc Thường Tín, Hà Tây.
 (5) *Tương Trúc*: thuộc xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
 (6) *Tự Khoát*: thuộc xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
 (7) *Làng Vẹt*: tức Việt Yên, nay thuộc xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

69. Làng Quang, dưa vãi khắp đồng
 Ngô khoai khấp ruộng, nhãn lồng xóm Văn⁽¹⁾.

- (1) *Xóm Văn*: là một xóm thuộc làng Quang, nay thuộc xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội. Xóm Văn sở dĩ thành tên là vì quê hương của Chu Văn An, một nhà nho nổi tiếng đời Trần, sau khi chết có tên hiệu là Văn Trinh Công.

70. Le le, vẹt nước, bông bông
 Con cua, con rạm, con còng sáu con.

71. Lối lằm vì mắm trích ve
 Vì rau muống luộc, vì mè trộn mĂNG.

72. Lụa làng Trúc⁽¹⁾ vừa thanh vừa bóng
 May áo chàng cùng sống áo em

Chữ tình cùng với chữ duyên

Xin đừng thay áo mà quên lời nguyên.

- (1) *Làng Trúc*: tức làng Trúc Yên, bên bờ hồ Trúc Bạch. Vào thế kỉ XVIII tại làng này chúa Trịnh Giang đã lập một viện nghỉ mát, sau viện này trở thành nơi giam các cung nữ không được vừa lòng chúa. Các cung nữ nói trên đã dệt lụa để sinh sống.

73.

Lụa Nga Khê, đũi Chi Long⁽¹⁾

Hương nan Nam Xá⁽²⁾, trâu không Đại Hoàng⁽³⁾.

- (1) *Nga Khê, Chi Long*: hai thôn thuộc xã Nguyên Lí, huyện Lí Nhân, tỉnh Nam Định. Hai thôn này xưa kia có nghề dệt lụa dệt đũi, truyền rằng lụa Nga Khê là loại lụa tiến vua.
- (2) *Nam Xá*: xã Nhân Nghĩa, huyện Lí Nhân, ở đây có nghề làm hương và có tiếng là hương thơm ngát.
- (3) *Đại Hoàng*: xã Nhân Hậu, thuộc huyện Lí Nhân, ở đây trồng nhiều trâu không và trâu ngon có tiếng.

74.

Mặc dầu cha đánh, mẹ đe

Em đây chẳng bỏ bát chè Đông Viên.⁽¹⁾

- (1) *Đông Viên*: thuộc xã Đông Quang, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

75. (a)

Mẹ ơi, đừng gả chồng xa
 Tuy rằng kẻ bẽ, đất ta cũng màu
 Đi về, con cá lá rau
 Mua gạo chợ Vực, mua trâu chợ Đông⁽¹⁾
 Lấy ai cũng lấy một chồng
 Kiếm ăn ngày tháng no lòng thì hơn.

- (1) *Chợ Vực, chợ Đông*: đều thuộc huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa.

- (b) Mẹ ơi, đừng gả chồng xa
 Tuy rằng ít ruộng, đất ta lắm màu
 Ngô, khoai, rau, đậu, bông, dâu
 Đây bến đò dọc, kia cầu chợ Hôm
 Chẳng tham tiền lắm, người giòn
 Thương anh đò dọc, "hồ khoan" cả ngày.

76. Mít thơm thì đến Phong Cao
 Cà phê xóm láng dừa cau Ông thầy.

- 77.** Mong về xứ ở Vinh Quang⁽¹⁾
 Ăn canh cua bẩy, tôm rang thỏa tình⁽²⁾
 Hai xóm Quang Hiến, Quang Minh⁽³⁾
 Ăn cá lá nướng, cá kinh nấu chua.
 (1) *Vinh Quang*: tên một thôn gần đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định.
 (2) *Cua bẩy*: cua lột.
 (3) *Quang Hiến, Quang Minh*: tên hai xóm thuộc thôn Vinh Quang, tỉnh Bình Định.

- 78.** Một mai nước lớn đò trôi
 Cây khô lá rụng bậu⁽¹⁾ ngồi chờ ai?
 - Bậu ngồi chờ củ chờ khoai
 Chờ thơm, mít chín, chờ xoài cả lăm⁽²⁾.
 (1) *Bậu*: (tiếng địa phương) bạn, em.
 (2) *Xoài cả lăm*: thứ xoài loại trung bình (xoài tượng: xoài to, xoài cơm: xoài nhỏ).

- 79.** Muốn ăn bánh ếch⁽¹⁾ lá gai
 Lấy chồng Bình Định sợ dài đường đi.
 (1) *Bánh ếch*: bánh ít.

- 80.** Muốn ăn bông súng mắm kho
Thì vô Đồng Tháp ăn no đã thêm.
- 81.** Muốn ăn bún sốt lòng tươi
Có con thì gả cho người làng Đông.⁽¹⁾
(1) *Làng Đông*: thuộc xã Xuân Lâm, Tỉnh Gia, Thanh Hóa.
Làng này có nghề làm bún và mổ lợn.
- 82.** Muốn ăn cá bống kho gừng
Thì về kẻ Mĩ⁽¹⁾ đánh thùng với anh.
(1) *Kẻ Mĩ*: làng Mĩ Đà thuộc xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa.
- 83.** Muốn ăn cơm ngon
Đi cày ruộng tốt
Muốn ăn canh ngọt
Lấy chú đi câu
Muốn ăn canh bầu
Lấy chồng Yên Thượng.⁽¹⁾
(1) *Yên Thượng*: một làng ở Thanh Hóa, trồng nhiều bầu.
- 84.** Muốn ăn cơm trắng cá mè
Muốn đội nón tốt thì về làng Chuông.⁽¹⁾
(1) *Làng Chuông*: thuộc huyện Thanh Oai, Hà Tây.
- 85.** Muốn ăn cơm trắng cá thu
Lấy chồng xóm Bể, làm du Gấm Mè.⁽¹⁾
(1) *Xóm Bể, Gấm Mè*: thuộc xã Hải Ninh, Tỉnh Gia, Thanh Hóa.
- 86.** Muốn ăn cơm trắng canh cần
Thì về Đồng Lũng⁽¹⁾ đan giần với anh.

(1) *Đổng Lũng*: thuộc xã Hoàng Thịnh, Hoàng Hóa, Thanh Hóa có nghề đan thúng mùng giần sàng.

87. Muốn ăn cơm trắng, chả, giò
Thì về bến Cốc⁽¹⁾ đẩy xe bò với anh.

(1) *Bến Cốc*: ở thị xã Thanh Hóa có bến sông gọi là bến Cốc. Cả làng sống bằng nghề đẩy xe bò chở luồng nứa, buôn củi, buôn bè.

88. Muốn ăn dưa hấu dưa hồng
Bỏ chồng Yên Lộc⁽¹⁾, lấy chồng Yên Ninh.⁽²⁾

(1), (2) *Yên Lộc*: chuyên trồng dưa chuột. *Yên Ninh*: chuyên trồng dưa hấu và dưa hồng. Hai làng này đã hợp thành xã Nga Yên, Nga Sơn, Thanh Hóa.

89. Muốn ăn mật rú vô Trên⁽¹⁾
Muốn xơi ốc đực thì lên thác Đài.⁽²⁾

(1) *Trên*: tức làng Kiên Trinh, tổng Thanh Lạng, huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình.

(2) *Thác Đài*: ở Cổ Liêm, huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình.

90. Muốn lên Đá Trắng ăn xoài
Muốn ăn tương ngọt, Thiên Thai thiếu gì.

91. Muốn về đất biển ăn cua
So đi tính lại cũng thua Nam Bình
Nam Bình nhiều mía nhiều dăng
Nhiều loại khoai môn áp dầy sàng dễ bưng
Lại thêm một cuộn rau dừng
Một khoai bông súng, một vừng ấu khô.

92. Năm tiền một khứa⁽¹⁾ cá buôi
Cũng mua choặng, đãi người khách sang.
(1) *Khứa*: khúc.
93. Nghe anh đi đó đi đây, em hỏi nhỏ câu này
Bánh phồng, bánh tráng đất này đâu ngon?
Bánh tráng Mĩ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc,
măng cụt Hàm Luông⁽¹⁾
Vỏ ngoài nâu, trong trắng tợ bông gòn
Anh đây nói thiệt, sao em còn so đo?
(1) Các địa điểm thuộc tỉnh Bến Tre.
94. Ngó lên Đất Đỏ nhiều khoai
Ngó xuống Đồng Xoài nhiều mía nhiều tranh
Ngó về Đồng Cọ lúa xanh
Phú Điền, Phú Cốc, Mĩ Phong cau nhiều.⁽¹⁾
(1) Các địa điểm thuộc huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
95. Ngọc Tích⁽¹⁾ đi bán vải con
Thổ Oa⁽²⁾ gánh đất sơn son nặn nổi
Làng Nhồi đục đá nung vôi
Hương Bào⁽³⁾ trồng cải cho người ta mua.
(1) *Ngọc Tích*: ở xã Quảng Đông, Quảng Xương gần với
Đông Sơn Thanh Hóa.
(2) *Thổ Oa*: nơi có lò làm chum vại.
(3) *Hương Bào*: ở gần bến Ngự thị xã Thanh Hóa, thị xã
này trong địa phận huyện Đông Sơn.
96. Ngồi buồn họa mấy cảnh chơi
Ngắm xem Cổ Điền⁽¹⁾ buồn nổi bán vung
Chạ chiêng nom xuống cánh đồng
Ngày thì thả cá giếc rô rành rành

Nghĩ ra Văn Điển cũng sành
 Giò nem, ninh mọc, đủ ngành, nàng ơi!
 Nhà ga chính thực là vui
 Kẻ ngược Hà Nội, người xuôi phủ Thường⁽²⁾
 Yên Ngưu⁽³⁾ đất thực là ương
 Kẻ nấu rượu lậu, người sông Thương đó mà
 Vinh Đăng⁽⁴⁾ thì hay đi a⁽⁵⁾
 Kẻ Bảo⁽⁶⁾ làm nón cho ta mua cùng
 Ngọc Hồi đan giỏ khuấy tua
 Lưu Phái⁽⁷⁾ làm mã, người mua cũng nhiều.

- (1) *Cổ Điển*: tên xã và tổng nay thuộc xã Tứ Hiệp huyện Thanh Trì (Hà Nội), giáp với thị trấn Văn Điển. Nơi này có ga xe lửa về Văn Điển.
- (2) *Phủ Thường*: tức phủ Thường Tín. Phủ lỵ ở gần ga Thường Tín (Hà Tây) cách ga Văn Điển 8km.
- (3) *Yên Ngưu*: có lẽ là làng Yên Ngưu tức làng Ngâu, (huyện Thanh Trì) có nghề nấu rượu nổi tiếng.
- (4) *Vinh Đăng*: tên xóm làng Vinh Ninh xã Vinh Quỳnh, huyện Thanh Trì.
- (5) *Đi a*: đi cắt rạ ở ruộng chiêm, dùng cái a, một loại công cụ giống như cái xẻng.
- (6) *Kẻ Bảo*: tên xóm làng Vinh Thịnh, xưa thuộc huyện Thanh Trì, nay thuộc huyện Thường Tín (Hà Tây).
- (7) *Lưu Phái*: thuộc xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì có nghề làm mã.

97.

Ngồi buồn nhớ cảnh bờ xe⁽¹⁾
 Nhớ nước dừa nạo⁽²⁾ nhớ chè đường non⁽³⁾
 Nhớ hồi cá trích y con
 Thịt heo cắt khúc lòng còn ước mơ.

- (1) *Bờ xe*: bờ xe nước (xe nước có nơi gọi là gồng nước) để đưa nước vào ruộng.

- (2) *Dừa nạo*: thứ dừa non, nước rất ngọt, cùi (cùi) mềm. có thể nạo thành từng miếng nhỏ.
(3) *Chè đường non*: nước mía khi nấu lên sắp trở thành đường, ăn rất ngon.

98. Nhất trong là nước giếng Hối
Nhất béo, nhất bùi là cá rô câu.

99. Nhật Tân⁽¹⁾ đào nở từng bùng
Làng Quảng⁽²⁾ bánh mật, bánh chưng dài đầy
Tây Hồ⁽³⁾ xách bị cả ngày
Nghị Tầm⁽⁴⁾ chặt rễ được ngay quan tiền
Yên Phụ⁽⁵⁾ buôn trám dưới thuyền
Xuống đò phố Mới bán than quạt trà
Làng Vong⁽⁶⁾ bán lợn bán gà
Làng Thụy⁽⁶⁾ nấu rượu la cà cả đêm
Làng Hồ⁽⁷⁾ làm giấy thực nền
Chợ Bưởi⁽⁸⁾ lại có cô Tiên bán hàng
Làng Sài⁽⁹⁾ dẹt linh quay tơ
Làng Sở⁽¹⁰⁾ chỉ có xuống hồ quanh năm.

- (1) *Nhật Tân*: nay là xã Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội, có nghề trồng đào.
(2) *Quảng*: tức Quảng Bá, thuộc xã Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội.
(3), (4) *Tây Hồ và Nghị Tầm*: đều thuộc xã Nhật Tân. Tây Hồ có nghề buôn hàng xén, Nghị Tầm có nghề buôn trâu và vó (để ăn trâu).
(5) *Yên Phụ*: nay thuộc quận Ba Đình, xưa có nghề buôn trám để gắn thuyền và buôn than.
(6) *Làng Vong Thị và làng Thụy Khuê* (nay đều thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội) có nghề chăn nuôi và nấu rượu.
(7) *Làng Hồ*: tức Hồ Khẩu, Hà Nội, làm giấy bản loại tốt.
(8) *Chợ Bưởi*: thuộc địa phận làng Yên Thái (nay thuộc Tây

Hồ. Hà Nội) có những phiên họp chợ đông đúc bậc nhất trong vùng. Câu này ý khen những cô bán hàng hình dáng tươi đẹp.

(9) *Làng Sài*: tức Trích Sài, Hà Nội, có nghề dệt lĩnh.

(10) *Làng Sở*: đây chỉ Xuân Tảo Sở ở bên Hồ Tây, Hà Nội, xưa kia dân nghèo, làm nghề đánh cá và mò cua bắt ốc ven hồ.

100.

Nhớ phiên chợ Bần⁽¹⁾ anh đi
 Thiếu gì heo ỷ thiếu gì bò trâu
 Dê tằm thường thì chả thiếu đâu
 Muốn tìm dê tốt anh phải xuống cầu Mật Sơn⁽²⁾
 Vịt bầu anh biết đâu hơn
 Anh lên Trạc Nhật⁽³⁾, hỏi thăm đàn vịt to
 Chợ Môi có giống gà cổ
 Có con gà chọi cộc lỗ, anh cũng mua luôn
 Cá mè sông Mực ngon thậm là ngon
 Anh vào Nông Cống chuốc lấy trăm con cá mè
 Cửa Trào cửa Vích có tiếng tôm he
 Anh ra ngoài bể để mua về cho sang
 Lại mua thêm nước mắm Ba Làng
 Dưa Gia, cà Hạc lẫn măng giang Thạch Thành.

(1) *Chợ Bần*: chợ mua bán trâu bò ở Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

(2) *Mật Sơn*: ở xã Đông Vệ, Đông Sơn, Thanh Hóa, có núi đá chuyên nuôi dê.

(3) *Trạc Nhật*: ở huyện Thạch Thành, Thanh Hóa có giống vịt bầu rất to.

101.

Nước nào ngọt bằng nước sông Hinh
 Chè Ô Long đủ vị súc bình còn thơm.

- 102.** Nước rồng chảy xuống Nam Vang
Cà na⁽¹⁾ chín rục tao mây ăn chung.
(1) *Cà na*: loại trái cây lí (đào xiêm) mà nhỏ.
- 103.** Ổi Quảng Bá⁽¹⁾, cá Hồ Tây
Hàng Đào tơ lụa làm say lòng người.
(1) *Quảng Bá*: tên thôn thuộc xã Quảng An, quận Tây Hồ, có rặng ổi hai bên đường cái làng.
- 104.** Ổ dâu bằng xứ Lung Tràm⁽¹⁾
Chim kêu như hát bội, cá lội vàng tợ mấm nêm.
(1) *Lung Tràm*: thuộc Cà Mau.
- 105.** Ớt cay là ớt Định Công⁽¹⁾
Nhãn ngon là loại nhãn lồng làng Quang⁽²⁾.
(1) *Định Công*: thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(2) *Làng Quang*: tức làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- 106.** Quảng Nam nổi tiếng lòn bon
Chà viên⁽¹⁾ Bình Định vừa ngon vừa lành
Chín muối da vẫn tươi xanh
Mùi thơm cơm nếp, vị thanh đường phèn.
(1) *Chà viên*: một thứ trái cây thường có ở vùng Bình Khê, An Khê.
- 107.** Rau đắng nấu với cá trê,
Ai đến lục tỉnh⁽¹⁾ thì mê không về.
(1) *Lục tỉnh*: sáu tỉnh Hà Tiên, An Giang, Vĩnh Long, Định Tường, Gia Định, Biên Hòa.
- 108.** Rủ nhau mua tép Trà Ô
Săn bờ cát trắng phơi khô đem về.

- 109.** Sa Nam⁽¹⁾ trên chợ dưới đồ
Bánh dúc hai dây thịt bò mê thiên
Muốn ăn mà nỏ có tiền.

(1) *Sa Nam*: thuộc Nam Đàn (Nghệ An). Năm 722 Mai Hắc Đế xây Vạn An thành ở núi Vệ Sơn, chống quân xâm lược nhà Đường. Hiện nay, ở Vệ Sơn còn đền thờ Mai Hắc Đế.

- 110.** Sầu riêng, măng cụt, chôm chôm
Xoài ngon, mít ngọt, chuối thơm nghìn trùng.

- 111.** Sơn Triều⁽¹⁾ nhiều ruộng nhiều cau
Để cho chị Bốn làm dâu Sơn Triều.

(1) *Sơn Triều*: thôn thuộc xã Hòa Kiến, thị xã Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; vùng giàu có thời trước, nhiều ruộng, trồng nhiều cau, nuôi nhiều trâu (theo Trần Sĩ Huệ).

- 112.** Tắm lụa An Thái⁽¹⁾ em bận cho mát
Lụa Kiểng Hàng⁽²⁾ em bận lột mồ hôi
Nón Phú Trung⁽³⁾ anh chạy đổi môi
Gấm Nước Mặn⁽⁴⁾ chạy hoa bông cúc
Tiền thời cho chẵn một trăm
Bạc thời năm nén, vàng ròng mười đôi
Lụa năm, bảy gòn⁽⁵⁾ anh ơi
Nhiều thêm gòn nữa thì tôi mới về.

- (1) *An Thái*: thuộc huyện An Nhơn (tỉnh Bình Định), nơi dệt lụa đẹp có tiếng.
(2) *Kiểng Hàng*: thuộc huyện An Nhơn, lụa Kiểng Hàng kém hơn lụa An Thái.
(3) *Phú Trung*: thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
(4) *Nước Mặn*: thị trấn ở gần thành phố Quy Nhơn, xưa kia chuyên dệt vải giả gấm rất đẹp.
(5) *Gòn*: tằm.

113. Thích ăn khoai sượng
Lấy chồng Yên Trung
Thích ăn cà bung
Lấy chồng dưới xóm
Thích ăn cá mốn
Lấy chồng kẻ bể
Thích ăn ở nề
Thì lấy chồng quan
Thích đi đốt than
Lấy chồng Bàn Thạch.⁽¹⁾

(1) *Bàn Thạch*: ở huyện Thọ Xương, tỉnh Thanh Hóa.

114. Thiếu củi đã có núi Nưa⁽¹⁾
Thiếu gạch đã có chợ Chùa,⁽²⁾ cầu Quan.⁽³⁾

(1) *Núi Nưa*: tức là Na Sơn, một dãy núi cao dài, chạy dọc theo địa giới phía tây huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

(2) *Chợ Chùa*: ở Cầu Quan, ngày nay đã bỏ, chỉ còn chợ Thượng, thuộc tỉnh Thanh Hóa.

(3) *Cầu Quan*: xưa là huyện lỵ Nông Cống có chợ Thượng họp bên bờ sông Đào nhà Lê. Xưa kia hàng năm đến đầu xuân, ở đây có tục bơi thuyền rồng.

115. Thuốc An Lương⁽¹⁾ hương thơm, khói nhẹ
Chè Hòa Hội⁽²⁾ nước đậm mùi thơm
Em về mua vải chợ Gồm⁽³⁾

Gò Găng mua nón⁽⁴⁾, phiên Chàm⁽⁵⁾ anh vô.

(1) *An Lương*: thị trấn thuộc huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Thuốc An Lương ngon có tiếng.

(2) *Hòa Hội*: tên địa phương thuộc huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

(3) *Chợ Gôm*: thuộc huyện Phù Cát.

(4) *Nón Gò Găng*: rất nổi tiếng.

(5) *Phiên Châm*: chợ phiên Cầu Châm, tỉnh Bình Định.

116. Thuốc Bông Viên ngon lắm anh ơi!
Giấy quyen rộng khổ anh bỏ tôi sao đành?

117. Thuốc ngon Bình Định
Giấy quyen Sa Huỳnh
Ai xa thì mược nậu⁽¹⁾ hai đứa mình đừng xa.
(1) *Mược nậu*: mặc họ (tiếng địa phương).

118. Thuốc rê chồng hút vợ say
Thằng nhỏ mỗi thuốc lẫn quay chín vòng.

119. Tiên Bân, lụa Lạc, vải Đồng Than
Đã mua thì chớ phân nân làm chi.

120. Tiếng đồn Bình Định tốt nhà
Phú Yên tốt lúa, Khánh Hòa tốt trâu
Anh về Bình Định chi lâu
Bỏ em ở lại hái dâu một mình.

121. Tiếng đồn chợ Xổm⁽¹⁾ nhiều khoai
Đất Đỏ⁽²⁾ nhiều bắp, La Hai⁽³⁾ nhiều dàng (đường).
(1), (2), (3) Đây là các địa danh ở tỉnh Phú Yên.

122. Tiếng đồn Đại Nẫm nhiều xoài
Xuân Phong nhiều cốm, Phú Tài mạch nha.⁽¹⁾
(1) Các địa danh trong bài thuộc tỉnh Bến Tre.

123. Vải Quang,⁽¹⁾ húng Láng,⁽²⁾ ngổ Đầm⁽³⁾

Cá rô đầm Sét,⁽⁴⁾ sâm cầm Hồ Tây⁽⁵⁾

- (1) *Quang*: tên làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- (2) *Láng*: tên nôm làng Yên Lãng xưa, nay là phường Láng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- (3) *Đầm*: tên cái đầm lớn ở xã Thịnh Liệt, tức làng Sét huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- (4) *Đầm Sét*: có người cho là đầm Linh Đường, xưa thông với làng Sét nên gọi là đầm Sét.
- (5) *Sâm cầm Hồ Tây*: ở đây có giống chim sâm cầm rất béo, thịt rất thơm ngon, ngày xưa triều Nguyễn hằng năm vẫn bắt nhân dân địa phương đem sâm cầm Hồ Tây vào tận Huế tiến vua.

124. Vạn Long⁽¹⁾ dệt củi kéo hoa

An Phú⁽²⁾ nấu kẹo mạch nha ngọt đường

Trung Kính⁽³⁾ thì lễ vàng hương

Nghĩa Đô⁽⁴⁾ làm giấy để làng tả vắn.

- (1) *Vạn Long*: tên thôn thuộc xã Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm, Hà Nội chuyên nghề dệt.
- (2) *An Phú*: tên một làng xưa, nay thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- (3) *Trung Kính*: tên một thôn thuộc xã Yên Hòa, Từ Liêm, Hà Nội, có nghề làm hương xưa kia từng giao hiếu với Nghĩa Đô.
- (4) *Nghĩa Đô*: tên một thôn thuộc xã Nghĩa Đô, xưa có nghề làm giấy nổi tiếng gọi là giấy "nghê" dùng làm sắc phong dưới thời phong kiến.

125. Vạn Vân có bến Thổ Hà⁽¹⁾

Vạn Vân nấu rượu, Thổ Hà nung vôi

Nghĩ rằng đá nát thì thôi

Ngờ đâu đá nát nung vôi lại nong

Đôi người nói chưa có chồng
 Để tôi mua cốm, mua hồng sang chơi
 Bây giờ người lấy chồng rồi
 Để cốm tôi mốc để hồng long tai
 Nghĩ rằng long một long hai
 Ai ngờ long cả một trăm hai mươi quả hồng
 Sao người nói chưa có chồng?

- (1) *Vạn Vân, Thổ Hà*: Vạn Vân là tên làng Đại Lâm, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, nổi tiếng là nơi buôn bán sấm uất trên bờ sông Cầu. Bên kia sông là Thổ Hà (nay thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang), có nghề nung vôi và làm đồ gốm được nhiều người biết. (Còn có Vạn Vân khác là tên hăng nước mắm ở Cát Hải, Quảng Ninh).

126. Văn Yên người ngọt gạo thơm
 Ra về nhớ mãi bữa cơm nếp mùa.

127. Vẽnh⁽¹⁾ Bình Thới⁽²⁾
 Ruốc Cồn chim
 Ở xa ngàn dặm cũng tìm tới mua.

- (1) *Vẽnh*: một loại hến to.

- (2) *Bình Thới, Cồn chim*: thuộc huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (gần đầm Thị Nại).

128. Ví dầu con cá nấu canh
 Bỏ tiêu cho ngọt, bỏ hành cho thơm.

129. Vịnh Ba đan cót, đan bồ
 Phú Thứ chằm nón điểm tô tổng mình.

130. Yến sào Hòn Nội
 Vịt lội Ninh Hòa

Tôm hùm Bình Ba
Nai khô Diên Khánh
Cá tràu Võ Cạnh
Sò huyết Thủy Triều
Đời anh cay đắng đã nhiều
Từ nay ngọt sớm ngọt chiều cùng em.

NHÂN VẬT LỊCH SỬ, SỰ KIỆN LỊCH SỬ

1. Ai lên Biện Thượng, Lam Sơn⁽¹⁾
Nhớ Lê Thái Tổ chặn đường quân Minh.
(1) *Biện Thượng, Lam Sơn*: các địa điểm ở miền tây Thanh Hóa.
2. Ai mà đi đánh trả Trời?
Ai mà giết giặc lên ngôi trị vì?
Ai mà một chân biết đi?
Ai mà hóa phép giặc thì sợ kinh?
Ai mà quyết chí tung hoành?
Ai mà bán mình chuộc tội cho cha?
Ai mà bán nguyệt buôn hoa
Buôn đi bán lại đã ba bốn lần?
- Đại Thánh⁽¹⁾ đi đánh trả Trời
Vua Lê giết giặc lên ngôi trị vì
Đức thánh Độc⁽²⁾ một chân biết đi
Phù Đổng⁽³⁾ hóa phép giặc thì sợ kinh
Từ Hải⁽⁴⁾ quyết chí tung hoành
Thúy Kiều⁽⁵⁾ bán mình chuộc tội cho cha
Tú Bà⁽⁶⁾ buôn nguyệt bán hoa

Buôn đi bán lại đã ba bốn lần.

- (1) *Đại Thánh* (tức Tôn Ngộ Không): nhân vật trong tác phẩm *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân (1500-1581) (Trung Quốc).
- (2) *Thánh Độc*: tức thần Độc Cước. Ở Sầm Sơn (Thanh Hóa) có đền thờ thần này (gọi là đền Độc Cước).
- (3) *Phù Đổng*: tức Thánh Dóng, một nhân vật trong thần thoại và truyền thuyết Việt Nam.
- (4), (5), (6) *Từ Hải, Thúy Kiều, Tú Bà*: các nhân vật trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

3.

Ai về Đồng Tháp mà coi

Mộ ông Thiên Hộ⁽¹⁾ trăng soi lạnh lùng

Bà con đùm tụ quanh vùng

Tháng giêng ngày giỗ xin đừng ai quên.

- (1) *Thiên Hộ Dương*: tức Võ Duy Dương, một sĩ phu yêu nước. Năm 1864 ông lập căn cứ chống đế quốc Pháp ở Đồng Tháp Mười. Năm 1865 ông cùng nghĩa quân đánh giặc ở Mĩ Trà (Sa Đéc) và Cái Bè (Tiền Giang). Ông mất năm 1866.

4.

Ai về Hậu Lộc Phú Điền⁽¹⁾

Nhớ đây bà Triệu trận tiền xung phong.

- (1) *Phú Điền*: nay là xã Triệu Lộc thuộc huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay ở đây còn có lăng và đền thờ Bà Triệu.

5.

An Khê nổi tiếng Hòn Bình

Ngày xưa Nguyễn Huệ ẩn binh chốn này.

6.

Bao giờ bắt được giặc Khôi⁽¹⁾

Cho yên việc nước chồng tôi được về.

- (1) *Giặc Khôi*: (có lẽ là) Lê Văn Khôi, con nuôi Tả quân Lê

Văn Duyệt, công thần của Gia Long. Lê Văn Khôi dấy binh chống lại triều đình, đánh chiếm các tỉnh Nam Kỳ. Triều Nguyễn phải điều quân đánh dẹp khiến nhân dân rất lầm than.

7. Bần⁽¹⁾ gie dõm đậu sáng ngời

Rạch Gầm⁽²⁾ soi dẫu muôn đời oai linh.

- (1) *Bần*: loại cây có quả ăn chua, còn có tên là thủy liễu, thường mọc ở những bãi sinh ven sông.
- (2) *Rạch Gầm*: Một phụ lưu của sông Tiền, thuộc địa phận huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Nơi đây vào tháng chạp năm Giáp Thìn (1-1785), nghĩa quân Tây Sơn đã đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược và quân của Nguyễn Ánh.

8. Bình Thủy lưu linh đáo lại Long Xuyên⁽¹⁾

Cảm thương ông Cử⁽²⁾ bỏ thiềng⁽³⁾ An Giang.

- (1) *Bình Thủy, Long Xuyên*: thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
- (2) *Ông Cử*: Ngô Văn Định ở ấp Bình Phú và Phạm Hữu Danh ở ấp Bình Lạc, năm 1867, không tuân lệnh bọn vua quan bán nước, bỏ chức võ cử An Giang đi mộ nghĩa binh sau trở về đánh đồn Săng Đá (Cần Thơ). Cả hai đều bị giặc giết. Nhân dân ca ngợi chí hào kiệt của hai ông.
- (3) *Thiềng*: thành (đọc trại âm).

9. Cậu Ba kẻ Dóng⁽¹⁾ kia ơi

Sao chẳng ở lại mà chơi kinh kì.

- (1) *Cậu Ba kẻ Dóng*: chỉ Đặng Mậu Lân, theo lời các vị bô lão làng Phù Đồng tức làng Dóng (huyện Gia Lâm, Hà Nội) thì Đặng Thị Huệ làm con nuôi họ Đặng là một họ lớn ở làng này, có nhiều người làm to dưới triều Lê Trịnh. Vì vậy nên Đặng Mậu Lân em trai Đặng Thị Huệ, có tên là cậu Ba kẻ Dóng. Theo truyền thuyết địa phương Lân đã làm nhiều điều xằng bậy ở Phù Đồng, dân làng căm ghét.

10. Cây Me cũ, Bến Trầu xưa

Dẫu không tình nghĩa cũng đón đưa trọn niềm.⁽¹⁾

- (1) *Cây Me, Bến Trầu*: các địa danh liên quan đến cuộc Khởi nghĩa Tây Sơn (ranh giới giữa Bình Khê và An Nhơn).

11. Chỉ vì có bà chúa Tây⁽¹⁾

Để cho kẻ Dưa mang dây buộc dùm.

- (1) *Bà chúa Tây*: có lẽ là vợ Tây vương Trịnh Tạc (1657-1681), tương truyền bà chiếm đoạt ruộng đất của kẻ Dưa khiến cho dân ở đây nghèo khó, phải dùng dây buộc túm quần áo rách lại.

12. Chiều chiều én liệng Trông Mây⁽¹⁾

Cảm thương chú Lía⁽²⁾ bị vây trong thành.

- (1) *Trông Mây*: thuộc tỉnh Bình Định.
 (2) *Chú Lía*: một nông dân nghèo quê ở Bình Định. Lía phải đi ăn xin, đi ở cho địa chủ. Bị bọn địa chủ cường hào áp bức, bóc lột đánh đập. Lía bỏ trốn vào rừng rồi một hôm quay về giết hết bọn cường hào, ác bá trong làng, tập hợp nghĩa quân, lập căn cứ ở Trông Mây chống lại quân của triều Nguyễn. Nhiều câu ca, về đặc biệt *Về chàng Lía* đã ca ngợi cuộc chiến đấu anh dũng của Lía chống thế lực phong kiến áp bức.

13. Chiều chiều mượn ngựa ông Đô⁽¹⁾

Mượn kiêu⁽²⁾ chú xã, đưa cô về Nguồn⁽³⁾

Về Nguồn lấy cải làm dưa

Lấy bột làm bánh, lấy dừa làm nhân.

- (1) *Ông Đô*: tức Đidô, tên thực dân Pháp làm đại lí cho tên chủ đồn điền Ăngtơcơ ở Tam Quan, Bình Định. Lúc bấy giờ, ở vùng Tam Quan, tên Đidô nuôi nhiều ngựa.
 (2) *Kiêu*: bộ yên ngựa.
 (3) *Nguồn*: ở đây chỉ vùng thượng lưu sông Lại Giang (thuộc huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định).

14. Chiều chiều trước bến Văn Lâu⁽¹⁾
 Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm
 Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông?
 Thuyền ai thấp thoáng bên sông
 Đưa câu mái đẩy, chạnh lòng nước non.

(1) *Văn Lâu*: còn gọi là Phu Văn Lâu, một ngôi lầu nhỏ hai tầng nằm phía ngoài kinh thành, xây từ cuối đời Gia Long (1819), quay mặt xuống sông Hương. Lầu được dùng để niêm yết các chiếu chỉ của vua và để treo bảng các thí sinh trúng tuyển các khoa thi lớn. Trước Phu Văn Lâu có một ngôi nhà mái gọi là Lương tạ, phía trước có Nghinh Lương đình (nhà đón người đến tể hay câu cá). Tương truyền vào khoảng đầu tháng 5 năm 1916, Trần Cao Vân giả đến ngồi câu ở đây để chờ gặp vua Duy Tân, còn chiếc thuyền thấp thoáng bên sông là chờ sẵn để đón vua lúc trốn ra khỏi kinh thành. Không ngờ vua ra khỏi kinh thành chưa được bao lâu thì bị bắt và bị Pháp dày sang châu Phi, những người như Trần Cao Vân, Thái Phiên... thì bị chém đầu tại Huế.

15. Chùng nào thẳng Ngốc ra đời⁽¹⁾
 Ngày ấy thiên hạ toi bởi gian nan.

(1) *Thẳng Ngốc*: ám chỉ vua Bảo Đại, ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến ở nước ta (do chữ Hán một bên bộ chữ nhân, một bên bộ chữ ngốc).

16. Có chàng Công Tráng họ Đinh⁽²⁾
 Dựng lũy Ba Đình⁽³⁾ chống đánh giặc Tây
 Cơ mưu dũng lược ai tày
 Chẳng quản đêm ngày vì nước lo toan
 Dù cho vận nước chẳng còn
 Danh nghĩa vẹn toàn, muôn thuở không phai.

(2), (3) *Công Tráng họ Đinh, Ba Đình*: Đinh Công Tráng xây chiến lũy Ba Đình (ở Nga Sơn Thanh Hóa), chỉ huy nghĩa quân Cần vương chống thực dân Pháp từ 1885-1888.

17. Dòng sông La Vĩ⁽¹⁾ dài đằng đẵng
 Bầu nước An Nam rộng thênh thênh
 Thành xưa Bình Định hữu tình
 Hỏi thăm ông Hậu⁽²⁾ quên mình vì ai?
 Hai voi đứng đó hầu hoài
 Đền không, ngôi trống nào ai chủ quyền
 Bên kia hòn tháp Cảnh Tiên
 Trong ruột trống lồng trống thiên xa vời.

- (1) *Sông La Vĩ*: tức sông Gò Găng, một nhánh sông Côn (thuộc huyện An Nhơn).
 (2) *Ông Hậu*: tức Hậu quân Võ Tánh, một tướng tài của Nguyễn Ánh, Võ Tánh đã cố thủ giữ thành Bình Định ròng rã trong ba năm trời chống lại Tây Sơn nhưng đã bị Tây Sơn đánh bại và đã phải tự tử.

18. Dâu cha lấy làm chân con
 Mười bốn năm tròn, hết số thì thôi.⁽¹⁾

- (1) Có thuyết cho rằng lời trên ứng vào vận mệnh nhà Tây Sơn. Nguyễn Huệ hiệu Quang Trung (光 忠), con là Quang Toản lấy niên hiệu Cảnh Thịnh (景 盛). Chữ Cảnh (景) có chữ tiểu (小) ở dưới và chữ Quang (光) có chữ tiểu (小) ở trên. Hai cha con truyền ngôi cho nhau được 14 năm thì sự nghiệp nhà Tây Sơn chấm dứt.

19. Dem chuông lên đánh Sài Gòn
 Để cho nữ giới biết con ông Đồ⁽¹⁾.

- (1) Bài này chỉ việc bà Sương Nguyệt Anh, con gái cụ Đồ Chiểu, lên Sài Gòn làm chủ bút tờ báo *Nữ giới chung*. Bài này còn được sử dụng như câu đối.

20. Đồng Nai có bốn rồng vàng
 Lộc: họa, Lẽ: phú, Sang: đàn, Nghĩa: thi⁽¹⁾.

- (1) *Lộc (họa), Lẽ (phú), Sang (đàn)*: các nhân vật này chưa

rõ cụ thể là ai. *Nghĩa (thi)* là Bùi Hữu Nghĩa, nhà thơ của đất Lục tỉnh.

21. **Đống Đa⁽¹⁾ ghi để lại đây**

Bên kia Thanh Miếu⁽²⁾, bên này Bộc Am⁽³⁾.

- (1) *Đống Đa*: tên khu vực phía bắc Khương Thượng nơi nghĩa quân Tây Sơn phá hai mươi vạn quân Thanh, ngày 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (30/1/1787), nay thuộc về khu phố Đống Đa, Hà Nội.
- (2) *Thanh Miếu*: ngôi miếu "thờ" vong hồn quân Thanh và Sầm Nghi Đống, tên tướng Mãn Thanh bị chết trận, để tranh thủ về ngoại giao với nhà Thanh, nhưng về sau tính chất thờ phụng không còn nữa. Ngày nay, hàng năm vào ngày 5 tết Âm lịch, nhân dân thủ đô nô nức kéo về khu vực Đống Đa long trọng làm lễ kỉ niệm ngày chiến thắng Đống Đa lịch sử, hoặc gọi là ngày giỗ trận Tây Sơn.
- (3) *Bộc Am*: tức chùa Bộc, ở gần Thanh Miếu thuộc địa phận làng Khương Thượng, quận Đống Đa. Đó là ngôi chùa cổ được làm lại sau năm 1789. Trong chùa có pho tượng Đức Ông, phía sau có khắc mấy chữ Hán "Bính Ngọ tạo Quang Trung tượng" (năm Bính Ngọ làm tượng Quang Trung) có thể coi như là một bằng chứng của lòng nhân dân kính mộ vị anh hùng dân tộc không dám biểu lộ công khai dưới triều Nguyễn. (Theo tài liệu điều tra tại chỗ) năm Bính Ngọ tức là năm 1846 dương lịch.

22. **Đời mô cơ khổ như ri**

Đổng Khánh⁽¹⁾ ở giữa, Hàm Nghi⁽²⁾ hai đầu.

- (1) *"Đổng Khánh ở giữa"*: tức ở kinh đô Huế nơi giặc Pháp đã chiếm được.
- (2) *"Hàm Nghi hai đầu"*: chỉ những vùng có phong trào Cần vương: từ Quảng Trị, Quảng Bình ra Bắc, và từ Quảng Nam vào Bình Thuận.

23. (a) **Đời vua Thái Tổ, Thái Tông**

Con bé, con bông, con dất, con mang

- Bò đen húc lộn bò vàng
 Hai con húc chắc đâm quàng xuống sông
 Thằng bé đi về bảo ông
 Bò đen ta đã xuống sông mất rồi.
 (b) Trời mưa Thái Tổ, Thái Tông
 Con bé, con dất, con bỗng, con mang
 Bò đen húc lộn bò vàng
 Húc quấy húc quá húc quàng xuống sông.

24. Đời vua Thái Tổ, Thái Tông⁽¹⁾

Con bé, con dất, con bỗng, con mang.

- (1) *Thái Tổ, Thái Tông*: chỉ vua Lê Thái Tổ (1428-1433), vua Lê Thái Tông (1434-1439). Sau khi chiến thắng quân xâm lược Minh, đất nước thanh bình, dân đẻ nhiều, chăn nuôi phát triển.

25. Đời vua Vĩnh Tộ⁽¹⁾ lên ngôi

Cơm nguội đầy nổi trẻ chẳng ăn cho.

- (1) *Vĩnh Tộ*: niên hiệu vua Lê Thánh Tông từ năm 1619 đến 1629.

26. Đức vua Thành Thái⁽¹⁾ lên ngôi

Cửu châu tứ hải⁽²⁾ làm tôi một nhà

Đức vua có sắc ban ra

Âm phù dục bảo⁽³⁾ để mà trung hưng

Phương dân đâu có nức mừng

Ai ai thì cũng kính dâng một lòng.

- (1) *Thành Thái*: tức Nguyễn Phúc Bửu Lâm (1879-1954) thông minh, có óc duy tân, có tinh thần yêu nước; bị Pháp bắt thoái vị, an trí ở Vũng Tàu, sau đó bị đày ở đảo Réunion (châu Phi). Sau Cách mạng Tháng Tám, vua được về nước và sống ở Sài Gòn cho đến lúc qua đời.

(2) *Cửu châu tứ hải*: chín châu bốn bể.

(3) *Âm phù đức bảo*: thần linh bảo hộ.

27. Em đổ anh từ nam chí bắc
 Sông nào là sông sâu nhất?
 Núi nào là núi cao nhất ở nước ta?
 Anh mà giảng được cho ra
Thì em kết nghĩa giao hòa cùng anh.
 - Sâu nhất là sông Bạch Đằng
Ba lần giặc đến ba lần giặc tan
 Cao nhất là núi Lam Sơn
Cố ông Lê Lợi trong ngàn bước ra.

28. Giáo gươm cờ xí trùng trùng
Hàng năm mở hội tưng bừng vui thay
 Nhớ xưa Thánh Dóng tích rày
Uy phong rạng rỡ, đến nay còn truyền.

29. Giặc Tây đánh đến Cần Giờ⁽¹⁾
Bảo đừng thương nhớ đợi chờ uống công.
(1) *Cần Giờ*: thị xã huyện lỵ Cần Giờ thuộc thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm Sài Gòn 51km.

30. Gò Công anh dũng tuyệt vời
Ông Trương, đám lá tối trời đánh Tây.⁽¹⁾
(1) Tại đám lá tối trời ở huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang, Trương Định đã lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp.

31. Hai ngang ba phết
Em không biết em hỏi lại anh
 Từ Hà Nội cho tới kinh thành

Quan sấu dân thăm hỏi anh chữ gì?

Hai ngang ba phết là chữ *thất*⁽¹⁾

Thất là *thất thủ kinh đô*

Quan sấu dân thăm vì mưu đồ ông Quận⁽²⁾ thâm.

(1) Chữ thất: 失

(2) Ông Quận: tức là Nguyễn Văn Tường. Ông và Tôn Thất Thuyết là hai bậc đại thần của nhà Nguyễn, dưới triều vua Hàm Nghi. Hai người có hai chủ trương đối lập trong thái độ với thực dân Pháp, Nguyễn Văn Tường chủ trương hàng giặc, Tôn Thất Thuyết chủ trương chiến đấu.

32.

Hải Dương tiết nghĩa có hai
Một mắt bà lão với hai con bò

Trên trời có ông sao Tua

Ở làng Minh Giám⁽¹⁾ có vua Ba Vành⁽²⁾

Phương đông quật lũ hung tinh

Làm cho bảy viện tan tành ra tro.

(1) Minh Giám: thuộc huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, quê hương của Phan Bá Vành.

(2) Vua Ba Vành: tức là Phan Bá Vành, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân lớn dưới thời Minh Mạng triều Nguyễn. Khi khởi nghĩa thì có sao chổi (sao tua) mọc.

33.

Họ Mai⁽¹⁾ là đáng anh hùng

Chữ hiếu cũng vẹn, chữ trung cũng toàn.

(1) Họ Mai: Mai Xuân Thưởng, sĩ phu yêu nước chống Pháp.

34.

Hoàng triều Bảo Đại trị ngôi

Bốn năm chưa trót, chúng tôi khổ trần

Năm Mão thì lụt bảy lần

Bước sang năm Tị dần dần lụt to

Hai năm thì hồng bốn mùa

Lấy gì cơm áo mà no mà lành.

35.

Kẻ nào có tội mấy đời

Ra đường gặp phải cậu Trời⁽¹⁾ bắt đi.

- (1) *Cậu Trời*: ở đây chỉ Đặng Mậu Lân, em Đặng Thị Huệ (Tuyên phi của Trịnh Sâm). Lân ý thế chị, đi đâu cũng mang theo bảy du đảng để gây sự, đánh đập người khác, thấy con gái đẹp thì bắt cưỡng hiếp. Mọi người sợ hãi nên gọi hắn là *cậu Trời*.

36.

Kẻ Sơn, Phụng Lĩnh đôi hàng

Đi về mấy độ, ngang tàng vào ra

Ngàn Hồng⁽¹⁾ hỏi khách đi qua:

Nào ai là kẻ xông pha đứng đầu?⁽²⁾

- (1) *Non Hồng, Núi Hồng, Ngàn Hồng*: tức Hồng Lĩnh, non Hồng, Hồng Sơn. Theo các sách địa lí cũ thì Hồng Lĩnh có 99 ngọn. Tương truyền rằng thuở xưa, 100 chim phượng hoàng bay đến đây, 99 con đậu trên 99 ngọn núi. Còn con đầu đàn sau khi cả đàn đậu xong, thấy không có nơi đậu bèn bay ra khơi và sau đó cả đàn bay theo, vì vậy đất này chưa phát. Đây là dãy núi tiêu biểu của đất Nghệ Tĩnh.
- (2) Đây là nơi một nghĩa quân thương tiếc ông Thái Vĩnh Chinh, một trong những lãnh tụ của phong trào Cần vương.

37.

Khi nào thẳng góc làm vua

Cha con nhà Nguyễn bỏ chùa mà đi.⁽¹⁾

- (1) Câu này dả kích tên vua bù nhìn Bảo Đại (chú theo DCNTB).

38.

Kì này lúa mọc đồng đồng

Giỗ vua Thái Tổ, Thái Tông⁽¹⁾ mưa rào.

- (1) *Thái Tổ, Thái Tông*: chỉ vua Lê Thái Tổ (1428-1433), vua Lê Thái Tông (1434-1439). Sau khi chiến thắng quân xâm lược Minh, đất nước thanh bình, dân đẻ nhiều, chăn nuôi phát triển.

39. Lạy Trời cho cả gió lên

Cho cờ vua Bình Định⁽¹⁾ bay trên kinh thành.

(1) *Vua Bình Định*: tức Bình Định Vương, tên gọi Lê Lợi (tức Lê Thái Tổ) khi bắt đầu dấy binh chống quân Minh.

40. Lạy Trời cho chống gió nổi

Cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra.

41. Lê còn thì Trịnh cũng còn

Lê mà sụp đổ, Trịnh khôn vẹn tuyến.⁽¹⁾

(1) Câu này cùng một ý với câu chữ Hán "Lê tồn Trịnh tại Lê bại Trịnh vong" nói lên mối quan hệ nương dựa lẫn nhau về mặt chính trị giữa họ Lê và họ Trịnh trong việc thống trị đất nước ta từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 18. Họ Lê làm vua có triều đình, họ Trịnh làm chúa, có phủ liêu, đều đóng ở kinh đô Thăng Long. Câu này phù hợp với sự thực lịch sử: năm 1786, Nguyễn Huệ từ Phú Xuân ra Thăng Long, phế họ Trịnh, chẳng bao lâu sau triều Lê với Lê Chiêu Thống hèn yếu cũng bị đổ theo.

42. Một nhà sinh dặng ba vua

Vua sống⁽¹⁾, vua chết⁽²⁾, vua thua chạy dài.⁽³⁾

(1) *Đồng Khánh*: (1863-1888) con của Kiến Thái vương, anh ruột hai vua Kiến Phúc và Hàm Nghi, niên hiệu là Đồng Khánh, tên là Nguyễn Phúc Ưng Xi, mất năm 1888, hưởng dương 25 tuổi.

(2) *Kiến Phúc*: (1869-1884) con của Kiến Thái vương, em của vua Đồng Khánh, niên hiệu Kiến Phúc, tên là Nguyễn Phúc Ưng Đăng, lên ngôi lúc 15 tuổi, được sáu tháng thì mất, hưởng dương 15 tuổi.

(3) *Hàm Nghi*: (1872-1943) con của Kiến Thái vương, em ruột vua Kiến Phúc, niên hiệu Hàm Nghi, tên là Nguyễn Phúc Ưng Lịch. Ông bỏ kinh thành, phát lệnh Cần vương, tổ chức đánh Pháp cứu nước. Năm 1880 ông bị Trương Quang Ngọc phản bội bắt nộp cho Pháp. Pháp đày ông sang Angiêri. Vua mất ở Angiêri năm 1943.

43. Mưa mô mưa trên trời rơi xuống
 Gió mô gió từ ngoài Bắc gió vô
 Kể từ ngày thất thủ kinh đô
 Tây giăng dây thép, họa địa đồ nước Nam.

44. Mười Đô, bà Tám, đội Du⁽¹⁾
 Tôi ra sức mạnh thằng Thu⁽²⁾ không bằng.
 (1) Đây là ba người giỏi võ có tiếng ở Quảng Nam Đà Nẵng
 quăng đầu thế kỉ XX.
 (2) *Thu*: tên một tướng cướp giỏi võ ở Quế Sơn, Quảng Nam
 Đà Nẵng, thường lấy của nhà giàu giúp đỡ dân nghèo.

45. Nay mừng đời trị trung hưng
 Giáo văn rộng mở mặt rồng trị an
 Đất thiêng khí thụ Lam Sơn
 Trời sinh thánh chúa long nhan khác thường
 Tiên là tiền nhật đăng quang
 Hưng là hưng phục Lê hoàng nghiệp xưa
 Hội lành cá nước duyên ưa
 Chúa ông kẻ cả Trời đà giáng sinh
 Kỉ cương là chính triều đình
 Nội hiến ngoại hình thêm rạng quy mô.

46. Ngẫm xem thế sự mà rầu
 Chính giữa Đồng Khánh,⁽¹⁾ hai đầu Hàm Nghi.⁽²⁾
 (1) *Đồng Khánh*: (1863-1888) con của Kiến Thái vương, anh
 ruột hai vua Kiến Phúc và Hàm Nghi, niên hiệu là
 Đồng Khánh, tên là Nguyễn Phúc Ưng Xi, mất năm
 1888, hưởng dương 25 tuổi.
 (2) *Hàm Nghi*: (1872-1943) con của Kiến Thái vương, em
 ruột vua Kiến Phúc, niên hiệu Hàm Nghi, tên là
 Nguyễn Phúc Ưng Lịch. ông bỏ kinh thành, phát lệnh
 Cần vương, tổ chức đánh Pháp cứu nước. Năm 1880 ông
 bị Trương Quang Ngọc phản bội bắt nộp cho Pháp. Pháp
 đày ông sang Angiêri. Vua mất ở Angiêri năm 1943.

47. Ngó lên cái mả Cao Biền⁽¹⁾

Thấy đôi chim nhận đang chuyển nhành mai.

- (1) *Cao Biền*: quan cai trị nước ta thời Bắc thuộc. Tương truyền Cao Biền thường mưu việc yểm để phá cái thế đất quý nhằm cho nước ta suy đồi.

48. Ngó vô Linh Đồng⁽¹⁾ mây mờ

Nhớ ông nguyên soái⁽²⁾ dựng cờ đánh Tây

Sông Côn⁽³⁾ khi cạn khi đầy

Khí thiêng đất nước, nơi này vẫn thiêng.

- (1) *Linh Đồng, Hầm Hô*: căn cứ địa chống Pháp của Mai Xuân Thưởng, thuộc huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
 (2) *Ông Nguyên soái*: tức ông Mai Xuân Thưởng, người làng Phú Lạc, huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định, khởi nghĩa Cần vương cùng thời với Nguyễn Huy Hiệu. Năm 1887, ông bị giặc Pháp bắt và kết án tử hình.
 (3) *Sông Côn*: một nhánh chính của sông Ba, chảy qua Bình Định, đổ vào cửa biển Quy Nhơn.

49. Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về

Chúa Trịnh mất nước vua Lê hầy còn.

50. Nguyễn đi thời Nguyễn lại về

Giặc đến Bồ Đề thời giặc cũng tan.

51. Nguyễn ra rồi Nguyễn lại về,

Chúa Trịnh mất nước vua Lê khó còn

Đầu cha lấy làm thân con

Mười bốn năm tròn hết số thì thôi.⁽¹⁾

- (1) Có thuyết cho rằng lời trên ứng vào vận mệnh nhà Tây Sơn. Nguyễn Huệ hiệu Quang Trung (光 忠), con là Quang Toản lấy niên hiệu Cảnh Thịnh (景 盛). Chữ Cảnh (景) có chữ tiểu (小) ở dưới và chữ Quang (光) có chữ tiểu (小) ở trên. Hai cha con truyền ngôi cho nhau được 14 năm thì sự nghiệp nhà Tây Sơn chấm dứt.

52. Nhâm Ngọ⁽¹⁾ thì có sao đuôi
Đến năm Quý Mùi⁽²⁾ giặc liền phá ra
Nhà vua thân với Lang Sa⁽³⁾
Để Tây ăn cướp trứng gà của dân.

(1) *Năm Nhâm Ngọ* (1882) có sao chổi, nhân dân cho đó là điềm không tốt.

(2) *Năm Quý Mùi* (1883) giặc Pháp đánh cửa Thuận An buộc triều đình Huế kí hiệp ước Patonốt.

(3) *Lang sa*: người Pháp.

53. Nhong nhong ngựa Ông đã về
Cắt cỏ Bồ Đề⁽¹⁾ cho ngựa Ông ăn.

(1) *Bồ Đề*: tên bến làng Phú Viên ở đầu cầu Long Biên về phía Gia Lâm. Ở đây có cây bồ đề. Cuối năm 1426 khi từ Lam Sơn ra phía Bắc, đánh quân Minh, hồi đó đang bị vây trong thành Đông Quan (Hà Nội bây giờ), Lê Lợi đã đóng doanh trại ở đây.

54. Nhớ đời thứ sáu Hùng Vương
Ăn sai hai tám tướng cường nữ nhưng⁽¹⁾
Xâm cương⁽²⁾ cạy thế khoe hùng
Kéo sang đóng chặt một vùng Vũ Ninh⁽³⁾
Trời cho thánh tướng giáng sinh
Giáng về Phù Đổng⁽⁴⁾ ẩn hình ai hay
Mới lên ba tuổi thơ ngây
Thấy vua cầu tướng ngày rày ra quân
Gọi sứ phán bảo ân cần
Gươm vàng ngựa sắt để binh tức thì
Thánh vương khi ấy ra uy
Nửa ngày sấm sét tứ bề giặc tan
Áo thiêng cởi lại Linh San⁽⁵⁾
Thoắt đà thoát nợ trần hoàn lên Tiên

Miếu đến còn dấu cổ viên
 Sử xanh bia đá tiếng truyền tự xưa
 Ước niên hương hoả phụng thờ
 Đồi đồi khang thái⁽⁶⁾ ơn nhờ Hùng Long.⁽⁷⁾

- (1) Giặc Ân có 28 nữ tướng - truyền thuyết này được thể hiện trong hội Gióng.
 (2) *Xâm cương*: xâm phạm bờ cõi.
 (3) *Vũ Ninh*: gồm các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang.
 (4) *Phù Đổng*: trước đây thuộc Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh; nay thuộc Gia Lâm, Hà Nội.
 (5) *Linh San*: tức Vệ Linh ở phía trên Phù Lỗ, tỉnh Vĩnh Phúc.
 (6) *Khang thái*: rất yên vui.
 (7) *Hùng Long*: Hùng Vương, Lạc Long Quân.

55.

Nhớ lời quan Trạng ngày xưa
 Sấm ngài để lại tính vừa đến nay
 Năm Dậu⁽¹⁾ nó kéo sang đây
 Vua về thượng giới thì Tây chiếm thành
 Ngã lim ra để làm hoành
 Đắp đường phá đá tan thành ruộng nương
 Bao nhiêu bờ bụi phát quang
 Thuê người gánh đá dọn đường cho yên
 Nhật công nó lại phát tiền
 Thế gian ai được nằm yên ở nhà
 Đàn ông cho chí đàn bà
 Bao nhiêu trai gái trẻ già đều đi
 Bồi chường vua nước đang si⁽²⁾
 Mới không vượt dãy mà đi chiếm thành.

(1) *Năm Dậu*: năm 1885.

(2) *Si*: mê muội.

56. Nhớ xưa đương thuở triều Hùng
Vũ Ninh⁽¹⁾ nổi đám bụi hồng nỏ xa
Trời thương Bách Việt sơn hà⁽²⁾
Trong nơi thảo mãng nảy ra kì tài
Lên ba đang tuổi anh hài
Roi ngà⁽³⁾ ngựa sắt ra oai trận tiền
Một phen khói lửa dẹp yên
Sóc Sơn⁽⁴⁾ nhẹ gót thần tiên lên trời.

(1) *Vũ Ninh*: gồm các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang ngày nay, đây là chỗ đóng quân của giặc Ân (tương truyền chỗ cụ thể là Châu Sơn ngày nay).

(2) *Bách Việt sơn hà*: non sông Bách Việt, tức một trăm (ý nói nhiều giống Việt, trong đó có Lạc Việt ở nước ta). Có truyền thuyết nói bọc trăm trứng của Âu Cơ sau thành dân Bách Việt. Chữ Bách Việt ở đây cũng dùng để chỉ nước ta.

(3) *Roi ngà*: roi bằng tre đẵn ngà. Tương truyền sau khi roi sắt dùng để đánh giặc Ân bị gãy. Thánh Gióng đã nhổ những bụi tre làm vũ khí.

(4) *Sóc Sơn*: núi Sóc hay còn gọi núi Vệ Linh ở phía trên Phù Lỗ thuộc tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) giáp giới mé bắc huyện Đông Anh.

57. Non Tây áo vải cờ đào
Giúp dân dựng nước biết bao công trình.⁽¹⁾

(1) Câu này ca ngợi công đức của vua Quang Trung.

58. Ôn vua Thái Đức chí tình
Cù Mông vắng vẻ nhưng mình vẫn vui.⁽¹⁾
(1) *Vua Thái Đức*: niên hiệu của Nguyễn Nhạc.

59. Rì lâu ni anh mắc chí mà?
Tai em nghe phát phưởng tượng anh đã có đôi.

- Ri lâu ni anh mắc việc Cần vương⁽¹⁾

Anh chưa sang kịp, em nhũn nhớ thương trong lòng.

(1) *Cần vương*: chịu khó nhọc để giúp vua (lúc vua gặp nạn).

- 60.** (a) Ru con, con ngủ cho lành
Cho mẹ gánh nước rửa bành con voi
Muốn coi lên núi mà coi
Coi bà quản tượng cười voi bành vàng.
- (b) Ru con con ngủ cho lành
Để mẹ gánh nước rửa bành cho voi
Muốn coi lên núi mà coi
Coi bà quản tượng cười voi đánh cồng
Túi gấm cho lẫn túi hồng
Têm trầu mũi mác cho chống đi quân.
- 61.** Ruộng ta, ta cấy, ta cày
Không nhường một tấc cho bầy Nhật Tây
Chúng mày lảng vảng tới đây
Rủ nhau gây cuộc đuổi ngay khỏi làng.
- 62.** Sa Nam trên chợ dưới dò
Nơi đây Hắc Đế kéo cờ dựng binh.
- 63.** Tai nghe kèn thổi tò te
Đốc binh đốc chiến hè hè đánh Tây.
- 64.** Thằng Nhật có cái gương dài
Dân choa chỉ có nắm tay củ gừng
Trăm nắm tay choa cùng vung tới
Cái gương dài mi đối được chăng?

Khôn hồn cút khỏi nước Nam
Kẻo choa trở phép kêu van cũng hoài.

- 65.** Thùng thùng trống đánh quân sang
Chợ Già⁽¹⁾ trước mặt, quán Nam⁽²⁾ bên đàng
Qua Chiềng⁽³⁾ thì rẽ sang Giàng
Qua quán Đông Thổ,⁽⁴⁾ vào làng Đình Hương⁽⁵⁾
Anh đi theo chúa Tây Sơn
Em về cây cuốc mà thương mẹ già.
(1), (2) và (3): thuộc huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
(4) và (5): thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- 66.** (a) Thương anh em cũng muốn vô
Sợ truông nhà Hồ,⁽¹⁾ sợ phá Tam Giang⁽²⁾
Phá Tam Giang ngày rày đã cạn
Truông nhà hồ, Nội tán⁽³⁾ cấm nghiêm.
(1), (2) và (3) Truông nhà Hồ, phá Tam Giang hoặc sóng Tam Giang, Nội tán: *Phá tam Giang*: tức Phong Điền tới Phú Điền (tỉnh Thừa Thiên) là một trảng phá dài 70 km có chỗ rộng 10 km. Từ Phong Điền tới Quảng Điền là phá Tam Giang cũng gọi là Vụng Tây, hay có sóng dữ. *Truông nhà Hồ*: một dải cát dài 1,5 km ở Bắc Vĩnh Linh, hồi đầu đời Nguyễn hay có cướp. *Nội tán* Nguyễn Khoa Đăng (thời các chúa Nguyễn) đã dẹp cướp ở đó.

- (b) Nhớ anh em cũng muốn vô
Sợ truông nhà Hồ, sợ sóng Tam Giang
Sóng Tam Giang bây giờ đã tĩnh
Truông nhà Hồ có lệnh yên rồi
Em vô cứ việc vô thôi!

- 67.** Tiếc công Bình Định xây thành⁽¹⁾
Để cho Quảng Ngãi vô giành thủ khoa⁽²⁾

Uống công Quảng Ngãi đường xa
Để cho Bình Định thủ khoa ba lần.

- (1) *Xây thành*: lúc nhà Nguyễn xây xong thành Bình Định thì mở khoa thi hương. Khoa thi này Quảng Ngãi đậu thủ khoa.
(2) *Thủ khoa*: người đậu đầu trong khoa thi Hương.

68. Tiếng đồn Tú Đĩnh⁽¹⁾
Coi tân tỉnh sông Con⁽¹⁾

Vì nghe vua Đồng Khánh,⁽³⁾ lên non mất đầu.

- (1) *Tú Đĩnh, tân tỉnh sông Con*: khi phong trào nghĩa hội Cần vương Nguyễn Duy Hiệu ở Quảng Nam tưng thế rút về nguồn, thì Tú Đĩnh lập một tân tỉnh (tỉnh mới) ở nguồn sông Con (sông Ô Gia).
(2) *Vua Đồng Khánh*: về sau Tú Đĩnh nghe lời chiêu hàng của Đồng Khánh, lên vùng núi ông Nguyễn Duy Hiệu đóng ở sông Cái (Thu Bồn) định bàn hàng thì bị ông Hiệu chém đầu.

69. Trăm quan có mắt như mờ
Để cho Huy Quận vào sờ chánh cung.⁽¹⁾

- (1) Câu này lưu truyền ở Thăng Long thời Lê Mạt. Sau khi Trịnh Sâm mất (1782), Huy quận công Hoàng Đình Bảo tư thông với vợ Trịnh Sâm là Đặng Thị Huệ. Đặng Thị Huệ phải cho lính trà trộn vào nhân dân để dò xét dọa rằng, bắt được ai nói thì lấy móc sắt móc lưỡi ra, cắt lưỡi ngay tại chỗ nhưng vẫn không cấm được.

70. Trên trời có ông sao Tua
Ở dưới hạ giới có vua trị vì
Nghe rằng thất đức thất uy
Cho nên giặc nổi như rì ngoài đồng
Giặc nổi tỉnh Bắc tỉnh Đông
Còn các tỉnh nhỏ cũng không yên rồi

Đồn rằng mấy tỉnh Đường ngoài⁽¹⁾

Nó bắt theo đạo rụng rời chân tay.

(1) *Đường ngoài*: những tỉnh từ bắc sông Gianh trở ra (tiếng dùng từ thời Trịnh - Nguyễn phân tranh).

71.

Trời ơi sinh giặc làm chi

Để ông Tôn Thất Thuyết⁽¹⁾ phải cồng

vua Hàm Nghi⁽²⁾ vào rừng?

(1), (2) *Vua Hàm Nghi* (1872-1943) tên là Nguyễn Phúc Ưng Lịch. Khi Pháp tấn công Huế, quan phụ chính Tôn Thất Thuyết phò vua, bỏ kinh thành chạy lên mạn Quảng Trị phát lệnh Cần vương, chống thực dân Pháp.

72.

Từ ngày Tự Đức lên ngôi

Cơm chẳng đầy nổi, trẻ khóc như ri

Bao giờ Tự Đức chết đi

Thiên hạ bình thì, lại dễ làm ăn.

73.

Vạn Niên⁽¹⁾ là Vạn Niên nào?

Thành xây xương lính, hào đào máu dân.

(1) *Vạn Niên*: còn gọi là Vạn Niên cơ tức là làng của Tự Đức. Lăng Vạn Niên được xây từ hồi Tự Đức còn sống, vào lúc mà thực dân Pháp đã đánh nước ta. Việc xây lăng tốn sức người và của nên dân nổi lên đánh vào Ngọ Môn. Vua suýt bị nguy.

74.

Vì ai thất thủ kinh đô

Vì ai ấu chúa phải vô chốn này?

75.

Việc đời biến đổi ai hay

Thù nay thành bạn, bạn nay ra thù

Cũng thì một cuộc tiền đưa

Gồng cùm bên nớ, lọng cờ bên nì.⁽¹⁾

(1) Câu này ghi lại việc năm 1886 Kinh lược Bắc Kỳ Nguyễn Trọng Hợp tổ chức rước cờ lọng tiến tên thực dân Giăng Duy-puy rời khỏi Hà Nội trong khi có một toán người yêu nước bị tổng đốc Hà Nội bắt trao cho tướng Pháp Bơ-ri-e đơ Lin (Briere de l' Isle) làm phu khuân vác.

CÁI NHÌN CỦA DÂN TA ĐỐI VỚI QUÂN XÂM LƯỢC VÀ TAY SAI

1. Ai lên Vĩnh Thông⁽¹⁾ bước qua cầu sắt
Nghe con trẻ hát hiu hắt chiều chiều
Ba phen quạ nó với diều
Vĩnh Thông cầu sắt có nhiều xác Tây.

(1) *Vĩnh Thông*: thuộc tỉnh An Giang.

2. Anh đi bưng bọ⁽¹⁾ quan Tây
Để em nòi nị tháng ngày chờ trông
Trông chồng mà chẳng thấy chồng
Đêm đêm vắng lạnh phòng không một mình
Buồn tình cha chả buồn tình
Không ai lẻ bạn cho mình kết đôi
Hay chỉ những thứ cao bồi
Cuối luồn dị tộc⁽²⁾ làm tôi vô loài⁽³⁾.

(1) *Bưng bọ*: nịnh hót, bợ đỡ.

(2) *Dị tộc*: khác giống nòi.

(3) *Làm tôi vô loài*: làm tôi đòi, nô lệ cho bọn vô lại tức là bọn thực dân Pháp.

3. Anh ngó ra Phú Quốc
Ngó lại Côn Lôn

Gió lao xao sóng bủa hết hồn
Bên gan sắt đá, trừ phồn⁽¹⁾ Lang Sa.

(1) *Phồn*: lũ, bọn.

4. Bao phen quạ nói với điều
Đi về sông Cái có nhiều xác tây.

5. Bão trên trời bão xuống
Giặc ngoài Huế đánh vô
Trời làm cực khổ đế đô
Đầu đội lửa thép, thăm chừng mô, hử Trời!
Đã đành trắc trở lúa đôi
Còn lo một nỗi khổ đời nhân dân
Bây giờ nó đánh thuế thân
Công sưu, công ích hai đồng sáu đây
Bộ diên quan thắng đã cao
Qua thương em để dạ, chỉ trao nhân tình
Bao giờ nhà nước thái bình
Mẹ cha trường thọ, đôi lứa mình mới gầy duyên.

6. Bấy lâu ta ở với ta
Bây giờ có Phú-Lang-Sa⁽¹⁾ lọt vào
Bây giờ đất thấp trời cao
An Nam, Quảng Tống phải vào lụy Tây
Bây giờ khố bẹ đi giày
Bờ lau nên phố, dĩ nay lên bà
Mấy đời con dĩ lên bà
Thau rau dắc thế, bà già thất kinh
Bấy lâu vua trị một mình
Bây giờ nhà nước đã rành chia đôi

Văn nhân, khoa mục ở rồi
 Những phường đốt nát lên ngôi làm quan
 Những anh phơ phất loàng xoàng
 Làm bồi làm bếp ra ràng cậu chiêu
 Các quan trung nghĩa trong triều
 Về nhà ngồi xó liệu chiếu thủ thân
 Những quân vô nghĩa nịnh thần
 Tìm thầy, tìm cách lần lần thăng quan
 Trị dân lắm sự tham tàn
 Kiếm tiền, kiếm bạc mới toan bằng lòng
 Muốn cho bể lặng sông trong
 Cách hết lũ ấy mới mong thái bình.

(1) *Phú-Lang-Sa*: người Pháp (cách viết của Trung Quốc cuối thế kỷ XIX).

7. Bể Đông có lúc vơi đầy
 Mối thù đế quốc có ngày nào quên.

8. Cam đời mô mà cam lại không ngọt
 Ớt đời mô mà ớt lại không cay?
 Sao anh nghe lời phờ phỉnh của Tây
 Hấn bảo nộp tôm, nộp cá, hấn tốt chi đây với mình?

9. Cao su đi dễ khó về
 Khi đi mất vợ, khi về mất con.

10. Cầm bằng bác mẹ không sinh
 Thì em ra phố Vạn Ninh cho rồi
 Cầm bằng bác mẹ không sinh
 Bà mẹ không nặn gieo mình lấy Tây.

11. Cây cao su quý hơn người
 Mỗi khi cây bệnh, cây thời nghỉ ngay
 Lang ta cho chí lang Tây
 Đêm đêm lo lắng, ngày ngày chăm xem
 Còn ta đau yếu gầy mòn
 Đau không được nghỉ, chết hòm cũng không.

12. Chém cha lũ Nhật côn đồ!
 Bắt người cướp của, tha hồ thẳng tay
 Dân ta trăm đắng ngàn cay
 Thóc ăn chẳng có, trồng đay cho người.

13. Chim bay về mỏm Sơn Trà⁽¹⁾
 Chàng đi lính mộ, xa đà quá xa!
 Sự này bởi tại Lang-sa⁽²⁾
 Cho nên dưa ngọc mới xa mâm vàng.
(1) Bán đảo *Sơn Trà*, phía đông nam thành phố Đà Nẵng.
(2) *Lang-sa*: (tiếng Pháp phiên âm theo âm Hán - Việt phổ biến ở cuối thế kỷ XIX): Pháp.

14. Cho hay nhất quỷ nhì ma
 Bây giờ mới biết thứ ba thế nào
 Cầm thù giặc nước từ bao
 Tấm lòng công phần ào ào như sôi
 Đứng đầu khóa Ngọc, tú Nhồi
 Kẻ bày tội ác rạch ròi tên Kim⁽¹⁾...

(1) *Kim*: Năm 1888 trong kì thi hương ở Hà Nội xảy ra chuyện thí sinh đến phá nhà Bá Kim ở phố Hàng Khay vì con gái ông này đã dám vô lễ với thí sinh. Chính quyền Pháp cho lính đến đàn áp và bắt đem đi một người học trò tên là Trịnh Văn Cầu. Học trò lại kéo nhau đến đòi bọn quan lại thả Trịnh Văn Cầu (theo Doãn Kế Thiện. *Cổ tích và thắng cảnh Hà Nội*, tr 84).

15. Có chồng đi lính nghĩa binh
 Dầu nghèo, dầu cực vẫn thương mình, mình ơi
 Lấy chi cái lư báo đời
 Chuyên nghề bán nước, phá đời, hại dân.

16. Con cò mà đậu cành tre
 Thăng Tây bán súng cò què một chân
 Hôm sau ra chợ Đồng Xuân
 Chú khách mới hỏi: Sao chân cò què?
 Cò rằng: Cò đứng bụi tre
 Thăng Tây bán súng cò què một chân...

17. Con đừng trách số oán trời
 Nhật, Tây là bọn giết người cướp cơm
 Quân phát xít giống gian tham
 Phân tro cũng lấy, rạ rơm chẳng từ
 Trồng day, trồng cả ruộng chùa
 Đóng quân đóng cả nhà thờ nhà thương
 Nước ta thành bãi chiến trường
 Chan hòa máu chảy, bạt ngàn xương phơi
 Cũng vì lư quỷ hại người
 Còn ai theo chúng, chỉ người phản dân
 Đồng bào đau nhục muôn phần
 Con còn nghi hoặc, ngại ngần mãi sao?
 Cùng hai mươi lăm triệu đồng bào
 Con mau đứng dậy phất cao cờ hồng
 Chỉ tay thế với non sông
 Giết cho hết sạch loại trùng Nhật, Tây

Mẹ tuy tóc bạc mình gầy
Nhưng còn sống mãi đợi ngày thành công
Giờ đây cá chấu chim lồng
Nhớ thương con nén bên lòng, con ơi!

18. Con ơi con ngủ cho say,
Cha con đi giết sạch loài Lang-sa
Lớn lên con nối chí cha
Ra đi giết giặc, nước nhà bình yên.

19. Cô Tây ở trại Hàng Hoa⁽¹⁾
Hột vàng quán cổ, xe nhà nghênh ngang
Bố cô dọn quán bán hàng
Nhặt từng đồng kẽm còn sang nổi gì
Cô còn bắc bực kiêu kì
Thông ngôn⁽²⁾, kí lục⁽³⁾, cu li⁽⁴⁾ trăm thằng.

(1) *Trại Hàng Hoa*: tên nôm chỉ làng Ngọc Hà và làng Hữu Tiệp (nay thuộc quận Ba Đình, Hà Nội), là hai làng có nghề trồng hoa cổ truyền. Vườn Bách Thảo xưa kia phần lớn thuộc đất làng Ngọc Hà nên cũng có tên gọi là trại Hàng Hoa.

(2) *Thông ngôn*: phiên dịch.

(3) *Kí lục*: viên chức thời thuộc Pháp, như thư kí.

(4) *Cu li*: (phiên âm tiếng Pháp) chỉ những người thợ làm thuê (khuân vác, kéo xe...), cũng gọi là phu.

20. Dưới gốc cây ông Tây⁽¹⁾ để chữ
Trên ngọn cây ông Sứ⁽²⁾ treo bồ⁽³⁾
Ai làm mạ héo lúa khô
Cũng vì ông Sứ treo bồ nước Nam.

(1) *Ông Tây*: chỉ bọn thực dân Pháp trước đây.

- (2) *Ông Sứ*: tiếng chỉ thực dân Pháp đứng đầu tỉnh.
 (3) *Bố*: tiếng nhân dân địa phương chỉ một thứ đồ dùng mà
 bọn thực dân Pháp ngày xưa thường treo ở những nơi
 cao (núi, ngọn cây) để thông báo mọi điều.
 Hai câu này chỉ việc thực dân pháp xây trụ cắm mốc
 trên các đồi cao để đo đạc đất đai nước ta.

21. Đất này đất tổ đất tiên
 Đất này chồng vợ bỏ tiền ra mua
 Bây giờ Nhật, Pháp kéo hùa
 Chiếm trồng đay lạc, ức chưa, hỡi Trời!

22. Đèn nhà lâu hết dầu đèn tắt
 Lửa nhà máy hết cháy thành than

Em Hai ôi! Lấy chồng lựa chỗ cho sang
 Lấy chi thằng điếm dọn bàn cho Tây.

23. Đồn anh văn cũng giỏi, võ cũng tài
 Cớ sao cửa Thuận An⁽¹⁾ Tây cướp,
 trấn Bình Đài⁽²⁾ cờ Tây treo?

(1) *Thuận An*: một cửa biển cách Huế 12 km.

(2) *Trấn Bình Đài*: tức là đồn Mang Cá ở đông bắc thành Huế
 là một thành nhỏ chu vi 984 m để giữ đường hiểm yếu.

24. Đời ông cho chí đời cha
 Đời nào cực khổ cho qua đời này
 Từ ngày mất nước cho Tây
 Tiêu hao thì có sum vầy thì không
 Thuế thân phải chịu ba đồng
 Công sưu công ích mà không ra gì

Đêm nằm luống những sầu bi
Suu cao thuế nặng, lấy chi thanh nhàn
Kẻ thời bỏ xứ đi hoang
Xa chồng, cách vợ, li tan gia đình
Người nào xuất ngũ hành binh
Chết thay cho chúng dân mình ích chi!
Người nào phản hộ hồi quy
Chịu ba đồng hai cắc cũng y như thường
Ôi thôi! Chua xót đoạn trường
Thuế tranh thuế củi, thảm thương cho đứa nghèo
Người sao sung sướng cười reo
Kẻ sao cực khổ lên đèo xuống hang
Muốn cho sung sướng thanh nhàn
Chúng ta đoàn kết lên đường đấu tranh!

25. Dừng ham đồng bạc con cò
Bỏ cha bỏ mẹ đi phò Lang-sa.

26. Em tham đồng bạc hoa xòe
Trốn cha trốn mẹ đi kể người Tây.

27. Gái Mĩ Tho mây tằm mất phụng
Giặc đến nhà chẳng vụng hươu dao.

28. Gáo vàng đem mức giếng Tây
Khôn ngoan cho lắm, tớ, thầy⁽¹⁾ người ta.
(1) *Tớ thầy người ta*: ý nói hầu hạ, làm nô lệ người ta.

29. Hai ngang, hai phết kết lại chữ chi
Chàng mà đối được thiếp thì theo không

- Hai ngang hai phết kết lại chữ thất
 Thất là mất, mất nước, mất nhà
 Dân sâu, dân thảm từ thuở Tây qua lại giữ.

30. Hoàng triều Bảo Đại⁽¹⁾ tứ niên

Đã ba cái lựt lại liền cái keo
 Xã dân đâu đấy túng nghèo
 Cho nên ngũ tỉnh phải theo đồn điền
 Ông Tây lăm bạc nhiều tiền
 Bỏ ra sức giấy mộ liền cu li
 Bỏ nhà bỏ cửa ra đi
 Ma thiêng nước độc quản gì tẩm thân.

(1) *Bảo Đại*: chính tên là Nguyễn Vĩnh Thụy, vua cuối cùng triều Nguyễn.

31. Kể từ Tây lại đến giờ

Con dâu lớn nhỏ không nhờ Đốc Quan
 Làm cho thiên hạ gian nan
 Sưu cao thuế nặng cơ hàn đảo điên.

32. Khuyển ưng⁽¹⁾ hai gã Khải, Hoan⁽²⁾

Theo Tây hại nước, giàu sang riêng mình
 Công lênh với nước mới vinh
 Công lênh với giặc người khinh đời đời.

(1) *Khuyển ưng*: nghĩa gốc là chó săn và chim cắt, hai con vật được người nuôi để đi săn mồi. Nghĩa thường dùng chỉ bọn tay sai.

(2) *Khải, Hoan*: Hoàng Cao Khải và Lê Hoan, quan lại thời Pháp thuộc, đã giúp giặc Pháp đàn áp phong trào khởi nghĩa thời bấy giờ, như phong trào Bãi Sậy, Yên Thế, nên được Pháp thưởng công.

33. Mười giờ ông Chánh về Tây
Cô Ba ở lại lấy thầy thông ngôn.⁽¹⁾
(1) *Thầy thông ngôn*: người phiên dịch dưới thời Pháp thuộc.
34. Nghe lời mẹ đứng lên đi
Nước không độc lập sống làm gì hử con?
35. Nghĩ đời mà tủi cho đời
Nín đi cũng tức, nói thời lụy sa
Từ Tây bảo hộ nước ta
Mấy thầy tú, cử nằm nhà chồm hòm
Chữ lẽ, chữ nghĩa thì hất xuống sông
Chữ a chữ â lại bồng trên tay
Trắng đen lẫn lộn thiệt hay
Tiếc công mẹ cấy, cha cày nuôi con
Dốc lòng vẽ dạng mảy son
Trước hiển vinh cha mẹ, sau thân con được chút tình
Ngày nay quan lại sử kinh
Kẻ la tình, người quốc ngữ, bỏ chữ mình thất cơ
Ngồi buồn họa phú ngâm thơ
Ngâm thơ họa phú, bơ vơ một mình.
36. Ngồi buồn nghĩ giận quan Tây
Bước ra đi lính, xe dây buộc mình
Phương trời góc bể linh đình
Biết người xưa cũ thấu tình cho chăng?
37. Ngồi mát mà ăn bát vàng
Xét ra quả thực trăm đường bất công

Anh em ta hãy một lòng
Góp sức nhau cùng đuổi cổ nó đi.

- 38.** Người đầu mà lại lạ đời
Con gái Hà Nội lấy người bên Tây
Tây đâu có ở đất này
Nó về nước nó, khốn thay thân già.

- 39.** Núi Yên Sơn không biết đời nào lở
Sông Huỳnh Hồ không biết thuở nào khô
Kể từ Tây đóng Hoài Đô
Ta người liêm sĩ, không phải đồ lăm hăm⁽¹⁾.
(1) *Lăm hăm*: tiếng địa phương có nghĩa là lằng nhằng, vô liêm sĩ.

- 40.** Nửa trăng soi khắp Giang Hà
Sao đủ cả cái rạng mà hơn ai.

- 41.** (a) Ở bên ni Hàn⁽¹⁾, ngó qua bên tê Hà Thân⁽²⁾
Thấy nước xanh xanh như tàu lá
Ở bên tê Hà Thân ngó qua bên ni Hàn
Thấy phố xá nghênh ngang
Kể từ ngày "ông" Tây lại đất Hàn
Đào sông Cầu Nhí, bòn vàng Bồng Miêu⁽³⁾
Dặn tấm lòng ai đồ đừng xiêu
Ở nuôi phụ mẫu sớm chiều có em.

(1) *Hàn*: thành phố Đà Nẵng ngày nay. Từ năm 1886, Đà Nẵng trở thành "nhượng địa" của Pháp với tên là Tourane. Nhưng nhân dân ta vẫn quen gọi là Hàn hay Đà Nẵng.

(2) *Hà Thân*: vùng đất ở phía đông sông Hàn, nay thuộc quận Ba, Đà Nẵng.

- (3) *Bồng Miêu*: mỏ vàng đã được khai thác từ thời xa xưa, thuộc tỉnh Quảng Nam cách thị xã Tam Kỳ về phía tây nam 27 km.
- (b) Bên sông Hà Thân nước xanh như tàu lá
Ngó qua bên đất Hàn, phố xá nghênh ngang
Từ ngày Tây lại cửa Hàn
Đào sông Cu Nhí đắp đàng Bồng Miêu
Dặn lòng em, ai dỗi đừng xiêu
Ở nuôi phụ mẫu, sớm chiều có qua.
- (c) Ngó ra Hà Thân nước xanh như tàu lá
Ngó về cửa Hàn phố xá nghênh ngang
Kể từ ngày Tây lại Sứ sang
Lâm nương Thủy Tú, đắp đàng hỏa xa
Cu-li vô số hàng hà
Thảy đều làm mướn ai mà cười ai
Cười người làm đi lấy trai
Ăn hàng ngồi chợ người ta lảng lai chê cười.
- (d) Đứng bên Hàn ngó qua Hà Thân xanh như tàu lá
Đứng bên Hà Thân ngó qua Hàn phố xá
nghênh ngang
Kể từ ngày ta lấy đất Hàn
Mở mang hải cảng, đắp đàng Bồng Miêu
Dặn lòng em bận đừng xiêu
Ở nhà nuôi thầy với mẹ chớ hiện yêu đi lấy chồng.

42. Pháp sang đây chúng mày béo mập
Giở trò khôn khéo bóp méo cái tròn

Phi tông phụ tổ⁽¹⁾ chúng mày còn khua môi.

(1) *Phi tông phụ tổ*: quên giống nòi, phụ bạc tổ tiên.

43.

Quảng Nam, Quảng Ngãi vô bày

Rủ nhau cắt tóc từ rày xin râu⁽¹⁾

Trù, trát⁽²⁾ cho chạy đã lâu

Kì cho ba bữa đầu đầu cúp⁽³⁾ liền

Gái thì lột bông, cắt kiếng

Trai thì cắt áo, dẹp liền dây lưng

Quần thì bận giữa ống chân

Quạt mo, nón rách từng bùng vô thành

Ba quan⁽⁴⁾ chưa rõ ngọn ngành

Truyền quân đóng cửa lên thành ngó ra

Ngó thấy lớn, bé, trẻ, già...

Kể ngồi người đứng trông đà quá đông...

(1) *Xin râu*: phong trào "đồng bào" đấu tranh đòi bọn thực dân phong kiến giảm râu (sưu), thuế. Những người tham gia phong trào này thường cắt tóc ngắn (chứ không búi túi túi) và ăn mặc luộm thuộm như người nghèo khổ.

(2) *Trù, trát*: một loại công văn thông báo cho quần chúng biết một việc gì phải làm.

(3) *Cúp*: cắt, ở đây ý nói cắt tóc ngắn.

(4) *Ba quan*: ba quan cai trị cấp tỉnh: Tổng đốc, Án sát, Bố chánh.

44.

Tàu Tây ống khói bằng đồng

Hỏi thăm ông Sứ rằng chống tôi đâu?

- Tàu Tây ống khói lên mây

Chống chị đã trót sang Tây mất rồi.

45.

Than nhiều hơn cả cỏ cây

Đào ra than cũng tay này chứ ai!

Thế mà cả gái trai già trẻ
Đều còng lưng làm ghé, làm trâu
Đào than cho nó làm giàu
Xúc vàng đem đổ xuống tàu cho Tây.

46. Tháng ngày dãi nắng dầm sương
Mới được ruộng lúa bên đường xanh tươi
Quần bay độc lắm, trời ơi!
Độc hơn rắn rết, lợn lòi hùm tinh
Bắt choa nhỏ lúa đang xanh
Trồng day thất cổ họ hàng nhà bay
Không trồng thì phải tù ngay
Trồng thì chẳng biết ăn mày phương mô
Thôi thì thác cũng ra ma
Ruộng choa⁽¹⁾, choa cứ hai mùa làm ăn.
(1) *Choa*: tôi, tao, ta (tiếng địa phương).

47. Thằng Tây hấn ở bên Tây
Bồi vua chúa Nguyễn rước thầy đem sang
Cho nhà cho nước tan hoang
Cho thiếp ngậm đắng, cho chàng ăn cay
Cha đòi mấy đứa theo Tây
Mồ ông mả cố, voi giày biết chưa?

48. Thóc đâu mà nộp cho Tây
Nó ăn nó béo, nó đầy dạ ta
Hỡi này các bạn nông gia!
Bảo nhau đừng nộp thóc ta cho thù.

49. Thùng thùng trống đánh ngũ liên

Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa
 Vì tiền nên bị mắc lừa
 Lưng đai, đầu mũ, chẳng vừa lòng ai
 Cây xương rồng, trái, lá xương rồng
 Người mình sao lại lấy chồng người Tây
 Sinh con đẻ cháu cả bấy
 Rau nào sâu nấy, biến thái vô loài.

50. Tiếc quả hồng ngấm mà đem cho chuột vọc
 Tiếc con người ngọc mà đem cho ngâu vầy
 Tiếc của Nam ta xây dựng, để cho Tây tung hoành.

51. Tỉnh Thái Bình dân lành ruộng tốt
 Bao năm trời đau xót vì Tây
 Ruộng khô mất cả trâu cày
 Nhân dân trần trọc suốt ngày suốt đêm
 Được hạt thóc chiêm, nó đem ngấm nước
 Được bông lúa mùa, nó đốt thành than.

52. Tôi đi khắp bốn phương trời
 Không ai lịch sự bằng người lấy Tây
 Ngày ngày dép dép giày giày
 Tối về cởi váy cho Tây lim lim
 Nó lim vào phổi vào tim
 Chấp hai tay lạy chim chim me xừ.

53. Trách ai bày vẽ cho Tây
 Sinh ra lính tập thế này, trời ơi!
 Ai mà bắt lính chồng tôi
 Tháng ngày chả biết nước người đâu xa

Lấy ai phụng dưỡng mẹ già
 Trông nom con trẻ ở nhà cho tôi
 Anh đi biển biệt phương trời
 Ở nhà em biết vui cười với ai
 Anh là con trai thứ hai
 Vì đâu bắt lính ra ngoài kinh đô
 Thương chồng nên mới chơ vơ
 Hỏi rằng quan cắt đóng đô nơi nào
 Hỏi thăm anh đóng đồn nào
 Để em đánh chữ thông giao đi tìm
 Vợ chồng là chuyện bách niên
 Nơi gần không gặp đi tìm nơi xa
 Tìm chàng ngồi chốn vườn hoa
 Nhà vua bắt lính anh là "lính lương"
 Thương anh gởi đất nằm sương
 Dem thân dầu dãi chiến trường lấm than
 Trời ơi bắt lính cơ hàn
 Có một bát gạo xẻ đàn làm đôi
 Bắc lên cơm chữa kịp sôi
 Trống giục, trống hồi lại chất nước đi
 Trời ơi bắt lính làm chi
 Để anh đi trẩy hàn vi một mình.

54.

Trèo lên núi Chúa nửa ngày
 Sao núi độ rày buồn lắm núi ơi?
 Núi rằng núi tủi mấy người
 Bỏ cha bỏ mẹ theo nòi thằng Tây
 Nhấn lời cho núi đỡ khuây
 Cho rừng đỡ tủi cho mây bớt buồn
 Rằng người hôm trước việt gian
 Hôm nay người biết Việt Nam người về.

- 55.** Trong nhà "xéc"⁽¹⁾ đèn điện sáng ngời
Tây dầm phê phởn vui chơi nô đùa
Bên ngoài củ rử củ rừ
Mấy bà hành khất bù lu kêu đường.
(1) *Nhà xéc*: tiếng Pháp *cercle* nghĩa là nơi giải trí, câu lạc bộ.
- 56.** Trời cao chi mấy trời cao
Đuối tôi nằm đất, ước ao nằm giường
Đêm ngày dãi nắng dầm sương
Thảm thiết trăm đường đất hơi trời ơi
Thằng Tây mắt trắng như vôi
Trắng răng, mũi lõ đuối tôi thế này!
- 57.** Trời làm Ất Mão làm chi
Trời làm Ất Mão võ dê võ đường
Võ đường giữa làng Xâm Dương⁽¹⁾
Nước chảy ngẫu đỏ tràn đường hỏa xa
Đàn ông cho chí đàn bà
Bồng con bế cái chạy ra ngoài đường.
(1) *Xâm Dương*: làng ở sát đê sông Hồng, nay thuộc xã Văn Tảo, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.
- 58.** Trời ơi! Trông xuống mà coi
Nước Nam cơ khổ, "con trời" hai ông
Hàm Nghi chính thực vua trung
Còn như Đồng Khánh là ông vua xằng.
- 59.** Từ năm Bính Tý đến giờ
Đồng diên bạch lạng⁽¹⁾ bỏ đi thế này

Dân ta đói khổ lắm thay
 Công sưu công ích kẹp ba ngày chưa tha
 Đời ông cho chí đời cha
 Đời nào cực khổ cho qua đời mình
 Thuế điền, rồi lại thuế đình
 Thuế thuốc, thuế rượu, sát sinh, thuế dò
 Năm ngày "công ích" phải lo
 Chạy vạy không được bán bò mất thôi
 Bán đi dặng nạp cho rồi
 Miễn sao thoát khỏi tanh hôi ngục hình.
 (1) *Bạch lạng*: (đồng điền) trắng trơn, dùng để chỉ mất mùa.

60. Từ ngày Bảo Đại⁽¹⁾ lên ngôi
 Cơm chẳng đầy nổi, cuộc sống co ro.
 (1) *Bảo Đại*: vua cuối cùng triều Nguyễn, chính tên là Nguyễn Vĩnh Thụy.

61. Từ ngày bảo hộ đáo lai⁽¹⁾
 Thuế thân đồng một, sưu sai bốn ngày
 Chẳng biết bọn ai bày tai hại
 Hai đồng hai, rồi lại gia lên
 Ngựa kêu thấu tận hoàng thiên
 Làm quan mê muội cho nên thế này
 Đêm nằm nghĩ, bầm gan than thở
 Chịu lép bể, ngán cổ dặng sao?
 Anh em ta chọn bể nào
 Nằm chờ chịu chết, hỏi nào được chẳng?
 (1) *Bảo hộ đáo lai*: từ ngày nước ta bị Pháp đô hộ đến nay.

62. Từ ngày Tây chiếm nước Nam
 Chồng đi nấu bếp, vợ bán hàng lê la

Năm xu một chai nước hoa
Thật là con gái tài ba đủ nghề!

- 63.** Vàng thì vàng
Khăn sa tanh đậu con bướm vàng
Bỏ sa mái tóc, cô nàng chít khăn moi
Liếc trông mơn mớn mây ngài
Mắt trong như ngọc, miệng cười như hoa
Chuối vàng đeo ngấn cổ ngà
Kim cương lóng lánh nào là nụ tai
Yếm trắng cô khéo ngả mùi
Áo sa tanh quần lĩnh giắt vài hoa chanh
Hai tay những xuyên cùng vành
Mùi soa gấp chéo, nghĩ mình đáng trăm
Gót hoa cô bước êm đầm
Phong tư yếu điệu cánh hồng hương lan
Tiếc cô duyên nợ giắt giằm
Cùng non cùng nước, cô nờ đi làm vợ Tây
Xăm anh sâu thắm bấy chầy!

- 64.** Văn minh gặp buổi Lang-sa
Tri âm thì ít, trăng hoa thì nhiều.

- 65.** Về làng gan dạ héo hon
Xuống Dã còn toàn thấy những con đỏ đầu⁽¹⁾
Mất đục, mũi nhọn, gót cao
Chúng yêu chúng quý chó ngao⁽²⁾ hơn người.

(1) *Đỏ đầu*: ám chỉ bọn thực dân Pháp (tóc đỏ hoe).

(2) *Chó ngao*: loại chó Tây.

66. Xa xa Côn Đảo nhà tù
Biển sâu mấy khúc, cầm thù bấy nhiêu.

ĐẶC ĐIỂM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG

1. Ai đem núi Nít⁽¹⁾ sang sông
Giữa dòng nước chảy bên đông có chùa.
(1) *Núi Nít*: ở tỉnh Thanh Hóa.
2. Ai lên Tân Khánh, Bà Trà⁽¹⁾
Mà coi con gái đàn bà đi roi.
(1) *Tân Khánh, Bà Trà*: thuộc tỉnh Sa Đéc cũ, nay là tỉnh Đồng Tháp. Nhân dân vùng này có truyền thống thượng võ.
3. Ai về khe Mọ⁽¹⁾ cùng đi
Đồng bằng thì ít, rú ri thì nhiều.
(1) *Khe Mọ*: thuộc xã Thanh Hương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.
4. Ai về Thông Lạng⁽¹⁾ mà coi
Bắc niêu lên bếp, xách ọi⁽²⁾ ra đồng.
(1) *Thông Lạng*: thuộc xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An.
(2) *Ọi*: là cái giỏ, làng Thông Lạng ở xa chợ, thức ăn rất hiếm nhân dân phải xách ọi ra đồng mò cua bắt ốc.
5. Ai vô Bình Định mà coi
Đàn bà cũng biết cầm roi đi quyền⁽¹⁾.
(1) Lời này ca ngợi bà Bùi Thị Xuân, nữ tướng có tài dưới thời Tây Sơn.

6. Ba đồn là đất ba châu
Ai đi tới đó quảy bầu về không.
7. Bạc Liêu là xứ quê mùa
Dưới sông cá chốt trên bờ Triều Châu.
8. Bao giờ Trường Úc hết vôi
Đôi ta hết đứng hết ngồi với nhau.
9. Bến Tre nhiều gái chưa chồng
Không tin xuống chợ Mĩ Lồng mà coi.⁽¹⁾
(1) *Mĩ Lồng*: thuộc huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.
10. Cà Mau khỉ khọt trên bưng
Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp um.
11. Cầm bằng bác mẹ chẳng sinh
Thì em ra phố Vạn Ninh⁽¹⁾ cho rồi
Phải là con mẹ con cha
Thì sinh ra đất Diên Hà, Thần Khê⁽²⁾.
(1) *Vạn Ninh*: tên địa phương thuộc tỉnh Hải Ninh cũ (hay là Quảng Ninh). Vùng này xưa kia là đất dành cho những người bị đày đi "viễn châu", lại cũng là đất của bọn "mẹ mìn" buôn người.
(2) *Diên Hà* (cũng gọi là *Duyên Hà*), *Thần Khê*: tên các địa phương ở tỉnh Thái Bình. Vốn trước kia thuộc huyện Hưng Yên cũ. Cuối đời Nguyễn, khi tỉnh Thái Bình được thành lập, triều đình cắt Duyên Hà, Thần Khê từ Hưng Yên sang.
12. Cầu Đá ăn cá bỏ đầu
Xóm Chệt lượm lấy xỏ râu đem về.

13. Chàng Lang, núi Lở, Báo Bồng⁽¹⁾

Qua ba chốn ấy, nhẹ lòng ngược xuôi!

- (1) *Chàng Lang, núi Lở, Báo Bồng*: các địa danh thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Xưa kia bọn chúa Trịnh cấm trai dò khi đi qua vùng này không được hò hát, sợ động long mạch vì đây là quê hương họ Trịnh, mồ mả đều chôn gần đó. Xét về vị trí thì khúc sông Mã ở quãng này cũng có nhiều chỗ nguy hiểm.

Núi Lở ở xã Vĩnh An (huyện Vĩnh Lộc nơi có động Kim Sơn) nằm ngang rìa sông, nước chảy rất xiết, bào mòn chân núi thành hình hàm ếch, dưới dòng có nhiều đá nên thuyền bè đi qua rất nguy hiểm.

14. Duy Tiên⁽¹⁾ đồng bãi mai rùa

Ăn hạt thóc mùa, tát nước quanh năm.

- (1) *Duy Tiên*: huyện Duy Tiên thuộc tỉnh Hà Nam.

15. Đa Ngư ăn cá bỏ đầu

Phú Lương thấy tiếc xỏ râu đem về.

16. Đi bộ thì khiếp Hải Vân⁽¹⁾

Đi thuyền thì khiếp sóng thần hang Dơi⁽²⁾.

- (1) *Hải Vân hay Ải Vân*: dãy núi tách từ rặng Atuat của Trường Sơn đâm ra biển, đứng làm ranh giới giữa Thừa Thiên và Đà Nẵng. Ngọn núi cao nhất của Hải Vân cao 1.172m. Ở Hải Vân có đèo cao 500 dài 20 km.

- (2) *Hang Dơi*: hang ở sát bờ biển Hải Vân phía Thừa Thiên. Nơi đây có tiếng nguy hiểm cho thuyền bè.

17. Đông Ba⁽¹⁾ ít đất nhiều nhà

Bổ Đẻ sinh nguy đàn bà mọc râu.

- (1) *Đông Ba*: ở thành phố Huế.

18. **Đồng bắc thì dựa vũng Chùa⁽¹⁾**

Nồm nam dựa Chụt⁽²⁾, bốn mùa như ao.

(1) *Vũng Chùa*: ở ngay Đèo Ngang.

(2) *Chụt*: hòn đảo gần Đèo Ngang, bề thường đến ăn nấp khi bị giông bão.

19. **Đồng Trì⁽¹⁾ ăn ốc ăn trai**

Yên Mĩ⁽²⁾ nước ngập mười hai năm ròng.

(1) *Đồng Trì*: tên làng thuộc xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, xưa ở giữa cánh đồng trũng phải sống bằng nghề mò cua bắt ốc.

(2) *Yên Mĩ*: tên làng, nay là xã Yên Mĩ, huyện Thanh Trì, Hà Nội, ở ngoài đê luôn luôn bị ngập lụt vì những vụ nước lớn.

20. **Đưa anh ra tới Rạch Chanh⁽¹⁾**

Muối mòng cắn lấm, cày anh đưa về.

(1) *Rạch Chanh*: thuộc huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

21. **Đường lên Mường Lễ⁽¹⁾ bao xa**

Trăm bảy mươi thác, trăm ba mươi ghềnh.

(1) *Mường Lễ*: Lai Châu.

22. **Đường về Lương Phú⁽¹⁾ quanh co**

Bên sông nước chảy con đò vắng tanh.

(1) *Lương Phú*: là khu căn cứ bí mật của tỉnh Bến Tre trong thời kì đấu chống thực dân Pháp.

23. **Đường về Lương Quới, Mĩ Lồng⁽¹⁾**

Tuy không xa lắm nhưng đất giồng khó đi.

(1) *Mĩ Lồng*: tức làng Mĩ Thạnh, giáp Lương Quới, tỉnh Bến Tre.

24. Em đi anh bảo em rằng:
Sơn Đông⁽¹⁾, Ba Trại⁽²⁾ em đừng có qua.

(1) và (2) *Sơn Đông, Ba Trại*: ở Hậu Lộc, Thanh Hóa. Hai làng xưa con trai có tiếng là nghịch ngợm.

25. Em về Đập Đá, Gò Găng⁽¹⁾
Không về Phù Mĩ⁽²⁾ sợ ăn củ mì⁽³⁾.

(1) *Đập Đá, Gò Găng*: tên hai địa phương thuộc huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, ở đây đất tốt, lúa nhiều.

(2) *Phù Mĩ*: nay là một huyện của Bình Định.

(3) *Củ mì*: củ sắn.

26. Eo truông cách trở khó qua
Tam Đa là một, Đại Hòa⁽¹⁾ là hai.

(1) *Tam Đa, Đại Hòa*: thuộc huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, có tiếng nhiều cộp, ai đi qua cũng sợ.

27. Giang Cao⁽¹⁾ buôn gạo chợ Keo⁽²⁾
Buôn khoai chợ Nhiễm⁽³⁾ bán rao đường làng

Ngày ngày cấp thúng lên đàng

Kiểm củi rồi mót khoai lang đem về.

(1) *Giang Cao*: tên làng ở phía trên làng Bát Tràng (nay thuộc xã Bát Tràng) huyện Gia Lâm, Hà Nội, bên bờ tay trái sông Hồng.

(2) *Chợ Keo*: tức là chợ làng Giao Tất (tên nôm là làng Keo) nay thuộc xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(3) *Chợ Nhiễm*: có lẽ là làng Nhiễm Dương thuộc huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

28. Giếng Truông là giếng Truông Bồng
Thành vợ thành chồng cũng bởi giếng Truông.

- 29.** Hai tay bụm gạo vào nừng⁽¹⁾
 Đồng Cam⁽²⁾ nước độc, anh đừng ở lâu.
 (1) *Nừng*: gùi, thường đeo sau lưng.
 (2) *Đồng Cam*: thuộc tỉnh Phú Yên có xây đập nước trên sông Ba.
- 30.** Hội Sơn⁽¹⁾ đi dễ khó về
 Trai đi ế vợ, gái về không con.
 (1) *Hội Sơn*: thuộc huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, xưa kia vùng này nổi tiếng nước độc.
- 31.** Khôn ngoan qua cửa sông La⁽¹⁾
 Dễ ai có cánh bay qua lũy Thầy⁽²⁾.
 (1) *Sông La*: ở Hà Tĩnh.
 (2) *Lũy Thầy*: ở Quảng Bình, ở đây là một hệ thống đồn lũy kiên cố gồm có: lũy Sa Phụ, lũy Trấn Ninh, lũy Đồng Hới, lũy Đâu Mâu và quá về phía nam có lũy Trường Dục.
- 32.** Không đi thì nhớ thì sầu
 Đi ra lại sợ núi Mầu⁽¹⁾, gò Suông⁽²⁾.
 (1) *Núi Mầu*: thuộc xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa.
 (2) *Gò Suông*: thuộc làng Don, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
- 33.** La Thượng bán cà
 Hoàng Cang bán cá, Cha La bán thuyền
 Ăn cướp thì quân phố Miên
 Giết người lấy của quan viên Chung Hà.
- 34.** Làng Hoành là làng hay lo
 Đi gấp cút chó bán cho nhà giàu
 Đi từ mặt trăng thẳng đầu
 Mặt trời gác núi đưa nhau mà về

Nhà giàu ra nhấc lại ché
 Quan năm tiền rưởi, gánh về cho tau
 Vợ chồng thủ thả cùng nhau
 Quan năm tiền rưởi lấy đầu sưu sành⁽¹⁾.
 (1) *Sưu sành*: sành là tiếng đệm, ý nói sưu thuế.

35. Làng Minh⁽¹⁾ lảm chuyện buồn cười
 Tháng ba hết nước tháng mười không có lối vô
 Muốn qua Minh Đức phải cỡi quần!
 Từ cầu ông Ngãi mới lần tới nơi.
 (1) *Làng Minh*: làng Minh Đức ở xã Thiệu Quang, Thiệu Hóa, Thanh Hóa. Làng này ở giữa cánh đồng lớn, chưa nắng đã hạn chưa mưa đã lụt.

36. Làng Mui⁽¹⁾ thì bán củi đồng
 Nam Dư⁽²⁾ mía mật giàu lòng ăn chơi
 Thanh Trì⁽³⁾ buôn bán mọi nơi
 Đồng Nhân⁽⁴⁾ Thúc Ái⁽⁵⁾ là nơi chẵn tằm
 Làng Mơ⁽⁶⁾ thì bán rượu tằm
 Sở Lồ⁽⁷⁾ của ốc quanh năm đủ đời.
 (1) *Làng Mui*: bao gồm các làng Yên Duyên (Mui Chùa) và Khuyến Lương (Mui Chợ) vốn là đất ruộng chiêm nên xưa kia nhân dân thường đi vớt những lõi ngô, củi rêu trôi sông trên cánh đồng đầy nước, hoặc đem những thân cây ngô đi bán làm củi, để làm kế sinh nhai. Yên Duyên nay thuộc xã Yên Sở, Khuyến Lương nay thuộc xã Trần Phú đều ở huyện Thanh Trì, Hà Nội.
 (2) *Nam Dư*: chỉ Nam Dư Hạ, có xóm Lò, hiện nay là xóm 14, xưa có lò làm mật: xóm này thành lập trên 100 năm nay. Nam Dư nay thuộc xã Trần Phú.
 (3) *Thanh Trì*: tên một huyện ngoại thành ở phía nam Hà Nội. Xưa kia có tên là Long Đàm. Đời Lê đổi thành Thanh Đàm. Đến thế kỉ XVI vì kiêng tên của vua Lê Thế Tông là Duy Đàm nên đổi thành Thanh Trì.

- (4) *Đồng Nhân*: nay thuộc quận Hai Bà Trưng, xưa thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- (5) *Thúy Ái*: nay thuộc thôn Thúy Lĩnh thuộc xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- (6) *Làng Mơ*: tên nôm là Tương Mai và làng Hoàng Mai nay thuộc xã Hoàng Văn Thụ.
- (7) *Sở Lờ*: tức làng Sở Thượng. Đa số nhân dân ở đây xưa làm nghề mò cua bắt ốc và có nghề làm lò (một dụng cụ đan bằng tre nứa để bắt tôm cá) do đó thành tên Sở Lờ, Sở Thượng nay thuộc xã Yên Sở.

37. Làng Nghè⁽¹⁾ có đất hồi long
Ở đâu thì cũng về đồng một lang.

- (1) *Làng Nghè*: là Hoàng Trì, xã Hoàng Thắng, Hoàng Hóa. Câu này cốt mĩa mai bọn tai mắt trong làng khoe khoang làng Nghè có đất tốt, dễ phát đạt. Thế mà người làng hết đi phương xa kiếm ăn lại về làng một khoai lang.

38. Làng Sến⁽¹⁾ đồng trắng nước trong
Có về làng Sến ăn rong thì về
Làng Sến có ruộng bốn bề
Có thợ đục đá, có nghề bán phân.

- (1) *Làng Sến*: là làng Xa Liễn, xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ở đây ngày xưa đời sống chật vật, nhân dân túng thiếu quanh năm.

39. Làng Vạc⁽¹⁾ ăn cỗ ông Nghè
Làng Vân⁽²⁾, làng Chè⁽³⁾ kéo đá ông Đổng.⁽⁴⁾

- (1) *Làng Vạc*: là làng Cổ Đô xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- (2) *Làng Vân*: là làng Ân Quy, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- (3) *Làng Chè*: là làng Trà Thượng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- (4) *Ông Đàng*: Đàng quận công Nguyễn Khải đời Lê Mạt, bắt nhân dân Thanh Hóa kéo đá, xây sinh từ. Làng Vạc có người đổ đạt được coi là đất nhà quan không phải đi phu, còn hai làng Vân, Chè không có người đổ đạt phải phục dịch vất vả.

40. Làng Vên⁽¹⁾ đi gổ⁽²⁾ đầu hôm

Làng Vực⁽³⁾ đi củi đã còm xương hông.

(1) *Làng Vên*: ở xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

(2) *Đi gổ*: đi đốn gỗ.

(3) *Làng Vực*: ở xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

41. Lạt nào mà dẻo bằng dang?

Gái đâu mà lấm bằng làng Dự Côn.⁽¹⁾

(1) *Dự Côn*: thuộc xã Quảng Ninh, Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

42. Lầy chồng chợ Rủn⁽¹⁾ làm quan

Lầy chồng Tuyên Hóa⁽²⁾ bán than đen người.

(1) *Chợ Rủn*: thuộc huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

(2) *Tuyên Hóa*: thuộc Đông Sơn, Thanh Hóa. Câu này ý chỉ là cách nói hóm hỉnh của các chàng trai để gièm pha trai làng khác.

43. Lầy chồng Phù Mỹ ăn dưa

Lầy chồng Dương Liễu⁽¹⁾ đập xơ dừa mỗi tay.

(1) *Dương Liễu*: thuộc huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

44. Lầy chồng Phú Định⁽¹⁾ làm chi!

Xanh xao, gầy guộc, khó đi, khó về.

(1) *Phú Định*: thuộc xã Hoàng Khê, Hoàng Hóa, Thanh Hóa, ngày xưa là nơi đồng chua nước mặn, đường sá lầy lội.

45. Lấy chồng Tân Long, Tân Hội⁽¹⁾, bà nội hồng cho
Lấy chồng Suối Sỏi ăn mắm kho rắc ròn.

(1) *Tân Long, Tân Hội*: hai ấp thuộc xã Tân Vinh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

46. Lấy chồng Trịnh Mễ⁽¹⁾ làm chi?
Đồng sâu ruộng hiếm, lội khe trèo rừng
Ở đây cơm chạu⁽²⁾ cá chưng⁽³⁾
Tha hồ chả phải cấm chừng mà lo.

(1) *Trịnh Mễ*: một làng ở chân núi Nưa, Thanh Hóa.

(2) *Cơm chạu*: là cơm gạo chạu, một thứ gạo như gạo dự, gạo chăm.

(3) *Cá chưng*: cá xắt khúc kho kĩ.

47. Lấy chồng về Bàn Gõ⁽¹⁾ nước mắt nhỏ hai hàng
Tay bụng mâm cơm để đó, già chín nẻo bằng mới ăn.
(1) *Bàn Gõ*: thuộc tỉnh Tây Ninh.

48. Lênh đênh qua cửa Thần Phù
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.

49. Lòng thương con gái Kiến Vàng⁽¹⁾
Đầu đội neo bàng, tay xách mo cơm.
(1) *Kiến Vàng*: thuộc tỉnh Tây Ninh.

50. Ma Liên ăn cá bỏ đầu
Chợ Xổm thấy vậ bỏ xâu đem về.

51. Mặt vàng đổi lấy mặt xanh
Hai tay hai gậy, lạy anh sông Bờ⁽¹⁾
(1) *Sông Bờ*: tức sông Đà.

52. Mọi nơi đi gặt lúa mùa

La Sơn⁽¹⁾ đi vớt rau dừa về ăn.

- (1) *La Sơn*: xã La Sơn thuộc huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Xã này trước đây hoàn toàn là đồng chiêm trũng. Rau dừa là một loại rau dại, sống nổi trên mặt nước, kết lại thành bè như rau muống, khi đói người ta hái về ăn dọn.

53. Một năm ba cái lụt liên

Lấy gì làm thú giải phiền anh ơi

... Cơm nắm ăn với muối vừng

Lấy chồng Hà Thiết xin đừng chê đen.⁽¹⁾

- (1) Câu này nói về đời sống dưới thời phong kiến ở khu vực xã Vân Hà huyện Đông Anh ngày nay. Xã Vân Hà gồm những thôn Vân Diêm, Hà Khê, Thiết Úng, Thiết Bình và Cổ Châu là một vùng đất trũng, cứ mưa to là bị lụt lội, làng này sang làng khác phải dùng thuyền. Dân sống cực khổ, mò cua bắt ốc nhiều nên người đen dùi.

54. Muôn nghìn chỗ lấy kẻ La

Cái tương thì thối, cái cà thì thâm

55. Muốn ăn rẽ tía trâu vàng

Đông con nên gả cho làng Chạ Nghi.⁽¹⁾

- (1) *Chạ Nghi*: tức làng Nghi Tàm ("Chạ" là tiếng cổ có nghĩa là làng). Làng Nghi Tàm thuộc xã Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội, xưa có nghề buôn trâu không và vỏ để ăn trâu.

56. Muốn làm kiếng⁽¹⁾ lấy gái Sài Gòn

Muốn ăn mắm cái lấy gái đen giòn Bạc Liêu.

- (1) *Kiếng*: cảnh.

57. Muốn lên Chợ Mới ăn dừa
Sợ e Chợ Mới phỉnh lừa người ta.

58. Muốn về Hòa Đại, Hiệp Luông
Sợ khe nước nóng, sợ ruộng Ba Gò⁽¹⁾.

(1) *Hòa Đại, Hiệp Luông*: tên hai làng thuộc huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Muốn đến đó phải qua khe nước nóng tự nhiên (nước nóng có thể luộc rau được) và ruộng Ba Gò, một bãi cát hoang rất rộng (rộng hàng trăm mẫu) ít cây cỏ, rất vắng vẻ, hoang vu.

59. Ngó ra Vàm Cày lù mù
Đồng Hồ, Thị Vạn, Tô Châu, Rạch Dừa
Ngó ra hòn Họ lừa thưa
Hòn Chong, Phụ Tử, trên bờ Tà Săng⁽¹⁾.
(1) Các địa danh thuộc tỉnh Kiên Giang. Tà Săng là tên một ấp có nhiều người Khmer ở.

60. Ngó vô Vũng Lắm, sông Cầu
Cù lao Ông Xá đứng hầu ngoài khơi.

61. Ngựa Lồng, Trâu Đụng, Dàng Xay⁽¹⁾
Khỏi ba thác ấy khoan tay mà ngồi.
(1) Ba con thác có hình giống như tên gọi, rất nguy hiểm ở đầu nguồn sông Cái (Nha Trang).

62. Người đẹp như Tiên
Tắm nước Đồng Triền cũng xấu như ma
Người xấu như ma
Tắm nước Đồng Trà cũng đẹp như Tiên.

63. Nhà Bè nước chảy phân hai
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.

64.

Nhất cao là ngọn núi Vồng⁽¹⁾

Nhất rộng làng Quyển⁽²⁾, nhất đông chợ Giầu⁽³⁾

Nhất đẹp con gái Bù Nâu⁽⁴⁾

Cứng cỏi Đanh Xá⁽⁵⁾, cơ câu Quyển Sơn.

(1) *Núi Vồng*: ngọn núi rất cao ở phía Bắc xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

(2) *Làng Quyển*: làng Quyển Sơn thuộc tỉnh Hà Nam, đất rộng người đông.

(3) *Chợ Giầu*: thuộc xã Tương Linh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

(4) *Bù Nâu*: thôn Bù Nâu, thuộc Ứng Hòa, Hà Tây.

(5) *Đanh Xá*: tức Đình Xá, thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Nơi đây có chùa Bà Đanh.

65.

Nhất cao là núi Tản Viên

Nhất sâu là vũng Thủy Tiên của Vương.

66.

Nhất xinh con gái Lam Cầu⁽¹⁾

Đói nghèo cay đắng đổ dầu Quan Nha⁽²⁾.

(1) *Lam Cầu*: thôn Lam Cầu, xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

(2) *Quan Nha*: cũng thuộc Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

67.

Nhật trình từ Ráy⁽¹⁾ đến Ô⁽²⁾

Bây giờ ta kể duyên do các làng

Tứ Kỳ⁽³⁾ ở đó rõ ràng

Trông lên lại thấy một làng Pháp Vân

Trông xa rồi lại trông gần

Đại Từ trước mặt, sau lưng Linh Đường

Vang lừng chợ Sét một bên

Qua cầu lại thấy bên trên có chùa

Kẻ đi người lại như đua
 Kẻ đi ghé nón, người vô cúi đầu
 Nhắc trông sang làng Tám càng màu
 Thiên thanh con lục, địa đầu Tam Giang⁽⁴⁾.

- (1) *Ráy*: tên nôm làng Văn Điển, nay là thị trấn của huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- (2) *Ô*: Ô Cầu Giễn, tên một cửa ô của thành Đại La cũ, trên bản đồ cũ ghi là Ô Thịnh Yên, nay là ngã tư giữa các đường phố Huế, Bạch Mai đường Đại Cồ Việt và đường Trần Khát Chân.
- (3) *Tứ Kì, Pháp Vân, Linh Đường*... tên các làng ven đường số 1 từ Văn Điển đến Hà Nội, nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.
- (4) *Tam Giang*: chỉ ngã ba sông ở đầu làng Giáp Bát, chỗ hợp lưu của sông Kim Ngưu và một con sông từ Ô Cầu Giễn chảy xuống.

68. Rù Rì⁽¹⁾ đường quẹo chữ chi

Anh qua cẩn thận kéo đi không về.

- (1) *Rù Rì*: đèo ở phía bắc thành phố Nha Trang, tuy chỉ dài 1km, nhưng gấp khúc, rất nguy hiểm đối với xe cộ. Có tài liệu cho rằng, tên đèo lấy từ tên của viên kỹ sư người Pháp Rury, người chịu trách nhiệm làm đèo.

69. Rủ nhau đi cấy xứ Đoài

Ăn cơm thời ít, ăn khoai thời nhiều.

70. Sông Đằng⁽¹⁾ nước mặn người đen

Ai đến Nhân Trạch⁽¹⁾ thì quên dáng người.

- (1) *Sông Đằng, Nhân Trạch*: sông Đằng ở làng Đằng Xá và làng Nhân Trạch thuộc xã Hoằng Đạo, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Câu ca dao muốn nói rằng vùng này làm ăn khó nhọc, người nơi xa đến ở một thời gian, da mặt đổi khác, khó nhận ra.

71. Tào Lâm, Văn Cồn đã từng
Ai qua Quán Giắt thì đừng có vô!⁽¹⁾
(1) *Tào Lâm, Văn Cồn, Quán Giắt*: ba làng ở huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, xưa kia có tiếng là vùng nước độc.
72. Thất Sơn ai đắp mà cao
Sông Tiền, sông Hậu ai đào mà sâu?
73. Thứ nhất là tội đeo gông
Thứ nhì vùng Bưởi⁽¹⁾ nằm không có mản.
(1) *Vùng Bưởi*: chỉ chung mấy xã thuộc tổng Trung, huyện Vĩnh Thuận, trước thời kì Pháp thuộc gồm các làng Hồ Khẩu, Yên Thái, Trích Sài, Bái Ân, nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội.
74. Tiếng ai như tiếng xứ Đoài
Ăn cơm thì ít ăn khoai thì nhiều.
75. Từ ngày ngược Đệ⁽¹⁾ theo anh
Má hồng để lại, mày xanh đem về.
(1) *Đệ*: Mường Đệ thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
76. U Minh, Rạch Giá thị quá sơn trường⁽¹⁾
Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp đua.
(1) *Sơn trường*: những trại đồn điền ở vùng rừng núi do triều đình phong kiến lập ra để quy tụ những lưu dân và tội nhân đến khẩn đất hoang.
77. Văn Yên⁽¹⁾ đất hẹp người đông
Việc làm vất vả long đong tháng ngày.
(1) *Văn Yên*: thuộc xã Hải Yên, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

78. Về coi đồng Mía, cồn Trăm⁽¹⁾

Cả đời vất vả, quanh năm đói nghèo.

- (1) *Đồng Mía, cồn Trăm*: thuộc thôn Ngọc Điền, xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Xưa kia nhân dân ở đây rất nghèo khổ.

79. Xứ nào bằng xứ Cạnh Đèn⁽¹⁾

Muối kêu như sáo thổi, đĩa lội lên như bánh canh.

- (1) *Cạnh Đèn*: thuộc tỉnh Minh Hải cũ.

80. Yêu nhau cho thật cho xôi

Ghét nhau đưa đến Kim Bôi, Hạ Bi.⁽¹⁾

- (1) *Kim Bôi, Hạ Bi*: thuộc tỉnh Hòa Bình, xưa kia người ta coi Kim Bôi, Hạ Bi là những nơi ma thiêng nước độc.

MỤC LỤC

	Trang
+ Lời giới thiệu.....	5
+ ĐẤT NƯỚC VÀ LỊCH SỬ.....	7
- NHỮNG NƠI CÓ DANH LAM THẮNG CẢNH, TRAI THANH GÁI LỊCH, PHONG TỤC THUẦN HẬU, NẾP SỐNG ĐẸP	9
- ĐẶC SẢN	58
- NHÂN VẬT LỊCH SỬ, SỰ KIỆN LỊCH SỬ.....	87
- CÁI NHÌN CỦA DÂN TA ĐỐI VỚI QUÂN XÂM LƯỢC VÀ TAY SAI	108
- ĐẶC ĐIỂM CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG.....	127

Ca dao

Quyển 1



Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VI QUANG THỌ

<i>Biên tập nội dung:</i>	BAN BIÊN TẬP
<i>Kỹ thuật vi tính:</i>	NGUYỄN HÀNG
<i>Sửa bản in:</i>	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG
<i>Trình bày bìa:</i>	NGÔ TRỌNG HIỂN

In 1.020 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty Cổ phần in
và thương mại Đồng Bắc.

Số đăng ký KHXH: 136 – 2009 / CXB / 35 – 14 / KHXH.

Số QĐXB: 23 / QĐ - NXB KHXH ngày 18/02/2009.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2009.

Sách Phát hành Kỷ niệm 10 năm thành lập

Nhà sách **Thăng Long**



101101101



Giá: 20.000đ